

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Phan Lạc Phúc (II)

#### Tiểu sử

Sinh năm 1928 tại phủ Quốc Oai, Sơn Tây.  
Mất ngày 28-2015 tại Sydney, Úc.

#### Tác phẩm

Tuyển tập tạp ghi (bút ký).



### Mục Lục

Tưởng niệm Thanh Tâm Tuyên – 2  
Chị Trúc trong thơ Nguyễn Bính - 4  
Nói thêm về Thanh Tâm Tuyên - 6  
Văn Cao: Giấc mơ của một đời người - 10  
Con đường bè bạn “Tô Thùy Yên” - 17  
Dấu ấn “Cung Tiến” – 22  
Kỷ niệm Tao Đàn – 26  
Chia tay “Tao Đàn” - 28  
Nhớ Phạm Đình Chương - 34

#### Phụ đính I:

Nhà văn Phan Lạc Phúc qua đời – Phan Lạc Tiếp - 40  
Tháng tư hoa tím – Lưu Na & Nguyễn Đình Toàn – 41  
Chia tay Phan Lạc Phúc – Nguyễn Xuân Thiệp - 43

#### Phụ đính II:

Hồi ký văn nghệ - Tạ Ty - 45  
“Tất cả dòng sông đều chảy” và Phan Lạc Giang Đông – Thế Phong – 46  
Về Phan Lạc Tuyên – Thư Khanh – 49

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Nhớ Thanh Tâm Tuyền...

Sao đạo này, cuối năm Dậu đầu năm Tuất, anh em, bạn hữu tôi "đi" nhiều đến thế: Phạm Huấn, Nguyễn Sĩ Tế, Nguyễn Hiền, Vũ Đức Vinh... Chưa kịp đau buồn người này đã nhớ thương người khác. Bây giờ lại một cái tin "sét đánh" nữa, Thanh Tâm Tuyền vừa mới tạ thế ngày 23 tháng 3 năm 2006 hồi 11 giờ 15 tại Minnesota, Hoa Kỳ, hưởng thọ 71 tuổi.

"Nhân sinh thất thập cổ lai hi", ở tuổi ấy cũng là đến cõi rồi nhưng ở Mỹ bây giờ 70 là còn trẻ, nhiều người còn đi làm mà cũng không thấy nói đau yếu gì, đừng một cái bạn ta dời bỏ cuộc chơi. Một cái chết im lặng, đột ngột và quyết liệt. Một cái chết rất "Thanh Tâm Tuyền".

Nói đến Thanh Tâm Tuyền (TTT) cây bút chủ lực của Sáng Tạo, người ta gọi, TTT là nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch đã đưa một thẩm mỹ mới, một hơi thở mới đến cho văn nghệ miền Nam. Không phải là một nhà phê bình văn học, tôi không dám có ý kiến về vấn đề này, nhưng tôi có may mắn được sống, làm việc bên anh những năm anh ở trong Quân đội, những ngày lao tù cải tạo và thời gian "nín thở qua sông" ở VN nên tôi nhìn anh khác. Tôi là một người bạn "đời thường" của TTT hơn là một người bạn văn. Với cái nhìn này, Thanh Tâm Tuyền đối với tôi là một người đọc sách chuyên cần, một nhà trí thức khắc kỷ.

Vào khoảng 1957, 1958 tôi có theo một bậc đàn anh của tôi cũng là đồng hương Sơn Tây, anh Nguyễn Huy Tạo bút danh Trần Lê Nguyễn, tới chơi nhà TTT ở ngõ Đổ Thành Nhơn sau tòa Bó chánh Gia Định. Cụ bà thân mẫu TTT có 2 ngôi nhà trong ngõ hẻm này. Tôi nhớ phải trèo những bậc thang xanh rêu có hoa khế tím rụng đầy mới lên tới căn phòng Thanh Tâm Tuyền ở. Chúng tôi tới nói phiếm, uống café, đôi khi rút "xi còm" với Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Vũ Duy Hiền... Căn gác có họa phẩm của Thái Tuấn, Duy Thanh, Ngọc Dũng treo đầy, đặc biệt có rất nhiều sách. Cuộc sống của chủ nhân khá đơn giản nhưng sách vở, trái lại, rất phong phú. Cái giá sách đã tỏ ra chật hẹp, sách nhiều pho, nhiều tập đã phải xếp xuống sàn. Sách Pháp (như trào lưu ngày đó) chiếm ưu thế. Một bữa nhìn qua đồng sách tôi nhận thấy khá nhiều tập nghiên cứu và phê phán chủ nghĩa Cộng sản từ Tư bản luận đến Duy vật biện chứng và Duy vật sử quan. Có những tác giả tôi quen, có những tác giả tôi chưa từng được biết. Thanh Tâm Tuyền cho tôi hay rằng một số lớn sách nghiên cứu về CS là của người bạn chung của chúng tôi, anh Tô Đăng (cùng dạy Trường Sơn với Thanh Tâm Tuyền sau khi giải ngũ và cùng khoá 2 Thủ Đức với tôi), cho mượn.

Tôi không nhớ rõ TTT đi khóa 14 hay 15 Thủ Đức, chỉ biết khi ra trường anh được bổ nhiệm đi giữ kho xăng ở một trung đoàn địa phương. Đầu thập niên 60, thời Đệ nhất Cộng hòa, tổng thống Ngô đình Diệm và bào đệ Ngô Đình Nhu muốn "chính trị hóa" Quân đội (QĐ), nhằm biến QĐ không đơn thuần là một QĐ nhà nghề mà là một đoàn quân chiến đấu vì lý tưởng. Ngành Chiến tranh Tâm lý sẽ được nâng lên thành Tổng cục Chiến tranh Chính trị theo mô thức của quân đội Trung Hoa Dân Quốc bên Đài Loan.

Sau khi mất cả một lục địa Trung Hoa, Tưởng Tổng Tài cùng với Quốc Dân Đảng của ông mới tái thiết Đài Loan thành một "quốc gia" mạnh mẽ, cả về kinh tế cũng như quân sự. Miền Nam dưới trào Tổng thống Ngô Đình Diệm muốn đi theo đường lối ấy. Năm 1961, một phái đoàn Chiến tranh Chính trị Trung Hoa Dân Quốc dưới quyền điều động của trung tướng Vương Thăng, tổng cục phó TC/ CTCT Đài Loan, sang miền Nam sửa soạn để dạy một khóa căn bản CTCT cho sĩ quan VNCH, đồng thời phổ biến kinh nghiệm cũng như tài liệu giảng huấn cho Trung tâm CTTL tọa lạc tại đường Lê Thánh Tôn, gần nhà thương Grall khu Đồn Đất.

Ngày ấy kẻ viết bài này phụ trách về huấn luyện tại Trung tâm CTTL. Trong tương lai, trung tâm này sẽ được cải tổ thành trường Đại học CTCT. Tài liệu giảng huấn của phái đoàn Vương Thăng tuy đầy đủ nhưng tình hình Đài Loan khác, tình hình miền Nam khác nên không thể áp dụng "nguyên si" vào quân đội miền Nam. Phải có những điều chỉnh, canh cải cho hợp lý. Đặc

biệt chú ý đến đề tài Ấp chiến lược, tuyên và phản tuyên truyền, phê phán chủ nghĩa CS vv... Ông cố vấn Ngô Đình Nhu, BS Trần Kim Tuyền thường đích thân duyệt xét những tài liệu này. Để thanh thỏa vấn đề giảng viên, trung tâm được ưu tiên nhận về trường những sĩ quan phù hợp trong việc giảng dạy. Vì đề tài phê phán chủ nghĩa CS, chúng tôi xin chuyển thiếu úy Dzur văn Tâm (tên thật của TTT) về trung tâm huấn luyện. Những tài liệu ngày nào trên căn gác nhỏ ngõ Đỗ Thành Nhơn được đem ra sử dụng, đồng thời TTT giới thiệu với chúng tôi một tác giả lớn, rất lớn, là Raymond Aron.

R. Aron được coi như nhà xã hội học đáng ghi nhớ nhất của thế kỷ 20; ông là đồng môn với J.P. Sartre ở trường lớn Normale Supérieure nhưng hai ông mỗi người đi một ngả. Trong khi giới trí thức Pháp thời kỳ đó ủng hộ chủ nghĩa cộng sản, nghiêng về phía tả, như nhà thủ lĩnh hiện sinh [Sartre. NQT], một mình R. Aron bênh vực cho phái hữu và nền dân chủ pháp trị. Ngay từ đầu thập niên 60 (thế kỷ trước), R. Aron đã tiên đoán là xã hội cộng sản một ngày không xa sẽ phải xóa đi, làm lại từ đầu (*Gauche, année zéro*, những bài giảng của ông gộp lại từ giảng đường Sorbonne). Xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở Liên Xô, Đông Âu cuối thập niên 80 nhưng R. Aron đã tiên đoán điều này gần 30 năm trước. Ngoài *Gauche, année zéro*, TTT còn đưa vào bài giảng một số luận điểm cũng của R. Aron trong cuốn biên khảo nổi tiếng "L'opium des intellectuels" (thuốc phiện của giới trí thức) trong vấn đề "có phải thiên tả mới là tiến bộ". Về đề tài khá gai góc 'phê phán chủ nghĩa CS', khối Huấn luyện chúng tôi có nhà văn TTT nhận định về phương diện lý thuyết; về phương diện thực tế khi áp dụng "chủ nghĩa duy nhất đúng", chính khách Nguyễn văn Chức (thượng nghị sĩ sau này) bằng những luận cứ vừa sắc bén vừa phúng thích đã nêu rõ sự xuống giá của động vật người trong xã hội CS.

Thanh Tâm Tuyền ngoài việc chuyên cần đọc sách còn là một người chịu khó tìm tòi. Thư viện của nhà trường hay nhà sách *Xuân Thu* (Portail cũ) có cuốn nào mới, đáng đọc là TTT biết liền. Anh cũng là người đầu tiên giới thiệu Kim Dung, nhà viết tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình đặc dị của Trung Hoa với anh em chúng tôi. Theo Thanh Tâm Tuyền, Kim Dung là người thực hiện được cuộc hôn phối tốt đẹp giữa cái bát ngát của truyện Tàu với kỹ thuật mới của Tây phương. Từ Thanh Tâm Tuyền chúng tôi bắt đầu đọc *Hồng Hoa Hội*, *Thư kiếm Ân cừu lục*, *Bích huyết kiếm* và đầu thập niên 60, Ý Thiên Đồ Long ký.

Như đã thưa ở trên, Trung Tâm chúng tôi ở đầu đường (?) Lê Thánh Tôn gần bệnh viện Grall. Có những buổi trưa, bạn chúng tôi, Mai Thảo, từ nhà hàng *Pagode* đi bộ vào trường chúng tôi không bao xa, ở lại ăn trưa. Ăn xong chúng tôi bàn về việc hai vợ chồng Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố từ Băng Hỏa Đảo về trung thổ số phận thế nào?

Câu chuyện đang say sưa thì ông LS Nguyễn Văn Chức mới từ bàn bên xía ngang vô: "Dầu sao chúng ta cũng là những người đọc sách. Tại sao chúng ta lại phí thì giờ về những chuyện kiếm hiệp ba xu như thế?". Tôi mới thưa lại cùng ông Chức: "Mới đầu tôi cũng nghĩ như ông. Nhưng "vào việc rồi mới biết tay nghề của thợ" (*À l'oeuvre on connait l'artisan*). Ông đã đọc *Les trois mousquetaires* [Ba người ngự lâm pháo thủ. NQT] tôi xin cam đoan với ông rằng Ý Thiên Đồ Long sẽ hạ *Les trois Mousquetaires* 6-0 là ít". Để chứng minh, tôi đưa 1 tập truyện Kim Dung cho nhà luật sư. Trưa hôm sau, nhà luật sư mặt mũi chồm lơ nói rằng: "Ly kỳ không chịu được ông ạ, đọc suốt đêm. Xin cho đọc tiếp".

Nhà đọc sách chuyên sâu Thanh Tâm Tuyền ở bàn bên nhìn tôi mà mỉm cười...

(Tiếp theo : [Nói thêm về Thanh Tâm Tuyền](#) - trang 6)

## Chị Trúc trong thơ Nguyễn Bính

Theo Bùi Hạnh Cẩn, tác giả NGUYỄN BÌNH VÀ TÔI, đồng thời cũng là anh em con cô con cậu ruột với tác giả LỖ BƯỚC SANG NGANG, thì bà thân của Nguyễn Bính mất rất sớm, khi Nguyễn Bính mới 3 tháng tuổi. Nguyễn Bính rời quê nội làng Trạm sang ở thôn Vân, quê ngoại (cùng thuộc huyện Vụ Bản - Nam Định) và lớn lên ở đó. Bùi Hạnh Cẩn và Nguyễn Bính như vậy vừa là anh em, vừa là bạn học, bạn thơ từ thu thiếu thời. Do vậy nên những tiết lộ của họ Bùi soi sáng nhiều điều trong thơ họ Nguyễn.

Có lẽ Nguyễn Bính là thi sĩ đầu tiên (đối với tôi) đã trang trọng đưa "người chị" vào thơ. Tập Lỡ Bước Sang Ngang của Nguyễn Bính xuất hiện năm 1938. Gần 60 năm sau tôi mới được nghe bài thơ Chị Tôi của Đoàn Thị Tảo cuối thập kỷ 90 vừa qua. Người tình, người mẹ, người em gái nhỏ ở trong thơ xưa nay không thiếu. Riêng một người chị, ngay từ những bài thơ đầu tiên và sau này suốt cuộc đời thơ, Nguyễn Bính đã giới thiệu "Chị Trúc" một cách thiết tha, đậm thắm. Trong 3 bài Lỡ Bước Sang Ngang đăng lần đầu tiên trên TIỂU THUYẾT THỨ NĂM năm 1938 đều có ghi "Tặng chị Trúc". Sau này nhiều bài thơ khác, khi đi lưu lạc giang hồ, đặc biệt những bài "Trăm câu một vắn", "Xuân tha hương" và "Xuân vẫn tha hương", tác giả đều gửi tâm sự về quê nhà, kể lể nỗi niềm cùng chị Trúc:

*Tết này chưa chắc em về được  
Em gửi về đây một tấm lòng  
Ôi chị một em, em một chị  
Giời làm xa cách mấy con sông ...  
Tết này chưa chắc em về được  
Em gửi về đây một tấm lòng  
Tết này, ô thế mà vui chán  
Những một mình em uống rượu hồng.  
Rượu say nhớ chị hỏi con gái  
Thương chị từ khi chị lấy chồng...*

Trong "Xuân vẫn tha hương", tác giả nằm đón giao thừa ở Huế, "suông cả ân tình rượu cũng suông", đốt ngọn đèn lên nhìn cái bóng cô đơn của mình in trên vách mà thở than cùng chị:

*Đêm ba mươi Tết quê người cũng  
Tiếng pháo giao thừa dậy tứ phương  
Chị ạ, em không người nước Sở  
Nhớ nhà đâu mượn tích Trương Lương  
Đất khách tình dâng nhòa mắt lệ  
Ôi nhà, ôi chị.. ôi quê hương*

Trong nhiều bài thơ khác, hình ảnh chị Trúc cứ thấp thoáng xa gần. Chị Trúc đối với Nguyễn Bính là chiếc khăn hồng chị cho để thấm những giọt lệ đời:

*Chị cho em chị chiếc khăn thêu  
Ý chị thương em khóc đã nhiều  
Khóc chị ngày xưa, giờ lại khóc  
Cho mình khi tắt một tình yêu..*

Chị Trúc là một quê hương để nhớ về - là một đối tượng hết sức thân thương triu mến để tác giả sẽ chia mọi nỗi cô đơn cũng như những phút giây hạnh phúc:

*Chiều chiều hai đứa sang thăm chị  
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu...*

Đọc thơ Jacques Prévert người ta nhớ Barbara - đọc thơ Argon người ta quen với Alsa, đọc Kiều người ta mong gặp Kim Trọng - đọc Lục Vân Tiên người ta nghĩ đến Nguyệt Nga... Đọc thơ Nguyễn Bính ai cũng muốn biết chị Trúc là ai mà người thơ gửi gắm nhiều tâm sự? Nguyễn Bính đã mất trên 30 năm rồi. Người thơ đã nằm im dưới mộ - Nguyễn Bính có một cái hơn người là càng ngày người ta càng đọc, càng ngâm thơ ông. Do vậy nên cái mong mỏi tìm hiểu về chị Trúc càng ngày càng thêm nôn nả.

Như để trả lời vấn nạn của chúng ta, người anh em của Nguyễn Bính, cũng là người bạn học, bạn thơ thiếu thời, Bùi Hạnh Cẩn đã dành một chương trong cuốn "Nguyễn Bính và Tôi" để nói đến chuyện này: "Những bài thơ về chị Trúc".

Bùi Hạnh Cẩn kể rằng Nguyễn Bính sau khi mất mẹ từ rất nhỏ, ông thân của nhà thơ là Nguyễn Đạo Bình tục huyền - cùng cha cùng mẹ với Nguyễn Bính (tên tục là Nguyễn Trọng Bính) chỉ có 2 người anh trai: Nguyễn Mạnh Phác và Nguyễn Ngọc Thu - Nhà thơ không có người chị ruột nào. Vậy chị Trúc là ai?

Người phụ nữ ấy (chị Trúc của nhà thơ) thật ra không có liên hệ họ hàng ruột thịt gì với nhà thơ hết. Theo Bùi Hạnh Cẩn, đó là một phụ nữ họ Lê tên là N.TH. (họ Bùi không hài rõ tên, chỉ ghi như vậy) người đẹp, da trắng, môi hồng, mũi dọc dừa, đôi mắt trong như nước hồ thu. Đặc biệt người phụ nữ này đã có chồng ở thị xã Hà Đông. Ở nơi này có anh ruột của Nguyễn Bính là Nguyễn Mạnh Phác vừa dạy học vừa làm văn nghệ viết kịch, viết báo, làm thơ. Ở tỉnh nhỏ, như thế đã là có giá. Sau này khi Nguyễn Bính nổi danh với Lữ Bức Sang ngang thì ông anh Mạnh Phác lại càng được mọi người nể trọng, và đương nhiên chị Trúc người được nhà thơ đề tặng cũng nổi tiếng theo. Thật ra lúc ấy "chị Trúc" chỉ là người em văn nghệ của Nguyễn Mạnh Phác. Một buổi nhà thơ Lê Văn Trương về Hà Đông thăm thú bạn bè - Mạnh Phác, được mời viết cho báo Ích Hữu do Lê Văn Trương phụ trách. Cần phải có một bút hiệu mới cho Mạnh Phác. Ngày xưa, theo lời ông cậu ruột của anh em họ Nguyễn, tức là thân sinh của Bùi Hạnh Cẩn, thì bà thân của họ Nguyễn "để rơi" Mạnh Phác ngoài lộ. Do vậy nên ngoài tên khai sinh Mạnh Phác còn có tên riêng ở nhà là "cu Đường". Bây giờ cần có một bút hiệu, mọi người mới ghép tên "người em văn nghệ" Trúc với tên riêng Đường thành bút hiệu Trúc Đường. Trúc Đường sau đó trở thành nhà viết kịch có tiếng ở miền Bắc.

Dạo đầu thập kỷ 40, trong không khí ngột ngạt của đệ nhị thế chiến sắp tràn tới Đông Dương, các văn nghệ sĩ có phong trào "đi", hay là "giang hồ vật", theo khẩu hiệu do Nguyễn Tuân đề xướng "Ta muốn sau khi ta chết, có người thuộc da ta làm chiếc valise". (NT cũng mượn câu nói này của một nhà văn Pháp, tôi không nhớ được tên). Nhưng đi để mà không biết đi đâu?"

*Ta đi nhưng biết về đâu nhỉ?  
Đã dấy phong trào khắp bốn trời.*

Mấy ông nhà văn, nhà thơ trẻ Nguyễn Bính, Tô Hoài, Trọng Can từ Bắc vào miền Trung, vô Nam rồi lại trở ra... Hãy nghe Tô Hoài kể lại trong hồi ký: "Chúng tôi ghé xuống Thanh Hóa trước tiên.. chúng tôi lại xuống Huế. Vào Huế, lại sống vật vờ như ở Thanh Hóa. Thành thạo Nguyễn Bính gửi thơ về đăng báo, nhờ Trúc Đường gửi tiền nhuận bút vào trợ. Nhưng thơ làm sao nuôi nổi người, huống chi lại những 3 người. Cũng đến ngày phải đi... chỉ có một mình Nguyễn Bính ở lại Huế".

Đây là thời kỳ Mạnh Phác và chị Trúc gửi thư và tiền vào cho Nguyễn Bính ở Huế. Đó cũng là thời kỳ Nguyễn Bính viết Xuân Tha Hương và Xuân vẫn tha hương.

*Tết này chưa chắc em về được  
Em gửi về đây một tấm lòng  
Một chị một em, em một chị  
Giờ làm chia cách mấy con sông...*

Chị Trúc, người Nguyễn Bính đề tặng thơ rất trang trọng, người Nguyễn Bính thiết tha sẽ chia tâm sự, thật sự ra chỉ là một "người em văn nghệ" của anh mình: Trúc Đường Nguyễn Mạnh Phác.

Đó chỉ là một hình bóng phụ nữ thoáng qua trong đời Nguyễn Bính. Nhưng nhà thơ trân trọng tôn thờ hình bóng đó, vì Nguyễn Bính mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, đã thiếu tình mẫu tử, lại không có chị, có em nào gần gũi. Chị Trúc thật ra rất xa mà lại rất gần đối với Nguyễn Bính. Đó cũng là ảo giác của người gần chết khát trong sa mạc, tưởng rằng mình sắp đến được một ốc đảo đầy suối trong và bóng mát...

## Nói thêm về Thanh Tâm Tuyên

(TTT, nhà thơ, nhà văn chủ lực của Sáng Tạo và cũng là nhà giáo, người tù cải tạo Dzur văn Tâm). Loạt bài này được đăng tải ở Úc, Mỹ, Canada và may mắn cho người viết có một số "phản ứng" vọng về. Do vậy nên kẻ viết bài này xin được "nói thêm về TTT" để hi vọng giải tỏa được phần nào những nghi vấn còn đọng lại. Như đã thưa trước, tôi chỉ là người bạn "đời thường" của Dzur văn Tâm, nên biết đến đâu, xin thưa đến đó mà thôi.

Một người bạn "lính" và cũng là bạn tù tù bên Mỹ phone sang hỏi rằng "tôi đi HO 1 cùng với gia đình TTT năm 1990 tới Louisiana mà sao bạn lại nói TTT định cư ở Minnesota". Chất vấn của bạn đúng nhưng thưa bạn chỉ đúng ở giai đoạn đầu. Bà TTT có người anh làm phi công lập nghiệp ở Louisiana. Ông anh này bảo lãnh cho gia đình bà em nên khi đi HO 1 cả gia đình TTT tới Louisiana như ông bạn nói. Nhưng một thời gian sau, những người bạn của TTT ở Minnesota như Cung Tiến, Nguyễn Cao Đàm mới thuyết phục TTT từ Louisiana sang Minnesota. Cung Tiến lúc đó, ngoài tính cách một nhà soạn nhạc, anh còn là nhà nghiên cứu và phân tích trong viện bảo toàn kinh tế Minnesota (Minnesota Department of Economics Security). Cung Tiến cũng còn là một thành viên tích cực trong Hội Nhân quyền Quốc tế (International Federation of Human Rights) và là một nhà hoạt động không mệt mỏi của cộng đồng người Việt Tự Do bắt đầu đông đảo ở St Paul. Còn người bạn cũ Nguyễn Cao Đàm ở Tổng cục CTCT và trường Cao đẳng Quốc phòng lúc bấy giờ cũng đang làm cho chính quyền tiểu bang vì ngày xưa anh học PH.D ở đây. Vì những người bạn này nên khi định cư ở Mỹ, nhiều anh em văn nghệ đã dừng chân ở Minnesota như Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, sau này như Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên. Đây là "đất lành" vì ngoài những anh em văn nghệ TTT còn có những người bạn thân từ thời đi học ở đây như các anh Nguyễn Văn Vỹ (dạy học), anh Nguyễn Ngọc Diễm (bộ Ngoại giao). Gia đình TTT từ Louisiana chuyển sang Minnesota có lẽ vì nơi này nhiều bạn bè hơn, đông vui hơn, dễ sống hơn.

Tôi không có những kỷ niệm về "đi dạy" với TTT nhưng các bạn trong nghề này như Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sĩ, Vũ Khắc Khoan... đều nhận định rằng "tuy mang danh là 'người nổi loạn' ('l'homme révolté) nhưng bài giảng quốc văn của TTT trong lớp lúc nào cũng đúng chương trình, nhiệt thành và mới lạ. Tôi mới được đọc một đoạn hồi ức của nhà văn miền châu thổ sông

Đồng Nai Võ Kỳ Điền (VKĐ) viết về "TTT tỉnh Bình Dương và những ngày dạy học". Tôi cũng không ngờ VKĐ lại là học trò cũ của TTT vì hai người tuổi tác không xa nhau bao nhiêu. Nhưng tôi chợt nhớ ra TTT đậu tú tài rất sớm (16 tuổi rưỡi) và cũng "thân lập thân" khi vừa mới lớn lên. VKĐ đã viết về ông thầy học cũ với những lời lẽ chân thành, xúc động. "TTT đã viết những dòng chữ lạ thường giữa một thời đại cũng hết sức lạ thường của dân tộc VN... Nhưng đối với riêng tôi, mãi mãi, TTT là một thầy giáo phẩm hạnh được học trò thương yêu và kính mến. Thầy cực kỳ thông minh, nhiều tài năng, kiến thức sâu rộng... Tác phẩm của TTT càng bị đá kích, càng sáng chói. Nhờ thầy Tuyên mà tôi biết mê cái thể giới văn chương với những nhận xét độc đáo, kỳ lạ... Những lúc thầy giảng bài, cả lớp ở dưới trông lên, không nháy mắt... tôi nhìn bằng cả một cõi lòng say mê, kính phục... Mà đâu phải chỉ có mình tôi thấy như vậy. Hình như các chị ở trong trường ai cũng đều ái mộ thầy hết... Tôi ước ao mai sau vừa được làm thầy giáo, vừa viết văn, làm thơ'.

Ở cuối bài, VKĐ có ghi lại một nhận xét thế này "Nhà văn Kiệt Tấn cho biết TTT cưới vợ là người đẹp Bình Dương ở miệt Búng. Tôi chưa từng nghe ai nói về việc này. Tôi hoàn toàn không biết gì về cô. Nếu cô thật là người Búng thì thi sĩ TTT và đất Bình Dương quả thật có duyên nợ, ân tình".

Thưa ông Kiệt Tấn, người bạn cũ năm ngoái từ Paris sang đây chơi, chúng ta không có dịp nào nhắc đến TTT; không biết ông dựa vào nguồn tin nào mà ông nói bà TTT là người ở Búng. Theo chỗ tôi được biết, ông thân với Cung Tiến, gần với Nguyên Sa mà khá xa với TTT. Bà TTT, không phải "người đẹp Bình Dương" mà là "tiểu thư Hậu Giang" lên Sài Gòn học, tôi không còn nhớ tại trường Nguyễn Bá Tòng hay Trường Sơn. Nhưng đã là học trò ông TTT thì theo như ông VKĐ vừa kể ở trên, từ sự cảm phục chuyển sang sự say mê là một chuyện rất gần. Và chẳng bà TTT luôn luôn có một sự trân trọng đối với nghề dạy học. Tôi còn nghe kể bà chọn trường cho cậu con trai lớn Dzur Minh Trí khi Trí vừa học xong trung học lúc TTT chưa được tha về. "Bây giờ con học cái gì hở mẹ?"- "Ngày xưa ông nội con làm nghề dạy học, bố con cũng thế thì bây giờ con vào trường Cao đẳng Sư phạm đi" (Sở dĩ phải vào Cao đẳng mà không vào Đại học vì "con ngụ" lý lịch kém không được vô Đại học).

Cậu con đầu này cũng ngang tàng, gai góc không kém. Cậu học chuyên văn, các giảng sư thường từ Hà Nội chuyên vào. Cao trào khi ấy là hạ nhục miền Nam trên mọi phương diện: xã hội chó sói, kinh tế ăn mày, văn hóa nô dịch. Các văn nghệ sĩ bị cầm tù hay đày đọa triền miên. Thân sinh ra Dzur Minh Trí là một trong những cái tên bị thóa mạ nặng nề. Cậu sinh viên "con ngụ" nghiện răng chờ đợi. Mãn khóa (2 năm) Dzur Minh Trí nhận một nhiệm sở đầu sóng ngọn gió Cần Giờ. Một bữa cậu về trường đứng đợi. Giảng sư "chửi bố" cậu vừa ra, cậu đâm xe vào honda của người ấy. Trong cơn căi vã, Trí "đục sặc máu mũi" nhà giảng sư kia rồi chuồn thẳng. Tình hình như vậy, Trí không thể nào ở lại được nữa, phải vượt biên ngay. Nhưng chuyến vượt biên vội vàng ấy, như trong bài trước đã nói, không xong. Ngày 29 Tết năm 1987, TTT lên Trung Chánh hỏi thăm thì nhận được tin "chuyến tàu vừa bị CA bắt".

Tôi đã vô cùng lo lắng cho gia đình bạn nhưng nhờ Trời "cùng tắc biến, biến tắc thông". Thời "mở cửa" cứ có "cây", có "chỉ" là muôn sự đâu vào đấy hết. Minh Trí lại được về, mưu tìm một chuyến đi khác nữa.

Nhưng bây giờ có một chuyện không biết giải quyết cách nào? Tôi gần đây mới hỏi Dzur Văn Chát (em ruột TTT) là cụ bà (thân mẫu TTT và Chát) đã biết tin về TTT chưa? Chát trả lời: "Em và các cháu chưa dám cho cụ biết. Cụ đã trên 90 rồi, yếu lắm. Không biết em phải làm thế nào đây?".

Năm 1965 vì thời cuộc Hội đồng Tương lãnh nhận nhiệm vụ trước quốc dân. Ủy ban Hành pháp Trung ương được ủy nhiệm lập chính phủ. Theo cơ chế mới, chính phủ quân nhân cần phải có một cơ quan ngôn luận để nói lên "tiếng nói" của mình. Vì có đi học khóa báo chí ở Mỹ nên tôi được đề cử phụ trách biên tập tờ TIỀN TUYẾN (TT), nhật báo chính thức của quân đội dời TTHL/ CTTL ra nhận nhiệm vụ mới. Chủ nhiệm đầu tiên của TT là thiếu tá Lê Đình Thạch bút hiệu Thạch Lê. Năm sau, chủ nhiệm là trung tá Phạm Xuân Ninh tức nhà thơ Hà Thượng Nhân, chúng tôi thường gọi đùa là "Hà chương môn". Thời kỳ này, TT từ 4 trang lên 8 trang, tòa soạn chúng tôi được tăng cường. Trung úy Dzur Văn Tâm gia nhập TT; công việc hằng ngày của anh là dịch tin AFP (tiếng Pháp) và sau đó cùng tôi bàn bạc làm tin "vedette" trong ngày. Tuy TTT là thi sĩ "mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây" nhưng anh có khá nhiều "étincelle" (sự phát sáng) về thời cuộc. Nó giúp cho tin chính 8 cột thêm phần hấp dẫn.

Hằng tuần TTT phụ trách trang kinh tế - chính trị (KT-CT) và tham gia trang văn nghệ (VN). Trang KT-CT của TT ngày ấy tương đối khởi sắc vì có khá nhiều bạn cũ của TTT ở trường Luật tham gia như Phạm Văn Thuyết, Nguyễn Văn Phong. Có nhiều bài của nhân viên cơ hữu trong tòa soạn nói về "đồng đô la xanh, đồng đô la đỏ", về "sự thử nghiệm vũ khí mới của Mỹ trên chiến trường Đông Dương xét về phương diện kinh tế" v.v... rất được bạn đọc theo dõi. Trên trang VN có nhiều bài phê bình, nhận định giá trị do TTT và bạn hữu viết. Kiến văn và sự làm việc tích cực của TTT đã làm cho tòa soạn "sáng lên" khá nhiều.

Ngày ấy ngoài việc phụ trách biên tập cho tờ báo, tôi còn có bổn phận viết TAP GHI (TG) hằng ngày. Khi làm trang nhất xong, trong tiếng rì rầm của máy in tôi ngồi kiểm bài trang trong và viết TG. Trong khi đó TTT ngồi viết feuilleton cho chuyện dài đăng từng kỳ trên báo (tôi không còn nhớ rõ đó là Cát lầy hay Dọc đường). Có tác giả viết sẵn từ ở nhà, có tác giả đến tòa soạn mới viết. Thảo Trường, Lam Giang đến là đưa bài ngay. Mai Thảo, Nguyễn đình Toàn đến tòa soạn mới viết. TTT là người viết kỹ nhất, chậm nhất, bản nháp của anh đập xóa, sửa chữa nhiều lần. Anh không chỉ là một văn nghệ sĩ, anh là một nhà trí thức khó khăn với bản thân mình trước hết. Trong "nghề" viết TG, tôi rất cần thông tin. Một giảng viên ở khóa học bên Mỹ nói về việc viết column "Information, information, information". Tôi nhiều khi bí rì. Ở tòa soạn, tôi có 3 nguồn tiếp tế. Nếu cần hỏi về Đông Phương hay Sử, Địa có "ông đồ bùn chữ như châu chát" Lam Giang; cần hỏi về triết sử hay văn học Tây phương có bạn TTT người đọc sách chuyên sâu và kỹ lưỡng; cần hỏi về thơ, văn tiền chiến có Hà "chương môn" hiểu rộng, biết nhiều. Đúng là trường hợp "học thầy không tày học bạn".

Có thể nói từ ngày TTT vô quân đội (1961 hay 1962), trừ một thời gian ngắn giải ngũ và sau này có gần hai năm anh làm việc trên trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt, lúc nào tôi cũng làm việc gần gũi TTT. Đặc biệt thời kỳ Tết Mậu Thân (1968), anh bị động viên trở lại và hội nhập với anh em TT chúng tôi. Ngày ấy "nhà banh" là "trăm phần trăm" ở trong trại 24/24. Chúng tôi là "kỳ giả" nhưng cũng phải cảm sung, tối đến đi phục kích, kiểm soát hay canh gác. Trong bài thơ Đường luật TTT có nhã ý tặng tôi sau này (dưới bút hiệu Trần Kha) có 2 câu kết "Mong ngày gặp gỡ nằm chung chiếu, Đâu lác qua đêm như đạo nào" là nói đến thời kỳ này.

TTT và tôi thường đem chăn, chiếu tối tối sang đài QĐ ngủ nhờ vì nơi ấy được bảo vệ chống pháo kích kỹ nhất khiến cho đài QĐ không bao giờ "mất tiếng". Chúng tôi kể cho nhau nghe nhiều chuyện. Tôi kể bạn nghe cậu học trò nhà quê là tôi ra tỉnh ngẩn ngơ như thế nào, các ông thầy học của tôi ra sao? Bạn kể tôi nghe thời niên thiếu của bạn, ông thân của bạn làm nghề dạy học kiêm viết báo La Volonté Indochinoise. Nhưng ông thân của bạn mất sớm năm ông 29 tuổi trong một tai nạn trên hồ Trúc Bạch khi bạn ta mới 5 tuổi, người em ruột của bạn Dzur Văn Chát mới 2 tuổi rưỡi. Bà thân của bạn còn trẻ 24 tuổi. Bạn không kể tiếp nhưng tôi được biết rằng TTT là một người "thân lập thân" rất sớm. "Anh có thể tưởng tượng được không, năm tôi 13 tuổi, tôi đã bị bắt nhốt vào khám Catinat như một người tù chính trị. Tôi ở với bà cô làm



nghe đan áo len thuê. Tôi có bốn phận đi giao áo, nhận len và tiền. Một hôm tới giao hàng tôi bị 'mã tà' bắt giữ vì nhà ấy bị nghi là trạm giao liên của CS. Tôi ăn cơm tù, bị giam rất sớm. Nhưng chừng 10 hôm sau tôi được thả ra, quay trở về Hà Nội".

Tôi, kẻ viết bài này, có may mắn quen biết cả người em, ông dự thẩm Dzur văn Chất (DVC) của quân đoàn 3. DVC cho hay là TTT về Hà Nội học Văn Lang, thầy Ngô Duy Cầu (vị giáo sư uống thuốc độc tự tử ít ngày sau khi Cộng sản vào Sài Gòn). Năm 1951 đi thi tú tài 1, TTT phải xin miễn tuổi vì lúc đó mới 15tuổi rưỡi. Năm sau 1952, TTT xong tú tài toàn phần và bắt đầu đi dạy. Trong 'Bếp Lửa', tác giả kể "tôi" tên Tâm đi dạy tại Bắc Ninh có thể là chuyện thật.

Những khi tôi đến chơi nhà ở sau tòa bố Gia Định, ông em DVC dù rằng chỉ xa nhau có vài tuổi vẫn thưa gửi với ông anh rất lễ phép. Mấy ông quân cảnh thường nói rằng ông tòa DVC rất nghiêm. Nhưng tôi thấy ông tòa thường không dám ngồi ngang với ông anh, khế kéo ghế ngồi né ra sau một chút. Ít khi anh em "mò côi" lại thủ lễ với nhau như thế.

Thời thập niên 50 (thế kỷ trước), nếu tôi nhớ không nhầm, sinh viên đậu tú tài có thể học bất cứ phân khoa nào ưa thích. Không ngần ngại TTT đã ghi tên học Luật, một khoa học nhân văn và đi theo con đường của thân sinh ngày xưa: đi dạy học. Ông không muốn theo học ngành khoa học thực nghiệm trở nên bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ có một tương lai rạng rỡ. TTT đã chọn lựa làm một trí thức có thể nghèo về vật chất nhưng giàu có về phương diện tâm hồn...

Thêm:

Đầu Xuân Đọc Tạp Ghi Của Ký Giả Lô Răng

Câu thơ "Nhớ bạn như đang nhớ thuốc Lào", [bạn ở đây là Phan Lạc Phúc, tức ký giả Lô Răng], của Thanh Tâm Tuyền, tuy thoát thai từ ca dao (nhớ ai như nhớ thuốc Lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên), nhưng chỉ những ai đã từng ở tù vi xi, thì mới cảm thấy hết được cái nỗi nhớ, và cùng với nó, là cái nỗi say, và kẻ hèn này cũng đã từng có một kỷ niệm huy hoàng (kinh hoàng, đúng hơn), về nó.

Ở trong tù hút thuốc Lào bằng khẩu ba zô ka, và, tôi không biết trại tù miền bắc ra sao, chứ ở trại tù miền nam, thường là cả lán chỉ có một khẩu, và, bạn biết rồi đấy, cái bi thuốc Lào đầu tiên buổi sáng, khi đang còn mắt nhắm mắt mở (đang còn say ke), nó mới ngon làm sao, say làm sao, và mới nhớ làm sao, những ngày sau này, khi không còn được ở trong trại tù!

Nhà văn gốc Do Thái viết văn bằng tiếng Hung, Imre Kertész, được giải Nobel năm rồi, đã nói đến những giây phút hạnh phúc ngắn ngủi, ở một nơi thỉnh thoảng có mặt trời là Lò Thiêu, tôi cứ thử tưởng tượng, nếu ông đi tù vi xi, chắc chắn phải thêm vào "một chỗ dưới mặt trời" - mượn cái tên phim có cô đào Taylor và chàng Monty Cliff - tức khoảnh khắc hạnh phúc mà điếu thuốc Lào mang lại.

Như trên đã viết, cả phòng chỉ có một khẩu ba zô ka, thành thử trước khi đi ngủ, "trại viên" thường tìm cách giấu khẩu súng, riêng cho mình, để sáng sớm hôm sau, là người đầu tiên nhét bi thuốc, châm que diêm bắn một phát, rồi ngã lăn đùng ra, mặc kệ trời đất xoay vòng vòng... Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền cũng đã tả cái thú bắn thuốc Lào này, trong Thơ Ở Đâu Xa:

### **Thơ thuốc Lào**

Ngồi chơi hút điếu thuốc Lào  
Tạm quên những lúc gian lao ưu phiền  
Điếu thông đóm nỏ thuốc êm (1)  
Thử coi sẽ thấy đảo điên đất trời  
Bạn tù ơi lửa châm rồi

Rít cho ròn rã mê toi cõi lòng  
Tựa lưng nhả khói thông dong  
Tít say lú lúp cả mong với chờ  
Kể chi vợ dại con thơ  
Sá gì chuyện cửa chuyện nhà mai sau  
Sá gì mấy cuộc bể dâu  
Loay hoay chỉ tổ bạc đầu mà thôi  
Này đây trà đậm chén mời (2)  
Long Giao còn thú tuyệt vời nào hơn (3).

Sáng bữa đó, "bạn tù", "trại viên", tức kẻ hèn này hân hạnh là người đầu tiên nạp đạn. Vừa nhả khẩu súng ra, chưa kịp ngã lăn đùng ra để phê, thì tiếng keng "tập hợp, chào cờ!" rùng rợn đã ré lên!

Thế là "chàng" cứ thế bò lăn, lê, mắt nhắm tít, để "kim" con say, nhằm hướng sân trại, đâu biết rằng tất cả bạn tù, lẫn quản giáo, đang "chiêm ngưỡng" từng bước "lăn trảm" của "chàng"!

Trong Tuyển Tập Tạp Ghi của Lô Răng, cũng có những dòng "sám hối, giải oan cho một trận thuốc Lào này," của Lô Răng, khi cô con gái khuyên ông, "Đừng hút thuốc Lào nữa bố ơi, con chịu không nổi." (Tuyển Tập Tạp Ghi, trang 66).  
Đấy là cô "lịch sự", không nói thêm, "... vì nó "hôi" lắm"!

Nguyễn Quốc Trụ

Chú thích:

(1) Ngược thuốc êm, là thuốc xóc, ép tim, có thể đi đoong, ngay khi vừa rời súng. "Nhà dịch thuật" Tú "Lê", dịch Bồ Già, đã đi luôn, sau bị thuốc tại trại Phú Văn.

(2) Trà đậm còn thua trà quạo, thứ trà bột xanh.  
Long Giao, tên một trại tù, nghĩa đen là rỗng "ăn nằm".

## Văn Cao: Giác mơ của một đời người

Đầu năm 1995, có người trao cho tôi một cuốn video mà tôi mong đợi đã từ lâu. Cuốn băng về Văn Cao: "Giác mơ của một đời người". Từ bữa ấy tới nay, đã 2, 3 lần xem đi xem lại cuốn băng này mà lần nào xem xong tôi cũng không tránh khỏi thờ dài. Một con người tài hoa như vậy, tâm hồn lớn lao như vậy, có công đóng góp như vậy mà cuối đời, sao mà tẻ lạnh, buồn tênh. Một ông già lụm cùm, râu tóc bạc phơ, một mình trong gian phòng vắng, ngoài trời mưa bay, cây bàng khắng khiu, những chiếc lá cuối cùng đã rụng. Văn Cao nhìn "cây bàng mờ cõi mùa đông", trong khi chiếc đồng hồ trên tường không ngừng nghỉ, điểm những giọt thời gian tích tắc, tích tắc. Những tiếng tích tắc ấy vang lên mênh mông trong gian phòng vắng như một câu hỏi mơ hồ nhưng khắc nghiệt: đến bao giờ. Đến bao giờ xuất hiện dấu chấm hết cho một đời người, bởi vì không ai tránh khỏi: con người sinh ra là để chết ("l'homme, un être mortel"). Những tiếng tích tắc ấy như những giọt cường toan (acid) nhỏ xuống lòng người.

Khi cuốn băng này ra đời (1994), Văn Cao đã bước qua ngưỡng cửa "thất thập cổ lai hi". Không nói ra nhưng những người dựng cuốn băng này muốn thực hiện một khúc bi ca, viếng người còn sống; sợ không làm thì không còn kịp nữa, thời gian gấp gáp đuổi sau lưng... Cũng

có thể những người thực hiện cuốn băng thấu hiểu cái lẽ "sinh ký tử qui" (sống gởi thác về) giống như người xưa, có tuổi rồi là sắm một "cổ áo" để sẵn trong nhà phòng khi hữu sự. Hay là bắt chước mấy ông nhà Nho già ngày trước, thân với nhau đến độ làm sẵn những đôi câu đối sinh vãng (làm sẵn từ khi còn sống) để lỡ khi bạn mình nằm xuống đất thì đã có sẵn câu đối, cứ thế mà treo lên. "Người sắp chết nói lời khôn -- Chim sắp chết, tiếng kêu thương".

Xem cuốn phim video này nó thảm, nó buồn là vì vậy. Ở Úc này, nghe nói có loài chim thornbird (cũng như cuốn tiểu thuyết lừng lẫy The Thorn Bird). Giống chim này hót hay nhất, thê thiết nhất, tuyệt vời nhất khi chiếc gai nhọn đâm thấu vào tim, máu chảy tràn trề. Máu trong tim vừa cạn thì khúc bi ca cũng vừa chấm dứt. Cái cảm giác thảm thê, rờn rợn khi xem cuốn video này của tôi (ký giả Lô Răng) đã dự báo đúng. Văn Cao, con chim thornbird VN đã mất vào tháng 7/1995. Những người yêu mến Văn Cao đã kịp thời thực hiện cuốn băng này trước khi không còn kịp nữa.

Nhưng theo tôi buồn một nỗi là cuốn video này là một tác phẩm bất toàn. Cuốn băng có 8 bài hát, những tác phẩm siêu việt của Văn Cao (Suối Mơ, Thiên Thai, Buồn Tàn Thu, Cung Đàn Xưa, Thu Cô Liêu, Đàn Chim Việt, Trương Chi, Sông Lô). Những hình ảnh trong cuốn băng này rất chọn lọc, tìm tòi, hàm súc (chứa đựng nhiều nhưng không lộ ra), chứng tỏ đạo diễn có một tay nghề cao, một tâm hồn nhạy bén. Những lời tự thuật ngậm ngùi của Văn Cao, cảnh người nghệ sĩ già chống gậy đứng ngẩn ngơ trước một con ngõ cũ hoang tàn, những chiếc lá bàng nhỏ lệ trong mưa đã phần nào nói lên tâm sự của Văn Cao, một nhạc sĩ sáng tác Tiến Quân Ca, đồng thời là một người tù bị giam lỏng vì liên hệ tới Nhân Văn Giai Phẩm.

Cuốn băng này bất toàn vì theo tôi (ký giả Lô Răng) phần nhạc và hát trong cuốn video không xứng với phần dàn dựng và hình ảnh. Kỹ thuật thu thanh ở VN còn yếu, tôi thoát đầu đã nghĩ như vậy. Nhưng nghe kỹ tôi thấy những người thực hiện đã "thả nổi" phần nhạc, phần ca. Hòa âm sơ sài, đơn điệu. Người hát không hiểu tinh thần bài hát, hát không "tới" và lời ca sai lạc rất nhiều. Những người soạn nhạc nổi danh ở VN, trước khi là nhạc sĩ, đã là thi sĩ. Lời của Văn Cao trong các bản nhạc của ông là "lời châu ngọc". Ca sĩ "bây giờ" hát bừa đi, ào đi, chữ nọ lẫn chữ kia, người già như tôi nghe lại bài hát cũ mà như vừa đánh mất một cái gì quý giá.

Có một sự việc rất rõ trong vấn đề "thả nổi" kia. Sắp sửa vào bài gọi là Đàn Chim Việt, Văn Cao trong lời tự thuật cho rằng "Tôi ngày xưa có yêu thầm một người con gái mà không dám nói ra. Nhưng người con gái ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Vì thế nên mới có câu "Em đến tôi một lần" và mới có bài hát này". Đến khi ca sĩ hát đi hát lại bài này, tôi không tìm thấy câu "Em đến tôi một lần" đâu hết. Từ đó tôi mới dám nghĩ rằng chính bản thân tác giả Văn Cao không được hỏi ý kiến và không được nghe ca sĩ hát tác phẩm của mình.

Đầu thập niên 40, tôi là anh học trò mới lớn, tuổi 15, 17. Thời kỳ tôi thuộc nằm lòng Thăng Long Hành Khúc của Văn Cao: "Cùng ngược mắt về phương Thăng Long thành cao đứng. Trông khói sương chiều ám trên giòng sông". Tôi bắt đầu say mê Buồn Tàn Thu với lời đề tặng đáng ghi nhớ của tác giả trên đầu bài hát: "Tương tiền Phạm Duy, kẻ du ca đã gieo nhạc buồn của tôi đi khắp chốn". Lúc bấy giờ Phạm Duy đang đi theo các đoàn cải lương suốt từ Bắc vào Nam và ngược lại. Giữa hai màn cải lương, Phạm Duy ôm đàn hát: "Đêm mùa thu chết. Nghe mùa đang rớt rơi theo lá vàng. Em ngồi đan áo Lòng buồn vương vấn. Em thương nhớ chàng" (Buồn Tàn Thu). Lời hát ấy, thời bấy giờ gọi là "entre-scènes". Và Phạm Duy cho tới nay vẫn tự xưng là một kẻ hát rong, chính đã bắt đầu như vậy.

Cách mạng tháng 8 bùng lên. Như một trò chơi hấp dẫn, người học trò mới lớn ném cả tâm hồn và thể xác vào cuộc đấu tranh giành độc lập cho xứ sở Văn Cao lúc ấy nổi lên rực rỡ như một khuôn mặt điển hình của thanh niên. Vừa mang súng lục làm Trưởng ban Ám sát thành (theo

lời Tô Hiệu, Hải Phòng) vừa là nhạc sĩ sáng tác những bản nhạc đấu tranh cách mạng: Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, Hải Quân Hành Khúc, Không Quân Hành Khúc, Bắc Sơn, v. v... Không những thế con người cách mạng ấy còn là tác giả của những khúc tình ca ngây ngất: Suối Mơ, Thiên Thai, Đàn Chim Việt, Trương Chi.

Cách mạng bùng lên, rồi kháng chiến trường kỳ... Văn Cao là một nhà sáng tác lừng lẫy. Phạm Duy lúc bấy giờ là một ca sĩ hàng đầu, được yêu mến khắp mọi nơi...

### **Văn Cao: Gặp gỡ**

Tháng 2/1947, chúng tôi (ký giả Lô Rãng) tự vệ khu Đông Thành, sau 2 tháng kháng chiến bằng lựu đạn, bằng mã tấu, bằng "súng trường Indochinois", đã rút ra khỏi Hà Nội, "bỏ kinh thành rùng rục cháy sau lưng". Trong khi anh em khác đi Liên khu 10 gia nhập Trung đoàn thủ đô, tôi về quê (Quốc Oai, Sơn Tây) vào Ban Tuyên truyền xung phong của tỉnh. Tôi có một ông anh (lấy bà chị họ tôi) làm "lớn". Tôi không biết chức vụ của ông là gì. Chỉ biết ông quen biết những cán bộ trên khu, trên tỉnh. Đặc biệt ông có bên mình hai khẩu súng lục. Một khẩu Colt 12 bắn đạn Thompson lùn tịt, một khẩu nửa Parabellum của Đức bắn đạn 9, Thời trường kỳ kháng chiến, ai cũng quần nâu áo vải, chưa có quân hàm, quân hiệu nên cứ nhìn "súng" là ắt biết người. Anh nào mang mã tấu mà lại răng đen thì "chém chết" cũng là du kích. Anh nào vác Mút-cơ-tông dài ngoằn thì khỏi phải hỏi, đó là binh bết. Anh nào mang súng ngắn thì biết ngay đó là "cán bộ". Do đó nên mới có thành ngữ "quan to, súng ngắn". Từ thành ngữ này mà luận ra thì súng càng dài bao nhiêu thì cấp càng thấp, súng càng ngắn thì chức càng cao. Trong thời kỳ đó mà ông anh tôi có những hai súng ngắn, súng nào cũng thuộc loại "chiến" thì phải hiểu là ông anh tôi có cỡ đến mức nào. Hỏi ông ấy làm gì thì ông chỉ ừ hử không chịu nói ra. Ngoài việc là quan to, súng ống đầy người, ông còn đàn ngọt, hát hay nên tôi chịu ông anh này lắm.

Một hôm, ông anh tôi mới hỏi tôi "Muốn đi gặp Văn Cao không?". Thời kháng chiến 9 năm, Văn Cao là một tên tuổi lẫy lừng khắp nước, ai mà không hát Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, ... ai mà không ngâm ngợi "Từng hện mùa xưa cùng xây nhà bên suối...".

Cho nên tôi nao nức đạp xe đi theo ông anh tôi liền. Từ quê tôi qua Thạch Thất, tới Cầu Trò rồi theo đường liên tỉnh (lúc đó đã bị phá hoại, đào đường kháng chiến ngang dọc khắp nơi, nhưng xe đạp vẫn còn đi được) lên thị xã Sơn Tây Từ Sơn Tây qua Quảng Oai lên bến Trung Hà. Ở đây phải đi đò qua sông Cái (sông Hồng) sang một thành phố ngã ba bên kia sông: Việt Trì. Ngày xưa chỗ này gọi là Ngã ba Hạc. Việt Trì là một thành phố trại lính. Thời Pháp thuộc có hẳn một binh đoàn Lê Dương (Légion Viet Tri) trấn đóng khu vực chiến lược này. Đây là địa đầu của trấn Sơn - Hưng - Tuyên (Sơn Tây - Hưng Hóa - Tuyên Quang) trọng yếu ngày xưa.

Sang đến bên kia sông, ông anh tôi đi tìm một người bạn "thổ công" ở miền đất này. Đó là nhạc sĩ Lưu Bách Thụ, tác giả Con Thuyền Xa Bến ("Theo gió thuyền xuôi Sóng đưa bè trôi.."). Theo ông anh tôi kể lại, Lưu Bách Thụ nguyên là lính kèn ở thị trấn này. Bây giờ ông không thổi kèn tò te, tí te nữa mà ông sáng tác nhạc cải cách và trở thành ông bầu văn nghệ đầu đàn thời ấy, gồm những khuôn mặt lớn như kịch sĩ Song Kim (bà Thế Lữ), Phạm Văn Đôn (kiêm họa sĩ, nhạc sĩ), các ca sĩ Phạm Duy, Mai Khanh, Phạm Đình Viêm (Hoài Trung sau này), nữ ca sĩ Thương Huyền, Hoàng Oanh (Hoàng Oanh xưa ở Hải Phòng, không phải Hoàng Oanh bây giờ), v. v... Văn Cao, ngoài tư cách là nhạc sĩ sáng tác, còn kiêm nghề tiên đạo (élément précurseur) đi trước một bước để sắp xếp nơi diễn và lo liệu nơi ăn chốn ở cho đoàn kịch. Đoàn chưa đến nhưng Văn Cao đã có mặt trước ở Việt Trì. Tôi theo ông anh tôi và nhạc sĩ thổ công Lưu Bách Thụ tới một quán nước ven bờ sông. Ở đó, tôi gặp một người đàn ông còn trẻ chừng 24, 25 tuổi nhưng có vẻ muốn già đi với cái mũ nồi sụp trước mắt và chiếc pipe (ống điếu) phì phà khói. Người thanh niên này không đẹp trai, phải nói như vậy, nhưng có một phong cách khác người, một vẻ tự tin đặc biệt. Ông anh tôi khẽ nói với tôi "Văn Cao đấy". Đến lượt tôi tiến tới bắt tay, anh tôi bỏ nhỏ "Cậu em tôi ở quê nhà, muốn được gặp Văn Cao". Người thanh

niên không nói gì, chỉ giơ tay bắt, con mắt nheo lên một nét cười thâm lặng.

Lúc bấy giờ tôi là một anh "nhóc" mới lớn lên, 19 tuổi, nên ngồi im nghe các đàn anh chuyện vãn. một lát sau, bún riêu, cà phê xong xuôi, ông anh tôi và Lưu Bách Thụ vội vàng đi vì nghe tin thuyền buồm chở đoàn kịch đã tới. Chỉ còn Văn Cao và tôi ngồi lại. Văn Cao vẫn không ngớt phì phà khói pipe. Tôi rụt rè nêu câu hỏi: "Đạo này, hát bài của anh sướng quá. Từ các bản cách mạng Tiến Quân Ca, Bắc Sơn sang các bản trữ tình Suối Mơ, Thiên Thai Đạo năm ngoài triền lãm Cách mạng tháng 8 ở Khai Trí Tiến Đức còn thấy bày tranh của anh nữa Rồi thơ Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc". Văn Cao giơ tay như muốn ngắt lời tôi: "Tôi hiểu ý của cậu rồi Có phải cậu muốn hỏi rằng tôi rồi đây sẽ nghiêng về địa hạt nào ? ". Tôi gật đầu, đồng ý. Văn Cao nói tiếp, "Tôi sống với cả ba, nhưng thời kỳ qua có thể gọi là thời kỳ nhạc, thời của Cách mạng, của kêu gọi, của đám đông. Đến một lúc nào đó, con người phải quay về với nội tâm mình, có lẽ thời kỳ đó đối với tôi là thời kỳ thơ, thời kỳ họa Với lại về nhạc, đạo này có một người bạn tôi, mới sáng tác nhưng anh ta có một sensibilité kỳ lạ (tôi còn nhớ nguyên chữ sensibilité được nói rất trang trọng của Văn Cao)" -- Người ấy là Phạm Duy

Thành phố trại lính Việt Trì cũng như các thành phố khác lúc bấy giờ đang tiêu thổ kháng chiến. một rạp hát đã bị phá bỏ mái, không còn tường bao xung quanh, nhưng sân khấu vẫn còn. Buổi trình diễn của đoàn ca kịch Giải Phóng cho quân, dân, chính Việt Trì được tổ chức trong nhà ấy. Không có ghế, mọi người phải ngồi xổm xuống sàn mà coi. Có kịch "Trà con tôi đây" do những kịch sĩ danh tiếng một thời trong ban kịch Thế Lữ thủ diễn. Có đơn ca của Thương Huyền "... Khi bước đi, vó câu xa xa dồn bao nhớ thương". Có tam ca Hòn Vọng Phu I do Phạm Duy - Mai Khanh - Thương Huyền trình bày. Có những bài hát hài hước "Con vỏi con voi, cái vỏi đi trước", "Con mèo mày trèo cây cau" của Nguyễn Xuân Khoát do giọng ca trầm ấm và dí dỏm của Phạm Đình Viêm diễn tấu. Có đơn ca của giọng hát đang được yêu chuộng nhất lúc bấy giờ: Phạm Duy Ca sĩ đêm nay hát bài của anh vừa sáng tác xong: Chiến Sĩ Vô Danh. Anh đã cúi đầu chào khán giả vừa định rời sân diễn thì một tiếng hô, không biết của ai, vang lên "Trương Chi mới, Trương Chi mới", cùng tiếng vỗ tay từng chập nổi lên. Hồi đầu thập niên 40, Văn Cao đã sáng tác một bài Trương Chi Bài hát chưa được phổ biến rộng rãi, mới được lưu hành hạn hẹp trong một số người thân quen với tác giả. Nhưng giờ đây, sau Cách mạng tháng 8/1945, Văn Cao sáng tác một bài Trương Chi khác, được coi là một thành tựu mới Bài Trương Chi này chưa được chính thức phát hành; nó là bài hát đang được kiếm tìm, đang được ưa chuộng của người thưởng ngoạn. Cùng một lúc với những bài hát cách mạng như Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, Bắc Sơn, Không Quân VN, Hải Quân VN... Người ta còn tìm thấy nơi Văn Cao một nguồn suối những bản tình ca thần thoại: Bến Xuân, Suối Mơ, Thiên Thai, Trương Chi, ... Người ta bàng hoàng ngỡ ngàng, choáng ngợp trước tâm hồn giàu có và đa dạng của tác giả.

Phạm Duy, người ca sĩ thời danh, đã ôm guitare bước ra trước sân khấu Mắt kính trắng loáng trước ánh đèn "Măng xông". Anh nghiêng đầu, tay vuốt nhẹ một arpège dẫn vào khúc dạo của Trương Chi Cả thính phòng im phắc. Chỉ nghe một tiếng hát, không phải từ cuộc đời này mà từ một tiền kiếp xa xôi nào vọng lại:

*"Một chiều xưa trắng nước chưa thành thơ,  
Trầm trầm không gian mới rung thành thơ .. "*

### **Văn Cao: Bến Xuân**

Đối với anh em văn nghệ, buổi trình diễn đầu năm 1947 ở Việt Trì chỉ là "công tác". Cuộc gặp gỡ sau khi trình diễn mới là đáng kể. Chiến tranh toàn quốc mới nổ ra mấy tháng, nhưng súng đạn làm cho những cuộc gặp gỡ bất ngờ trên đường kháng chiến thêm đậm đà ý nghĩa. Chỉ mấy tháng thôi nhưng Hà Nội - Hải Phòng đã thấy xa vời vợi. Vùng ánh sáng mờ mờ kia đó là

Hà Nội, nhưng đâu còn về được.

*Thương nhớ ở hồ thương nhớ ai  
Sông xa từng lớp lớp mưa dài  
(Thơ Quang Dũng)*

Trong cơn mưa đêm lấm tẩm của một mùa xuân muộn, mấy người bạn văn nghệ tìm đến nhau Nhạc sĩ "thổ công" Lưu Bách Thụ và cũng là "khổ chủ" đưa mấy người bạn thân đi khoản đãi riêng. Trong một căn phòng nhỏ còn lại của một nhà khác địa phương đang phá dỡ, mọi người tụ tập, uống rượu mía đặc biệt Quảng Oai, ăn cháo gà. Căn phòng nhỏ lù mù dưới ánh đèn dầu hỏa chỉ có dăm bảy người chen chúc. Có Văn Cao, Phạm Duy, Thương Huyền, Hoàng Oanh. Khổ chủ Lưu Bách Thụ và ông anh tôi Trần Ngọc D.. Tôi may quá được "ăn theo". Trong số các khuôn mặt hiện diện, theo lời ông anh tôi cho biết, đáng lưu ý nhất là một người đẹp "huyền thoại" của Hải Phòng. Ở đây có 2 người Hải Phòng: Văn Cao và Hoàng Oanh. Đầu thập niên 40, Hoàng Oanh đã là nguồn cảm hứng để Văn Cao sáng tác khúc tình ca bất hủ Bến Xuân.

*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước  
Em đến tôi một lần...*

Đó là Hoàng Oanh đến thăm Văn Cao trên bến đò Rừng. Có lẽ người đẹp chỉ đến một lần, rồi không đến nữa, nên trong lời ca thứ hai của bài Bến Xuân, Văn Cao kể lể:

*Chiều nay tôi vẫn còn ngỡ ngác  
Em đến tôi một chiều  
Bến nước tiêu điều còn hằn in nét dáng yêu...*

Nàng không đến nữa, tất cả chỉ còn là kỷ niệm: "Không có em, cõi nhân gian này hoang vắng" (Un seul être vous manque, tout est dépeuplé) (Thơ Lamartine). Vì vậy nên Văn Cao sáng tác Bến Xuân như một hoài niệm xót xa và đẹp để nói về một cuộc tình vừa mới nhen lên đã tắt.

Được biết người đẹp Hoàng Oanh sau đó đã lên xe hoa, về làm vợ một nhạc sĩ rất tiếng tăm thời ấy cũng ở Hải Phòng, bỏ lại Văn Cao, bỏ lại căn nhà "bên chiếc cầu soi nước". Nhưng hồng nhan đa truân, người đẹp Hoàng Oanh vui duyên mới đâu được vài năm, người chồng nhạc sĩ tài danh vẫn số kia tạ thế. Hoàng Oanh trở thành một góa phụ đa cảm đa sầu Chiến tranh toàn quốc, người thiếu phụ đi theo ban ca kịch, đi kháng chiến để phần nào nguôi quên sầu muộn. Theo con mắt tôi (ký giả Lô Răng), một gã thanh niên vừa lớn, thì Hoàng Oanh vẫn đẹp náo nùng. Không phải là cái đẹp mơn mớn của tuổi dậy thì, mà là cái đẹp tròn đầy của một trái cây vừa chín tới!

Bữa ăn đêm ảm bụng thêm vào chất rượu đặc sản Quảng Oai, Sơn Tây, rượu mía ngọt lừ mà say lúc nào không biết. "Thổ công" Lưu Bách Thụ tay cầm ly rượu ngất ngưỡng đứng lên "Đêm nay, không ngờ lại gặp được Văn Cao và Hoàng Oanh ở đây, 2 người con yêu của Hải Phòng mà cũng là 2 nhân vật chính trong bản tình ca Bến Xuân bất hủ. Để mở đầu cuộc họp mặt văn nghệ thân hữu đêm nay, yêu cầu anh Phạm Duy hát lại Bến Xuân... ". Tiếng vỗ tay hưởng ứng vang lên trong căn phòng nhỏ. Trong khi Phạm Duy đi tìm cây đàn guitare tròng vào vai, Văn Cao cảm khái ngâm 2 câu thơ dẫn nhập:

*Chiều nay run rẩy tha đôi cánh  
Một cánh chim xưa đến lạc loài.*

Lời thơ chìm vào âm điệu trầm buồn dịu dặt của cung Ré thứ. Phạm Duy bắt đầu hát:

*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước  
Em đến tôi một lần  
Bao cánh chim rừng, rập rờn trên khắp bến Xuân...*

...

*Đi vai theo dốc suối mơ ven đồi  
Còn thấy chim ghen lời âu yếm  
Tới đây sao thấy lòng ngập ngừng  
Mắt em như dáng thuyền trên nước  
Tà áo bay tung nghe thoáng nhẹ thẹn thùng - ngoài bến Xuân...  
Sương mờnh mờng che lấp kín non xanh  
Về đâu buồn mây còn trên lớp sóng Xuân  
Ai tha hương nghe róc rách oanh ca  
Cánh nhạn vào mây thướt tha  
Lưu luyến tình vừa qua...*

Từ khi nghe bài Bến Xuân đến nay đã gần 50 năm trôi qua. Ngày ấy tôi là một thanh niên vừa mới lớn, mà bây giờ, vài năm nữa, tôi đã là một anh già già "thất thập"... Nửa thế kỷ... thời gian đâu có ngắn, nhưng mỗi khi nhớ lại bài Bến Xuân, tôi lại thấy suốt châu thân rờn rợn. Phạm Duy không phải là một giọng ca vàng, nhưng Phạm Duy hơn người ở chỗ anh biết nắm lấy cái "thần" của từng bài hát. Bài hát ấy đã thấm vào tâm hồn ngây dại của tôi lúc ấy, và ở lại đó nguyên. Ở trên đời này, có biết bao nhiêu mối tình nào dở dang, trữ tình, dù dặt, xót xa như Bến Xuân năm ấy. Có thể khung cảnh đặc biệt trong một đêm Xuân ở Việt Trì đã ghi khắc vào tâm hồn non dại của tôi những dấu vết không phai. Hai người tình xưa gặp lại nhau trong một đêm xuân mưa bụi. Gặp nhau đây, bao nhiêu kỷ niệm xưa bừng dậy nhưng ngày mai... không hứa hẹn gì. Chiến tranh, đổ nát, chia ly. Kỷ niệm xưa càng đẹp, chia tay bây giờ lại càng đau xót. Bất giác tôi nhớ lại câu thơ của J. Prévert:

Tôi yêu em và em yêu tôi,  
Nhưng những kẻ yêu nhau thường bị cuộc đời chia rẽ (Moi qui t'aimais. Toi qui m'aimait.  
Mais, la vie sépare ceux qui s'aimaient)

### **Văn Cao: Giấc mơ thê thảm**

Theo tôi nghĩ, một bài hát mà mình yêu thích thường đánh dấu một quãng thời gian, không gian nào đó, khắc ghi một kỷ niệm đáng nhớ trong đời. Bài hát ấy, không gian ấy, ca sĩ ấy.. tất cả tạo thành một dấu ấn (imprint) không quên. Đối với tôi, bài Bến Xuân là một vùng kỷ niệm của ngày đầu đi kháng chiến chống Pháp, có "giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến", có đôi người tình cũ Văn Cao - Hoàng Oanh gặp nhau rồi xa nhau, có bến giang đầu Ngã ba Hạc, Việt Trì thê thiết, có giọng hát thấm vào lòng người của Phạm Duy. Nó cũng đánh dấu thời kỳ đầu kháng chiến của bao nhiêu lứa thanh niên kẻ trước người sau, nô nức đi vào ngày hội lớn.

Vào khoảng giữa năm 1947, ông anh tôi Trần Ngọc D. không "công tác" ở vùng Sơn Tây nữa, lúc bấy giờ thuộc Khu 2, mà đi lên Khu 10 tận Việt Bắc - Lào Kay hay mở một cái "quán biên thùy" ở miền biên giới Hoa - Việt. Tôi cũng không biết việc đó là buôn bán tư nhân hay là công tác nữa. Ông anh tôi lúc nào cũng giữ đúng qui luật, "bem" (bí mật) tuyệt đối Chỉ biết là một bộ phận nhạc trong đoàn ca kịch Giải Phóng tách ra lên Lào Kay, trong đó có Phạm Duy ở quán Biên Thùy ít tháng sau, trong những lượt về thăm quê, ông anh tôi có mang theo những sáng tác mới của Phạm Duy như Bên Cầu Biên Giới, Thu Chiến Trường, Nợ Xương Máu, v. v... Tôi bắt đầu nghĩ đến từ sensibilité (sự mẫn cảm) mà Văn Cao hôm nào trong quán nhỏ bên sông đã đặc biệt nói về Phạm Duy. Đây cũng là một khúc rẽ để Phạm Duy từ một ca sĩ chuyển sang

phần đất chính của anh: sáng tác.

Bữa ở Việt Trì, tôi từ biệt đoàn ca kịch Giải Phóng trở về Quốc Oai, Phạm Duy có chép tặng tôi bài Bến Xuân của Văn Cao có ký tên Phạm Duy mà tôi còn nhớ mãi nét phẩy cuối cùng của chữ Y trong chữ ký được Phạm Duy xoáy vòng trong vòng ngoài như một con ốc vặn. Sự lập dị của nghệ sĩ, sự "chơi trội" của một tài danh, không biết nữa, nhưng bản thân tôi giữ bài Bến Xuân này rất kỹ. Theo tôi được hiểu, tình hình chiến sự không cho phép tổ chức một đoàn ca kịch lớn lao và công kênh như đoàn ca kịch giải phóng. Chiến tranh du kích thì văn nghệ cũng phải du kích. Phải chia từng nhóm nhỏ, bám trận địa, bám nhân dân mà trình diễn. Chiếc thuyền buồm lớn chở đoàn ca kịch chỉ trình diễn thêm một đêm nữa ở Vân Đình là giải thể. Cho nên bữa chia tay ở Việt Trì hôm ấy không khí đã băng khuâng. Thuyền đã nhổ neo rồi Đoàn đã đi Phạm Duy, ông anh tôi Trần Ngọc D. cũng đi theo đoàn kịch. Trên bến Việt Trì, chỉ còn tôi ngồi lại với Văn Cao Văn Cao nắm tay tôi khá chặt, không lạng lờ "cảnh về" như lần trước. "Mình còn gặp nhau nữa chứ. À bientôt", anh nói vậy trước khi chia tay. Tôi đạp xe đi được một đoạn, quay lại nhìn thấy Văn Cao, cái mũ берет basque kéo sụp xuống, mắt đang đứng sững một mình trước bến Việt Trì chập chùng sóng nước.

Anh hẹn "sớm gặp lại nhau" (à bientôt) nhưng trong chiến tranh, mấy ai giữ được lời ước hẹn. Sớm gặp lại nhau. Sớm là bao nhiêu lâu? một vài tuần, một vài tháng, một vài năm? Ở đây là 48 năm, tôi mới được gặp lại anh. Mà không phải gặp Văn Cao bằng xương bằng thịt, mà chỉ gặp một hình bóng Văn Cao thắp thoáng trên băng nhựa Văn Cao thật sự đã nằm yên trong lòng đất. Con chim thornbird VN đã cạn khô giòng máu, tắt hơi rồi.

Mỗi khi xem cuốn băng Văn Cao, giấc mơ một đời người, tôi lại chìm trong kỷ niệm. Đặc biệt là bài hát Bến Xuân. "Tôi yêu thầm người con gái mà không dám nói ra. Nhưng người con gái ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Nên mới có câu "Em đến tôi một lần"". Tác giả Văn Cao đã dẫn nhập như vậy trước khi đi vào bài hát, nhưng khi ca sĩ trình bày, nó không phải là Bến Xuân mà là bài Đàn Chim Việt. Bài Bến Xuân đã từng thấm vào tâm hồn tôi từ 50 năm về trước; đó là một bản tình ca diễm tuyệt, làm gì có "hoàng hôn Thái Nguyên tung hoành" với "trời Bắc Sơn kia thời tung cánh". 2 người tình đi với nhau dưới nắng xuân đầm ấm, thì giờ đâu mà nhớ đến "mấy đời Yên Thế". Không có Đàn Chim Việt nào bay từ Bắc sang Trung. Bản tình ca diễm tuyệt Bến Xuân thời kỳ Cách mạng 1946 đã được cải trang thành Đàn Chim Việt. Không biết sự cải trang này là do chính tác giả Văn Cao hay do nhà xuất bản muốn phục vụ đúng lúc, đồng thời tung ra một món hàng ăn khách. Chưa biết được. Phục vụ một giai đoạn Cách mạng (KN: Tới năm 1949, ông Hồ Chí Minh mới xiềng trói văn nghệ, bắt văn nghệ phải tải chủ nghĩa CS, đúng theo chính sách của Mao Trạch Đông. Đó cũng là lúc một số văn nghệ sĩ rời bỏ kháng chiến), hoặc là làm vừa lòng một phong trào thời thượng, mượn giai điệu Bến Xuân trở thành Đàn Chim Việt, tạm cho là được đi Nhưng 50 năm sau, thực hiện một cuốn băng video ghi dấu một chặng đường sáng tác của một tác giả lớn, có giá trị như một lễ vật viếng người còn sống thì không thể "nhập nhằng" như thế được. Phải trả cho Caesar cái gì của Caesar, phải trả lại Bến Xuân cho cuộc tình say đắm và diu dặt của Văn Cao Tình ca là tình ca, bài ca Cách mạng là bài ca Cách mạng, không nên "nửa dơi nửa chuột" như thế. Nó vừa thất lễ với tác giả Văn Cao, mà làng âm nhạc VN cũng thiếu vắng đi một bản tình ca đặc sắc. Không biết tôi có quá yêu bài hát Bến Xuân, quá yêu kỷ niệm của tôi hay không? Nhưng bữa nào gặp lại Phạm Duy (tôi hy vọng là gặp lại sớm), tôi sẽ xin anh hát lại Bến Xuân; chắc chắn, dù đã gần nửa thế kỷ trôi qua, Phạm Duy vẫn sẽ hát "Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước. Em đến tôi một lần".

### **"Văn Cao: Giấc mơ một đời người"**

Tôi xem đi xem lại mấy lần mà lần nào cũng buồn hiu hắt. Nửa thế kỷ nay không gặp lại Văn Cao.. từ một thanh niên kiêu mạn, tự tin ngày nào, anh đã trở thành một ông già đầu râu tóc bạc, lụm cụm chống gậy đi tìm dĩ vãng. Cái đổi thay thể chất không nói làm gì. "Được là bao cái



thân người, mà cay đắng, trải mọi mùi thế gian", nhưng cái khiến tôi âm thầm ái ngại là cái tự tin, kiêu mạng ngày nào nơi anh đã mất. Tụi tui một nhóm người thua trận ở xứ tạm dung này, cứ mỗi khi thời tiết đổi thay lại là ngóng về quê hương mà thở dài; anh ở quê nhà, lại là tác giả bài "quốc ca" mà cũng buồn bã, cô đơn như vậy hay sao? Anh nói nào là "Tôi luôn luôn thất bại... trong tình yêu", "Tôi muốn tìm lại trong giấc mơ những gì tôi đã mất trong những ngày trẻ tuổi", "Không nên sống với những gì mơ mộng, cuộc đời không đạt được", v. v... Anh là Lưu, Nguyễn từ Thiên Thai trở về trần thế. Người cũ đã xa, tuổi mơ đã cạn, "ngồi đây ta gõ ván thuyền, ta ca trái đất còn riêng ta" (Trương Chi).

Nhìn anh tôi lại nhớ đến ông anh tôi, Trần Ngọc D. bạn anh ngày nào. Ông anh tôi, đi theo "Cách mạng" (tức Cộng Sản) suốt cả một đời người mà kết thúc cuộc đời cũng âm thầm tức tưởi. Chết rồi, chết ở Paris. Tự tử bằng một phát súng vào đầu. Ông anh tôi "bem" suốt đời nên bà chị tôi cũng không hiểu vì sao mà ông anh tôi lại liêu minh như vậy. Tôi đi tù cải tạo về năm 1985, nhận được thư bà chị tôi từ Hà Nội báo tin như thế.

Đây cũng là một giấc mơ thê thảm của một đời người.

## Con đường bè bạn

Tô Thùy Yên 7 tháng liền trong kiên giam tâm sự với đàn muỗi râm ran, con thằn lằn uể oải, lũ dán hôi tanh, con nhện vô tư và bức tường câm nín:

Ta khắc khoải chờ nghe  
Những tiếng động của người  
Tiếng động nào bất kể  
Đột phá những trùng vây điếc đặc muỗi râm ran ...

Ta nhìn theo  
Mấy con thằn lằn uể oải  
Lũ dán lào xào  
Con nhện bỏ trống lưới giăng ...  
Ta nhìn lên những giòng chữ trên tường  
Viết bằng gạch, bằng than và hình như bằng cả máu ...

Các bạn tù Thanh Chương đọc thơ Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân vanh vách. Như vậy là 7, 8 năm nay tôi chưa gặp lại các bạn mà chỉ gặp "tiếng nói" của các bạn. Tôi không có duyên gặp bạn trong tù. Có lúc năm 1979, 1980 ở trại Tân Lập (Vĩnh Phú) tôi ở K1, Thanh Tâm Tuyền ở K2, không gian chỉ cách nhau vài cây số mà không gặp được nhau bao giờ. Có lúc bà cụ thân sinh TTT từ trong Nam lặn lội ra thăm – bạn còn nhờ người đem sang cho tôi ít thuốc lào và một bài thơ tặng PLP. Nhà thơ Tự Do chủ lực của Sáng Tạo lại làm chuyện lạ cho tôi một bài thất ngôn, bát cú. Tôi giữ bài thơ này như một kỷ niệm riêng. Bạn tôi lúc đó làm ở đội chăn nuôi, hằng ngày phải lên đồi gánh lá sắn về băm ra nuôi cá trắm. Đi làm qua khu ao cá xa xa, tôi có lúc nhớ bạn quá đã hú lên một tiếng để xem may ra có tiếng trả lời – Nhưng tiếng hú của tôi tan vào thinh không; cán bộ quản giáo nhìn tôi trừng mắt ... Bạn tôi lúc đó chắc đang bạn "bầm nát ân tình đều nhíp dao" (thơ Thanh Tâm Tuyền).

Nghe thơ các bạn, tôi vừa buồn vừa vui. Buồn là không có bạn tâm tình ở bên. Vui là chưa gặp nhưng thơ như thế chắc các bạn tôi còn khỏe ít ra về mặt tinh thần. Vui hơn nữa là nghiệp làm thơ của các bạn ở trong tình trạng "luyện ngục" như vậy mà thơ vẫn được tôn vinh. Thơ làm ra là để đọc, để cảm thông, để chuyển tải ... Thơ không ai đọc, không ai nghe, không ai hiểu ... thì chẳng bao lâu nó sẽ "chết trong lòng mộ tối". Cho đến lúc ấy (1983) theo tôi hai bạn Tô Thùy

Yên, Hà Thượng Nhân làm thơ bao nhiêu năm nay, thơ bao nhiêu người thuộc ... mà các bạn chưa từng xuất bản một tập thơ nào. Như vậy là các bạn không in thơ lên giấy trắng, mực đen mà in vào tâm hồn mọi người. Không phải người làm thơ nào cũng được “tuyên dương” như thế. Hôm ấy có bài Mùa Hạn của Tô Thùy Yên rung động toàn thể an hem. Bài thơ như một bản “đại cáo” của lưu đày tù tội. Mùa hạn không riêng cho nông dân – mà mùa hạn của kiếp người.

Nơi đây khô hạn thực phẩm, khô hạn tình thương. “Lịch sử lên cơn dữ lạ thường” khiến cho “máu bung từ mỗi lỗ chân lông, cái chết truân rên giờ nguyệt tận”. Thiên nhiên cũng úa vàng khắc khổ - cây đa già râu tóc, trụi lá trơ cành cây cỏ lụi tàn, bậc hiền nhân quyên sinh ngoài động đá. Ngày tận thế đã điếm rồi chẳng? Nhưng không – theo cái lẽ biến dịch thông thường – hay là theo cái vòng chu chuyển “nước đi ra biển lại mưa về nguồn” nên một ngày kia có cơn mưa tái tạo. Mưa rơi như một sự hồi sinh, mưa gột rửa đau thương, mưa làm mọc lên những nhánh non lá mới, mưa là nguồn suối yêu thương chảy từ đầu non tới biển.

Mưa ôm choàng đất khóc thương mong  
Mưa báo tin vui chạy khắp đồng  
Mưa đuổi bắt gào reo hớn hờ  
Mưa mừng trẩy hội nước trăm sông ...  
Ông lão mù lòa ra trước hiên  
Nghe mưa cũng ngước mắt nhìn lên  
Má nhẵn bóng sáng hai hàng lệ  
Ông hiểu ra rồi lẽ biến thiên

Người làm thơ lưu đày được lịch sử tha, một sớm trở về quê cũ. Đây là giấc mơ của người tù biệt xứ hay là câu chuyện sẽ phải xảy ra. Chưa biết được nhưng ít khi đọc xong một bài thơ mà tâm hồn con người được an ủi vỗ về như thế, được nhuần thấm một sự yêu thương đậm đà như thế:

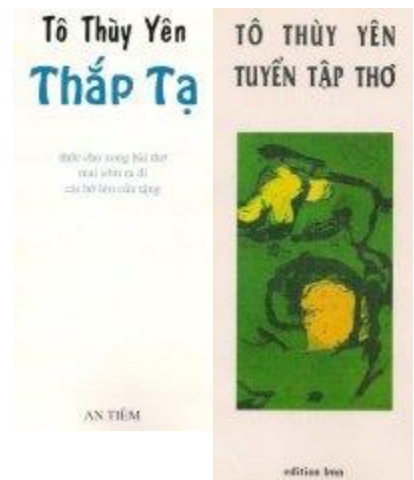
Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch  
Hát với nhau vài điệu hát vui  
Nâng chén uống mừng ta sống sót  
Chợt nghe nông lệ tự đâu rơi

Lòng ta nay vẫn lòng ta trước  
Vẫn chảy về con nước thừa nào  
Sợi tóc mai kia dù có rụng  
Ba sinh còn để nhớ cho nhau

Đất trời không có chi còn mất  
Ta bước ra thân đón tuổi già  
Trước mắt ta còn trăm thứ việc  
Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa

Những ai hôm trước từng gây tội  
Hãy lắng tâm tha lấy lỗi mình  
Tự tại, thời gian chôn chính nó  
Đòi lên lại mãi tựa bình minh

Sẽ lo chẳng những cho người sống  
Lo cả cho người khuất mặt kia



## Quen lạ bạn thù chung giấc ngủ Chung lời thương tiếc khóc trên bia ...

Người tù trở về, sau khi đối mặt với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự tàn bạo của con người đã nhận ra rằng, giòng chảy chính của cuộc đời, sự cứu rỗi của con người chính là sự yêu thương không phải là thù hận – Bình minh của cuộc sống là ở đó. Tìm ra được điều này, không phải nhờ vào tài năng của Tô Thùy Yên mà chính nhờ vào tâm hồn lớn lao (grandeur d'âme) của tác giả. Đây là bản hùng văn của một cuộc đời. Nhưng trong cuộc đọc thơ hôm ấy, nhiều người trong đó có tôi không được hoàn toàn thỏa mãn. Bài thơ quá dài, quá hay mà anh em Thanh Chương không ai thuộc được hết. Người nhớ đoạn này, người nhớ đoạn kia. Bài thơ đó đi theo tôi hoài như một tấu khúc còn dang dở (Symphonie inachevée).

Đạo đầu năm 85 được về, trên con đường bê bạn tôi có lúc đã định rẽ vô thăm nhà bạn Tô Thùy Yên. Từ Hóc Môn lên, qua chợ Gò Vấp tới một cái cầu có ống dẫn nước lớn đen to nằm dài trên đó giống như một con rồng đất rồi tới một ngã ba có những viên sỏi đỏ sậm của đá ong khô, đó là lối vào nhà Tô Thùy Yên. Từ thập niên 60 tôi đã nhiều lần đến đây bù khú với bạn. Nhưng bây giờ về, đến thăm cảnh cũ người xưa, thấy lạ. Những bụi cúc tần xanh tốt dẫn lối hai bên đường, đôi khi có những sợi tơ hồng vàng óng, vương vất bên trên ... không còn nữa. Nhà cũ của Tô Thùy Yên có cây vú sữa lớn. Khu gia viên nằm trong vùng cây lá thâm u ... bây giờ không thấy cây vú sữa đâu. Bất giác tôi nhớ Nguyễn Gia Thiều “Phong trần đến cả sơn khê, Tang thương đến cả hoa kia cỏ này”. Tôi ngần ngại trước sự đổi thay nên đã tới nhà mà không vào. Tôi biết bạn tôi chưa được về. Minh vô nhà hỏi thăm, có khi lại làm cho gia đình bạn thêm nghĩ ngợi lo lắng cho người vắng mặt.

Nhưng đến hồi cuối năm 85, người làm thơ biệt xứ Tô Thùy Yên được về - Lúc ấy trời đã sang thu thì phải. Bố con tôi đã phải mặc áo ấm trên con đường tỉnh lộ sào xạc heo may. Khi tôi đi cải tạo con gái út tôi mới có 5 tuổi. Khi tôi về nó đã 15 tuổi bắt đầu thiếu nữ. Các anh chị nó “vượt biên” hết cả chỉ còn nó ở lại với “mẹ cháu” đợi tôi. Khi tôi về, nó theo tôi đi chơi tha thẩn. Ở Hóc Môn nó không có bao nhiêu bạn. Nó theo tôi lên Sài Gòn chơi với Tr. T con gái Thanh Tâm Tuyền, hay “đi chợ” với chị Ch. Con gái bác Hà Thượng Nhân. Thôi thì bố chơi với bố, con chơi với con cũng là phải đạo. Chưa được gặp nhưng con tôi nó muốn gần chị G. con gái đầu của Tô Thùy Yên, học thật giỏi. Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa (không có giai cấp) nhưng khi thi vào Đại Học có 15 thứ hạng. Ưu tiên hạng 1, 2, 3 thuộc gia đình cách mạng hay “chính sách” thì thi ba bài từ 7 điểm trở lên đã được “chiếu cố” vô Đại Học rồi. Con cái “ngụy quân” như con chúng tôi đứng hạng thứ 14 áp chót (hạng chót là gia đình phản động, phản cách mạng). Khi bố đi tù cải tạo về rồi thì lại lên được một hạng, hạng 13. Con cái ngụy quân muốn vô Đại Học phải đạt 21 điểm, gấp 3 số điểm gia đình chính sách thì mới vô Đại Học được. G. con gái đầu ông bà Tô Thùy Yên thừa điểm vào Y Khoa. MT con tôi, Tr.T con Thanh Tâm Tuyền và H. con trai Tô Thùy Yên chúng nó cùng học lớp 10. Mấy đứa nhỏ chắc đều suy nghĩ: Ở đây nếu muốn sống cho ra sống thì chỉ còn có cách làm như chị G.

Hơn 10 năm gặp lại bạn ... thấy bạn già đi (tất nhiên rồi) mà chắc bạn thấy tôi cũng vậy. Hình như bạn có khuyết một vài cái răng thì phải, cái cười hơi trống vắng. Nhưng khóe mắt vẫn còn nồng ấm và bắt tay thật chặt. Tôi nói “đây là khách cũ ... đến xem bạn làm được bao nhiêu việc rồi?” (Trước mắt ta còn trăm thứ việc, sửa nhà chăm sóc lại vườn hoa). Tô Thùy Yên cười cười mà nói “Hãy cứ từ từ nhưng mà bây giờ thì phải làm ngay việc này”. Anh chỉ tay vào một cuốn sách dày trước mặt. Tưởng bạn dịch sách (nhớ ngày xưa bạn có dịch thật kỹ cuốn Phận người (*La condition humaine* của André Malraux) nhưng khi tôi cầm sách lên xem thì đó lại là một cuốn sách Y khoa bằng tiếng Pháp. Anh nói mình về vừa đúng lúc. Phải giúp con nhỏ G ... cho nó kịp học hỏi và nghiên cứu”.

Tôi có nói với bạn về bài thơ Mùa Hạ mà tôi không có đủ. Nhưng anh nói rằng bản thân anh cũng không nhớ hết. Con đồng đã thặng rồi đâu còn nhớ những gì mình đã nói ra. Nhưng bữa ấy Tô Thùy Yên đưa tôi đọc bài Ta về - bài thơ vừa mới làm xong khi thi sĩ lưu đày vừa trở về nguyên quán:

Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cám ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi

Ta về như lá rơi về cội  
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay  
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống  
Giải oan cho cuộc biển dâu này ...

Thật ra tôi đọc thơ Tô Thùy Yên đã lâu. Giữa thập niên 50 khi Sáng Tạo bộ cũ ra đời với những bài Cánh đồng, con ngựa chuyến tàu hay Thân Phận của Thi Sĩ. Lúc ấy ảnh hưởng của văn học Pháp đối với miền Nam còn nồng đậm. Đây là thời buổi của Buồn nôn (La nausée – J.P.Sartre) của Kẻ lạ (L'Etranger – A. Camus) hay Phận người (La condition humaine – André Malraux). Sự hiểu biết của tôi về văn học Pháp rất là hạn chế nhưng tôi có cảm tưởng rằng thời kỳ thập niên 50, 60 là thời kỳ xâm lăng của triết học vào văn học. Những đặc trưng thường thấy của thơ, của tiểu thuyết, của truyện ngắn đã bị xóa nhòa đi. Thay vào đó là những vấn nạn triết học hay những thắc mắc siêu hình. Để làm gì? đi đến đâu? tự do hay không tự do – phi lý hay hữu lý? Sống và nghĩ như thế nào cho phải? Người ta không đi tìm những nguyên nhân gần gũi mà đi tìm những căn do đầu tiên và cuối cùng của sự vật. Tô Thùy Yên là một người đọc sách chuyên cần. Cái ý thức trong sáng của tinh thần nhị nguyên đã phóng ra những cái nhìn chinh phục. Con ngựa (trong Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu) phải chăng là một cố gắng nhằm đo đạc ngoại giới.

Có đọc được thánh thư  
Linh hồn tôi vẫn vậy  
Tôi vẫn không thể lạ  
Dù đứng trước hư vô  
Đầu tôi cứng và trơn  
Thượng Đế làm sao ngự  
Tôi đành trốn chủ nợ  
Định mệnh đòi linh hồn  
Thượng Đế điềm nhiên lạ  
Tôi đánh liều cười khan.  
(Thân phận thi sĩ)

Bài thơ mang giọng thách thức của Nietzsche – dâng quang cho một cái ta Kiêu hãnh. Đây là thời kỳ Tô Thùy Yên muốn trở nên một thứ “Vương tôn miền trí tuệ”. Tôi đã cảm phục, đôi khi sợ hãi những bài thơ ấy – nhưng thành thật mà nói tôi không yêu chúng. Sự cảm nghiệm một bài thơ, theo tôi, nó tùy thuộc vào tâm cảnh của từng người. Tôi là một anh học trò nhà quê ra tỉnh, tâm hồn còn vương vấn với lũy tre xanh, đình chùa, miếu mạo, căn nhà tổ, họ hàng làng nước, bờ mương, ao cá. Dù đã cố gắng lắm tôi vẫn không làm sao hiểu được “Tha nhân là hỏa ngục” của J.P.Sartre. Tôi rất sợ mình là “khách lạ” – và điều tôi ao ước là được đến gần, được làm thân, chia sẻ với mọi người.

Cái “hội u minh” thời ấy là một phong trào. Hoàng tử bi thương hay nhà thơ bị trừ ếm (poète maudit) Đinh Hùng muốn đi khỏi cuộc đời này về miền nguyên thủy: “Thèm ăn một chút hương man dại – và ngủ như loài muông thú kia”. Vũ Hoàng Chương, bậc thi bá của làng thơ tiền chiến cũng bỏ thơ Say, thơ Mây nêu lên một bản khoán triết học:

Ta còn để lại gì không  
Kìa non đá lở này sông cát bồi  
Lang thang từ độ luân hồi  
U minh nẻo trước xa xôi dặm về ...

Tô Thùy Yên ngay từ thuở ban đầu đã nghiêng về những điều thảm lặng lớn, mưu đồ đo đạc cả vô biên “ta về tắm lại goings sông cũ, truy tầm mê mỗi lý sơ nguyên – Tô Thùy Yên đã rất già khi còn trẻ. Già ở đây là già về tư tưởng, nên trong thơ của anh người ta thấy thiếu vắng sự lãng mạn, không có những nữ non kẻ lẻ về một cuộc tình. Không có Kim Trọng, Thúy Kiều, cũng không có Paul và Virginie.

Vào khoảng giữa thập niên 60 có một việc, nhỏ thôi nhưng đã làm thay đổi Tô Thùy Yên. Anh bắt đầu đọc Đường Thi. Yên là một người ưa thích sự toàn hảo (gout du parfait). Anh không bằng lòng với những bản dịch. Yên muốn đọc thơ Đường bằng nguyên tác và Tô Thùy Yên học chữ Nho. “Học cho vui, chơi vậy mà”. Xuống Gò Vấp, thấy Tô Thùy Yên viết chữ Nho rất đẹp. Và đột nhiên tôi được đọc một số bài thơ mang phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Đọc thơ trước đây của Yên người ta thấy phảng phất St J.Perse – hoặc Valery – bây giờ thấy Tô Thùy Yên “Quy khứ lai tỳ” như Đào Tiềm quay về nơi bản trạch. Bài thơ không còn vẻ kiêu hãnh của một ý thức chinh phục mà mang vẻ ngậm ngùi chấp nhận:

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch  
Bãi bùn trơ trên thủy triều lui  
Con còng ẩn nhẫn bò quanh quần  
Càng nhẹ tênh hênh cõi ngậm ngùi.

Tại sao lại có con còng ở đây? Con còng làm liên tưởng đến con dã tràng ngoài bờ biển. “Dã tràng xe cát biển Đông – nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì?” Phải chăng đã đến lúc Tô Thùy Yên nhận ra sự hạn chế của kiếp người, có những miền “bất khả tri” mà trí lự con người chưa với tới được. Về nơi bản trạch đối với Tô Thùy Yên có nhiều ý nghĩa. Cái nhà của Yên ở Gò Vấp là nhà từ đường bao nhiêu đời ở đấy? Cái nhà không đơn thuần là một “dụng cụ” để ở, mà nó là một phần đời ta, là chính ta. “Cái nhà là nhà của ta – ông cố ông sơ làm ra” nên cái nhà cũng như cái vườn, cái ngõ đều là sự tích yêu thương, là những liên hệ mà ta không làm sao dứt bỏ được. Về nơi bản trạch về nơi quê nhà (phải chăng le Royaume trong l’Exil et le Royaume mà Camus mơ tưởng cũng nằm trong nghĩa đó) đã dạy ta một điều: cái mà ta tưởng nó là cái không ta (le non moi) lại chính là ta. “Mình với ta tuy hai mà một – Ta với mình tuy một mà hai”. Cái nhìn nhất nguyên nơi Tô Thùy Yên đã làm cho thơ anh từ đó về sau yêu thương hơn, thấm đượm hơn nhiều.

Nhưng có lẽ những năm tù cải tạo đã giúp chúng ta nhìn rõ cuộc đời hơn. “Vĩ thử cuộc đời bằng phẳng cả” chúng ta chưa chắc nhận ra chuyện ấy. Những chuyện nhỏ nhặt nhưng có giá trị rất cao. Không đi tù, không thường xuyên đói khát chúng ta làm sao biết được hạt cơm nó quý như thế - không xa vắng cửa nhà, chúng ta làm sao hiểu được cái thấm thiết trong vòng tay vợ, cái âu yếm trong cái hôn con. Người tù lưu đày, ngày trở về cảm ơn trời đất, cảm ơn vợ con, cảm ơn hoa, cảm ơn lá cỏ.

Ta nhìn lá cỏ long mê mẩn  
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân ...

Tôi đi về nhà có mang theo “Ta về”. Tôi đọc thơ bạn cho nhà tôi nghe:

Ta về như tiếng kêu đồng vọng  
Rau mác lên bờ đá trở bong  
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng  
Chờ anh như biển vẫn chờ sông  
Ta gọi thời gian sau cánh cửa  
Nổi mừng ràn rụa mắt ai sâu  
Ta nghe như máu ân tình chảy  
Từ kiếp nào xưa tưởng lạc nhau  
Ta về dẫu phải đi chân đất  
Khắp thế gian này để gặp em  
Đau khổ riêng gì nơi gió cát  
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm

Đọc đến đoạn này, nhìn lên thấy nhà tôi đã nhạt nhòa nước mắt.

Cuối năm 1990, ngày thứ sáu 13 tháng 10. Ngày xấu “đi chơi cũng thiệt lộ là đi đâu”. Tôi quanh quẩn ở trong nhà. Chợt có tiếng xe Honda thắng xiết trước chiếc cầu nhỏ, bắc qua con lạch vào căn nhà Hóc Môn của tôi. Nhìn ra thấy H. con trai Tô Thùy Yên đang hấp tấp dắt xe vào. Tôi chạy ra, thấy vẻ hốt hoảng của H. nên vội hỏi “có chuyện gì vậy cháu? – “Bố cháu vừa bị bắt rồi” – H. thảng thốt nói tiếp: “Trước khi lên xe công an, bố cháu nói nhỏ: đi báo các bác nên cháu vội chạy lên đây”. Nhà tôi bảo H. ở lại ăn cơm cái đã nhưng H. nhất định ra về “Để cháu phải đi ngay cho kịp vài nơi nữa ...”

Như vậy là Mùa Hạ – Ta về thơ Tô Thùy Yên – Tâm sự với Bạch Cư Dị thơ Hà Thượng Nhân – Bài hát Tự Do – Trắng tù – thơ Thanh Tâm Tuyền, một bài từ của bạn già người viết sử Lam Giang cùng với một số bài viết của tôi đã được “phần thu” ngay chiều hôm đó. Lúc này Thanh Tâm Tuyền cũng như Hà Thượng Nhân đã HO đi Mỹ. Bạn bè thân thiết gần đây chỉ còn Tô Thùy Yên. Bây giờ bạn ta bị bắt rồi. Bao giờ bao giờ gặp bạn ta trở lại.

(Khởi Hành số 26 Tháng 12, 1998)

## Dấu ấn "Cung Tiến"



Dạo này “*được mùa*” văn nghệ. Vừa đón tiếp ông bà Anh Ngọc hồi cuối tháng trước, tôi lại vừa nhận được thư và tape của ông bạn xa ... nhạc sĩ Cung Tiến ở tận Minnesota, miền cực bắc Hoa Kỳ. Sau “*đêm Anh Ngọc*” được vài ngày và bên nhà có lụt lớn ở miền Trung. “*Trời hành cơn lụt mỗi năm*” cái tai trời ách nước năm nay quá nặng, quá lớn, nỗi bi thương không biết nói thế nào cho hết. Một người bạn nói rằng: giả thử ông bà Anh Ngọc ở lại Sydney thêm 1 tuần nữa, đêm Anh Ngọc trở thành đêm “*cứu lụt miền Trung*” thì được việc quá ...

Nhưng ông bà Anh Ngọc về Mỹ rồi thì tin lụt quê nhà mới tới ...

Đọc bức thư dài viết tay của Cung Tiến ... tôi vô cùng cảm khái. Ở Mỹ bây giờ, rất ít người viết “*bằng tay*”, mà viết bằng computer, vì viết bằng computer nó nhanh chóng và thuận tiện hơn nhiều. Phải có một sự trân trọng nào đó, một sự thân tình nào đó mới viết thư “*bằng tay*”. Xin cảm ơn Cung Tiến. Nhìn những giòng chữ này tôi nhớ thời kỳ còn nín thở qua sông ở Việt

Nan, thỉnh thoảng từ Hóc Môn lên nhà bạn Thanh Tâm Tuyền ở Bình Hoà nghe tin tức. Trong căn phòng tối mờ mờ, Thanh Tâm Tuyền đưa tôi xem thư của Cung Tiến gửi về từ Minnesota. Vẫn những giòng chữ ngả, phóng khoáng và đẹp đẽ.

Ngoài tư cách một nhà soạn nhạc, Cung Tiến còn là một nhà kinh tế. Cung Tiến học kinh tế ở Úc - Chương trình Colombo rồi tốt nghiệp trường danh tiếng Cambridge ở Anh. Từ khi sang Mỹ 1975, anh làm nhà nghiên cứu và phân tích trong Bộ An Ninh Kinh Tế tiểu bang Minnesota (*Minnesota Department of Economic Security*). Cung Tiến cũng còn là một thành viên tích cực trong Hội Nhân quyền Quốc tế (International Federation of Human Rights). Vì vậy, anh là một trong những người tranh đấu không mệt mỏi cho nghệ sĩ, nhà văn, nhà báo còn kẹt lại sau bức màn tre, màn sắt. Trong thư viết khoảng giữa thập niên 80 anh báo cho chúng tôi biết là tên tuổi chúng tôi đã được gửi cho những đoàn thể, những tổ chức quốc tế có nhiệm vụ thúc đẩy nhà cầm quyền Hà Nội thực hiện những cam kết trong Hiến Chương Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc trả tự do cho những người làm văn học nghệ thuật của chế độ cũ. Có thư anh báo tin vui "*thế nào chúng ta cũng gặp lại nhau*". Có thư anh báo tin buồn "*Thanh Nam đã mất ở Seattle*". "*Tuyết Ngưu - Vũ Khắc Khoan đã nằm xuống ở Minnesota*" ...

\*

Cung Tiến là một nhà hoạt động văn hóa và xã hội nổi danh ở miền Nam và ở Mỹ. Từ cuối thập niên 50 khi Cung Tiến còn học những năm chót ở Chu Văn An, những bài hát "*đầu tay*" của anh đã được mọi người yêu quý và trân trọng. Thu Vàng - Hương Xưa - Hoài Cảm mang một nỗi buồn dịu dàng, sâu kín như một hơi thở lảng mạn từ thế kỷ 19 ở Pháp thổi về. Hãy nghe Hương Xưa "*còn đó bóng tre êm ru - còn đó bóng đa hẹn hò - còn đó những đêm sao mờ hồn ta mênh mông nghe sáo vi vu - còn đó tiếng khung quay tơ - còn đó con diều vật vờ - lời Đường thi vẫn rền trong sương mưa dù có bao giờ lắng men đợi chờ ...*" Đó là một cái bình rất đẹp, rất cổ có ghi những ảnh hình của Đông Phương - của Việt Nam ... nhưng chất men chứa trong chiếc bình ấy được chiết ra từ những chiếc lá vàng từng cánh rơi từng cánh của Anatole France, từ những dư hương của một mối tình đã chết trong Premier Regret hay từ cái chúngh choáng của con tàu say trong le Bateau ivre.

Cung Tiến là một người rất yêu quê hương Việt Nam nhưng cách suy nghĩ của anh rất "Tây". Phong cách Cung Tiến trong nhạc "*cải cách*" cũng phần nào giống như Xuân Diệu trong "*thơ mới*" vậy.

Dạo còn ở Việt Nam trước 1975, Cung Tiến có cho tôi các bản nhạc của anh, in rất đẹp, trình bày trang nhã. Đây là thời kỳ anh đã từ bên Anh về nước. Khi học kinh tế ở Úc, anh cùng một lúc học nhạc ở Conservatoire Sydney - và khi ở Cambridge anh cũng theo học các lớp lý thuyết âm nhạc tại đại học này. Anh phổ thơ Thanh Tâm Tuyền (*Lệ Đá Xanh*), Quang Dũng (*Đôi Mắt người Sơn Tây*). Tôi có cảm tưởng nét nhạc của Cung Tiến càng ngày càng bác học. Một anh xuất thân "*nhà quê*" như tôi đi vào nhạc Cung Tiến lúc bấy giờ giống như lạc vào một khu rừng. Anh có hỏi tôi cảm tưởng. Tôi cũng thành thực mà nói rằng "*mọi vẫn thích Thu Vàng - Hương Xưa - Hoài Cảm*". Cung Tiến cười cười mà nói "*Exercice - Exercice*". Hình như Cung Tiến muốn nói rằng đó chỉ là những bài tập của một thời nào đó mà thôi.

Tôi được quen biết Cung Tiến qua Thanh Tâm Tuyền. Ngày đó TTT và tôi làm việc trong cùng một toà soạn. Để khuyến khích chúng tôi làm quen với nhạc thuần túy, Cung Tiến đưa cho chúng tôi những tape nhạc cổ điển. Nhạc cổ điển là "*nhạc của nhạc*" nhưng mà thực tình, các tài "*nhà quê*" của tôi không chịu nổi, vẫn như "*nước đổ lá khoai*". Tôi chót quen với hát chèo, trống quân, cò là mất rồi.

\*

Bây giờ, đã hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua. Trong bưu kiện Cung Tiến vừa gửi cho tôi có tape và những tài liệu liên quan đến đêm trình diễn Việt Nam and Beyond vừa được tổ chức ở Saint Paul (Minnesota) nhằm gây quỹ thiết lập một Trung Tâm Việt Nam mới. Có nghệ sĩ Trung Hoa - Mỹ và Việt Nam (tất nhiên) tham dự. Nghệ sĩ Trung Hoa Gao Hong hiện đang dạy ở đại học Tiểu bang trình tấu đàn tì bà. Ban nhạc gõ trường đại học Macalester chơi ngẫu hứng những bản nhạc công chiêng của dân tộc Ê Đê miền Ban Mê Thuật VN. Có khá nhiều tác phẩm của Cung Tiến được trình bày trong đêm văn nghệ đặc biệt này. Người giới thiệu và chú giải chương trình là Cung Tiến và Tiến Sĩ P.Blackburn, giám đốc chương trình của diễn đàn những người soạn nhạc ở St. Paul. Bài Hương Xưa được diễn giải "*Viết năm 1955-1956 ca khúc thời niên thiếu này mang từ vựng, ngữ pháp và nhạc nghệ thuật Âu Châu thế kỷ 18. Có thể coi đây là một bài tập về phong cách nhạc Tây Phương*".

Như đã nói ở trên, hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua mà từ exercice (bài tập) vẫn còn nguyên trong ngôn ngữ Cung Tiến. Tôi không phải là một người hiểu biết về âm nhạc nên không phân biệt được một bài tập và một tác phẩm nó giống nhau, khác nhau như thế nào. Nhưng một bài tập của Cung Tiến - Hương Xưa đối với tôi lại mang dấu ấn Cung Tiến nhiều hơn hết ...

Những bài hát đầu tay mang dấu ấn Cung Tiến giữa thập niên 50 như Thu Vàng - Hương Xưa - Nguyệt Cầm - Hoài Cầm ... từ khi xuất hiện đến nay trên 40 năm không lúc nào ngừng tỏa hương thơm. Một hương thơm dịu dàng, sâu kín có để ý tìm mới thấy. Nó không gây ồn ào như một số nhạc thời thượng (*tiền tuyến, hậu phương, du ca, về nguồn, thân phận*) nhưng nó có một sức sông riêng bền bỉ. Đó là một khu vườn Cung Tiến, một thế giới riêng Cung Tiến.

Trên 40 năm nay, nhạc Cung Tiến không lẫn với ai - nhạc "xưa" nhưng không "cũ" bao giờ, nghe càng lâu càng thấm. Nó chịu được sự thử thách của thời gian. Nghe nhạc Cung Tiến tôi thường nghĩ đến người con gái đẹp của một thế gia vọng tộc vừa suy tàn, sống ẩn dật trong một khu vườn hẻo lánh nhưng luôn luôn mang một nỗi tự kiêu thầm kín về gia phong và nếp sống của mình.

\*\*\*

Cái tên Cung Tiến được biết đến đầu tiên là về nhạc. Nhưng như đã nói - anh còn là một nhà kinh tế, một nhà hoạt động văn hóa chuyên cần. Hồi trước 1975, trên những tập san văn học nghệ thuật như Sáng Tạo (bộ mới), Nghệ Thuật, Văn ... Cung Tiến đã viết nhiều bài khảo luận sắc bén về Levi Strauss, về Virginia Woft - về cơ cấu luận (Structuralism). Anh cũng là dịch giả cuốn "*Một ngày trong đời Ivan Denisovich*" truyện của A. Solzhnitsyn, tác giả Nga được giải thưởng Nobel văn chương năm 1970 và bị tống xuất sang Âu Châu.

Anh cũng là người giới thiệu *Club de Rome* gồm một số đồng các nhà khoa học thuộc đủ mọi ngành trên thế giới tập họp ở Rome, nêu ra những vấn đề cấp thiết của con người trên hành tinh trái đất càng ngày càng chật hẹp trong cuốn *The limits of growth*. Cuốn sách này, được Cung Tiến dịch sang Việt Văn dưới tiêu đề *Giới Hạn Phát Triển*, gióng lên tiếng chuông cảnh báo loài người - và cũng là cuốn sách đầu tiên nêu lên những tiêu chí của một nền kinh tế toàn cầu ngay cuối thập niên 60.

Vào khoảng đầu thập niên 70, *Club de Rome* (*lúc này đã gây ảnh hưởng sâu đậm trên thế giới, càng ngày càng có nhiều nhà khoa học tham gia*) cho ra đời cuốn sách thứ 2 tiếp theo *Giới hạn phát triển* - Đó là cuốn *Chỗ Rẽ Của Nhân Loại* (*The Turning point of mankind*). Lúc này Cung Tiến bận rộn hơn - anh tham chính (*thứ trưởng kiêm Tổng giám đốc kế hoạch cho ông Tổng Trưởng Kế Hoạch Nguyễn Tiến Hưng*). Ngày ấy kẻ viết bài này vừa làm việc ở tòa báo Tiền Tuyến, vừa là một cộng tác viên của Tập San Quốc Phòng. Tôi được phân nhiệm lược dịch cuốn sách thứ 2 của *Club de Rome*. Nhờ tài liệu, nhờ những giải thích của Cung Tiến trên một số vấn đề kinh tế, nên tôi mới hoàn tất được bản dịch "*Chỗ Rẽ Của Nhân Loại*" đăng trên tập san Quốc Phòng. Một lần nữa xin cảm ơn Cung Tiến.



\*\*\*

Ngày thường gặp Cung Tiến, anh trang nhã, thận trọng pha một chút lạnh lùng kiểu Ảng lê Cambridge. Nhưng trong những lúc phùng trường tác hí, nhất là khi đã nhậu dăm ba consommation rồi là Cung Tiến phăng phăng, bất cần đời. Chúng tôi có thói quen ăn nhậu rồi vào khoảng 10 giờ, 11 giờ đêm kéo đến *Đêm Màu Hồng*. Chủ quán Phạm Đình Chương đã dành sẵn một chỗ ngồi riêng, giá biểu riêng cho bạn hữu; như đã thành lệ khi "Cái Bàng" đến là Phạm Đình Chương hay Thái Thanh chuyển hướng đề tài ... Bữa ấy "*cổ kim hòa điệu*" diễn ra hơi dài. Cung Tiến khật khưỡng bước ra sân khấu - gạt người đánh piano sang một bên rồi ngồi xuống dạo Serenade. Cổ kim hòa điệu với nhạc Shubert thì không thể nào "đi" với nhau được nó ngang phè phè. Một khán giả quần áo dù, mũ đỏ chợt bước lên - Anh tiến lại chỗ Cung Tiến đánh đàn và nắm lấy tay. Cung Tiến không nhìn lên, hất tay ra, vẫn tiếp tục dạo đàn mà nói "đi chỗ khác chơi".

Chủ quán Phạm Đình Chương biết là có chuyện vội đứng ra xin lỗi. Nhưng không kịp nữa rồi. Một vài tiếng nổ xé tai của chai la de vỡ nổi lên. Một vài người bạn dù cùng đi đã nắm cổ chai la de vỡ kéo lên sân khấu. Tất cả khán phòng im bật - một sự im bật bất thần và rùng rợn - chỉ còn một mình Cung Tiến vẫn mê mải đánh đàn. Vũ Khắc Khoan vội bước ra. Dù đã nhậu sương sương nhưng Vũ Khắc Khoan vẫn còn đủ tỉnh táo để nắm lấy vai người sĩ quan mũ đỏ mà nói khê "*Anh học trò tôi có phải ... ?*" Người sĩ quan dù đang hằm hằm sắc giận vội vàng nhìn lại, rồi đổi giọng "*Thưa thầy ...*". Người sĩ quan ấy là môn sinh của họ Vũ, không biết ở Chu Văn An hay ở Văn Khoa. Họ Vũ khoác vai người sĩ quan dù rồi nói "*Thôi ... anh em cả*" Người đánh đàn say không nhận thức được việc gì đã xảy ra sau lưng anh. Nếu không có Vũ Khắc Khoan đêm ấy ... sự việc sẽ không biết còn diễn biến thế nào.

Như vậy, đã có hai con người trong một Cung Tiến. Một con người duy lý, muốn đi đến cùng lý luận; một con người khác duy cảm - muốn thỏa mãn ngay những đòi hỏi của mình. Con người nào ưu thắng trong Cung Tiến? Tôi vẫn nghĩ là con người duy lý. Cung Tiến chỉ "bốc đồng" khi uống rượu say. Bình thường, như đã nói ở trên Cung Tiến trang nhã và thận trọng. Ở trong địa hạt Cung Tiến yêu thích nhất: âm nhạc, Cung Tiến cũng rất là duy lý. Những bài hát đầu tay Thu Vàng - Hương Xưa - Nguyệt Cầm - Hoài Cầm ... dù được yêu thích đến thế nào chẳng nữa, đối với Cung Tiến vẫn chỉ là bài tập - một giai đoạn cần phải vượt qua. Tôi nhận ra một điều là sau những bản nhạc đầu tay ấy, Cung Tiến không viết một bản nào có "lời" nữa. Cung Tiến phổ thơ bạn hữu: Thanh Tâm Tuyền - Quang Dũng - Trần Dạ Từ ... Phải chăng đó cũng chỉ là những exercice.

Hãy đọc lại Hương Xưa - Thu Vàng ... Cung Tiến đâu có phải là người nghèo khó ngôn từ "*Người ơi, một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa. Người ơi đường xa lắm con đường về làng diu mấy thuyền đò. Còn đó tiếng tre êm ru - còn đó bóng đa hẹn hò, còn đó những đêm sao mờ hồn ta mênh mông nghe sáo vi vu*". Lời đẹp như một bài thơ xuôi. Nhưng sau đó Cung Tiến không viết nhạc có lời mà anh viết nhạc không lời. Như đúng là nhạc không cần lời. Nó có tiếng nói riêng của nó. Nhạc, cùng kỳ lý ... là một trật tự nào đó mênh mang và tự nhiên như gió như mây, như trời và đất.

Nhưng không phải người nào cũng thường thức được thứ nhạc không lời ấy. Nó đòi hỏi thời gian và tu dưỡng. Hỏi bạn ta, tôi không có thời gian và cũng không được tu dưỡng nên đọng vào nhạc không lời tôi có hiểu gì đâu. Năm 1992 khi tôi từ Úc sang thăm các bạn ở Minnesota ... trong một chiều Xuân muộn, dưới cái basement nhà bạn, trong lò sưởi củi cháy đỏ hồng nổ lách tách ... bạn cho tôi nghe tác phẩm mới đặc ý của bạn: *Tổ khúc Chinh Phụ Ngâm*. Với tổ khúc này năm sau các ban nhạc đại hòa tấu nổi tiếng ở Mỹ đã liên tiếp trình tấu. Vì tổ khúc này, trình diễn ở Houston ngày 2 tháng 10 năm 1993, ông thị trưởng Houston đã mệnh danh ngày này là "*Ngày Cung Tiến*". Cũng vì tổ khúc này nên một học bổng mang tên bạn cũng được dành cho trường luật ở South Texas College.

Đó là những vinh dự dành cho ngọn hải đăng duy lý. Ngọn hải đăng soi sáng biển cả, soi sáng mọi người. Ngọn hải đăng được vinh danh, được xưng tụng nhưng ngọn hải đăng nào cũng đứng một mình cách xa những ngọn hải đăng khác hàng trăm ngàn hải lý. Nó soi sáng cho người khác, không biết có soi sáng được cho mình. Còn người duy cảm, thuộc loại "*người trần mắt thịt*" lại rất đông ở cõi đời này. Họ là những người sống ở mọi nơi theo châm ngôn: Một người như mọi người (un homme comme les autres) của J.P. Sartre. Một người duy lý và một người duy cảm trong cùng một Cung Tiến người nào đáng sống hơn? Điều này lại thuộc về loại "*Bất khả tư nghị*".

Trích báo Ngày Nay số 437, 1 tháng 7.2000

## Kỷ niệm Tao Đàn

Đầu năm 1956 tôi từ biệt nghề "chiến binh lợi ruộng" về Phòng 5 bộ Tổng tham mưu làm sĩ quan thông tin báo chí. Lúc bấy giờ tôi chưa có vợ con gì, khoác cái ba lô lên lưng là có thể đi cùng trời cuối đất. Về Sài Gòn chưa biết ở đâu tôi sấp vô ở với bạn cũ Thanh Nam ở ngõ Nancy (đường Phan Văn Trị). Tôi và Thanh Nam chơi với nhau từ khi tôi từ ngoài khu về Hà Nội ăn dầm nằm dề trên căn gác phố hàng Bông nhà Nguyễn Thiệu Giang, tập tọng làm văn nghệ vẫn gùng dưới sự hướng dẫn của đàn anh Đinh Hùng. Trong nhóm chúng tôi ngày ấy ngoài Thanh Nam, Nguyễn Thiệu Giang còn có Nguyễn Minh Lang, Phan Nghị, Huy Quang Vũ Đức Vinh, những người Thanh Nam nhắc đến trong bài hành tuổi 40 vài chục năm sau:

Bạn cũ hay nương theo rét lạnh

Về đây cùng nhập một cơn say  
Chí lớn chia nhau đầy gác  
Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai  
Dầm bảy lòng sông ôm biển cả  
Coi đời dưới mắt nhẹ không ai  
Cơn mê nhập cuộc sâu chưa bén  
Thân thể chưa đau cát bụi này...

Sau hiệp định Genève 1954 nhóm chúng tôi tan tác kẻ đi người ở. Theo anh Đinh Hùng vào Nam có Vũ Đức Vinh, Phan Nghị và tôi; Thanh Nam đã vào Sài Gòn trước, 1953. Ở lại có Nguyễn Minh Lang, Nguyễn Thiệu Giang. Bây giờ (1956) tôi ở với Thanh Nam, gặp lại anh Đinh Hùng và có thêm những người bạn mới. Ở cùng nhà ngõ Nancy lúc bấy giờ có nhà thơ Thái Thủy (tác giả Lá thư gửi mẹ) kịch sĩ, kiêm "ngâm sĩ và vũ sư (múa Trần thủ lưu đồn) Hoàng Thư, nhà báo Vũ Quang Ninh, quản đốc đài phát thanh Quân Đội. Một lũ "xê li bạt" ở với nhau, không có đàn bà, không có trẻ con, ăn uống tùy tiện, tối đến rải chiếu ra, chằng màn ngủ, mỗi anh một góc, không phiền ai. Nhà này trước đây còn có văn sĩ Tạ quang Khôi (xước danh Tạ ổng khói) nhưng ít lâu nay ông "Ổng khói" tạm biệt nơi này vô Đại học sư phạm rồi. Nhà này phải để sàn rộng rãi là nó có lý do của nó. Ông Hoàng Thư thỉnh thoảng tập múa Trần thủ lưu đồn nên phải có chỗ cho "vũ sư" tập dượt. Vũ sư mặc quần đùi, thân thể hom hèm nhưng múa rất hăng vừa múa vừa hát "Trần thủ ấy mấy lưu đồn. Ngày thì canh điểm ấy tối dồn là việc quan, chém tre mà dẫn gỗ trên ngàn..." Nhà một lũ độc thân nên anh em dễ dàng hội họp, gặp nhau "phùng trường tác hí". Sải chiếu ra, ăn nhậu dài dài. Hay đến đây là đàn anh Đinh Hùng có khả năng đặc biệt vừa nằm vừa viết văn chương Tao Đàn mà chữ nghĩa vanã rông bay phượng múa. Có ông Vũ khắc Khoan gõ muống vào ly mà "Hồ trường, hồ trường ta biết rót về đâu". Có ông Mai Thảo với ông Phạm đình Chương rượu uống tì tì, càng uống mặt càng tái đi. Có ông Anh Ngọc say ngất ngư mà vẫn hát "Anh đến thăm em một chiều mưa". Có ông Tạ Ty ngày Tết chạy sang, rải chiếu ra, rút bát.

Văn nghệ sĩ đến đây nhiều như thế nên người ta bảo ngõ này là ngõ "văn nghệ"; ở khu này cũng có khá đông anh em ta cư ngụ. Từ chợ Nancy quẹo vô ngõ Phan Văn Trị là nhà của nhà văn, nhà thơ kiêm "sáo sĩ" Tô kiều Ngân. Đi thêm dăm chục bước chân là nhà Thanh Nam. Trước cửa nhà Thanh Nam là nhà Tạ Ty họa sĩ, văn ,thi sĩ. Ngay cạnh nhà Thanh Nam là nhà ban Hợp ca Hạc Thành của anh em nhạc sĩ Nhật Bằng, Nhật Phượng, Thử Tàn, Hồng Hảo. Xế bên kia một chút là nhà của ký giả lão thành Thượng Sĩ, nhà phê bình, điểm sách trên tờ Tin Mới của Hà Nội năm xưa, ( nhà văn nữ Sài Gòn cô nương xuất hiện trên làng báo hải ngoại mấy năm gần đây là con gái anh Thượng Sĩ).

Năm ấy (1956) là thời kỳ cực thịnh của ban Tao Đàn phù hợp với giai đoạn khởi đầu của nền Đệ Nhất Cộng Hòa khi miền Nam VN vừa có một thể chế mới, một tương lai mới. Pháp đã rút hết về nước . Trên phương diện truyền thanh các đài của Pháp như Pháp Á, Con nọan (Hirondelle) nhất loạt đóng cửa ; đài quốc gia (lúc bấy giờ chưa có TV) cũng như các chương trình phát thanh có bản phận phải "lớn lên" cho kịp với tình hình. Ban Tao Đàn ngoài trách nhiệm đã được minh thị "tiếng nói của thơ, văn miền Tự Do" còn tiềm ẩn một nghĩa vụ "đem theo văn hóa của 1 triệu người miền Bắc vừa định cư ở miền Nam." Thơ, văn Tao Đàn phần đông là văn hóa Bắc Hà, là những làn điệu của văn minh sông Hồng, sông Mã giao duyên cùng văn minh Hương Giang và Cửu Long Giang. Bao nhiêu năm đã trôi qua, bây giờ từ vĩ tuyến 17 trở vào trong, chúng ta có một lối ngâm thơ đã trở thành phổ biến : ngâm thơ Tao Đàn .Nó xuất hiện thường xuyên trong cái lương miền Nam hay bài chòi miền Trung. Nó là cái còn lại, là dấu ấn của văn nghệ sĩ đã đưa Tao Đàn vào đời sống văn hóa.

Người khai sinh và điều khiển chương trình Tao Đàn ,như cả nước đều biết là thi sĩ Đinh Hùng. Năm 1956 tôi ở nhà Thanh Nam ,nơi anh Đinh Hùng thường tới viết bài ,các cộng sự thân thiết nhất của anh đều ở quanh đây nên có thể nói nơi đây là "đại bản doanh" của chương trình Tao Đàn. Chương trình Tao Đàn có thể chia ra làm 3 bộ phận. Bộ phận quan trọng nhất là ban biên tập và diễn đọc gồm Đinh Hùng, Thanh Nam, Thái Thủy; vài năm sau có Huy Quang Vũ đức Vinh từ Nha Trang vào cộng tác. Bộ phận thứ 2 là ban ca ngâm gồm những tài tử nam, nữ trình diễn thường xuyên hay tùy hứng. Người "đa năng" nhất trong ban Tao Đàn là Tô kiều Ngân. Anh vừa là tài tử diễn ngâm, vừa biên tập, vừa trong ban nhạc. Tiếng sáo Tô kiều Ngân réo rất thường được coi là "indicatif" của Tao Đàn, hợp cùng tiếng đàn thập lục trầm bổng của Bửu Lộc, tiếng piano trầm ấm trước của Ngọc Bích, sau của Phạm đình Chương. Về giọng ngâm nam ngoài họ Tô, còn có Hoàng Thư; một thời giọng ngâm Thanh Hùng cũng có góp tiếng trên đài.Tô kiều Ngân tuy giọng không khoẻ nhưng anh là người ngâm "khéo" nhất, ngâm giọng Bắc, giọng Trung đều nhuyễn. Hoàng Thư có chất giọng say sưa, mạnh mẽ được đời nhớ mãi trong Bài ca ngư phủ của Vũ Hoàng Chương. Thanh Hùng với giọng thổ pha kim ,xuất sắc trong những tác phẩm bi hùng. Có những giọng ngâm không có mặt lâu năm trên đài nhưng vẫn được đời ghi nhớ như Quách Đàm trong những bài lục bát hay Thiếu Lang trong Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác.

Về giọng ngâm nữ lúc khởi đầu phải nhắc tới cái ngọt ngào của Giáng Hương nhưng các tay sành điệu đều không thể nào quên giọng ngâm đồ hồ đặc sắc của bà Đàm Mộng Hoàn , một danh tiếng vang lừng tại Khâm Thiên tiền chiến trong Tỷ bà Hành . Giọng ngâm nữ nhiều năm làm thổn thức trái tim thính giả là Hồ Điệp trong những bài thơ nước nở TTKH. Về sau, có một giọng nữ như sương như khói làm khởi sắc những vần ca dao dân tộc và những bài ca huyền sử . Đó là giọng ngâm Hoàng Oanh.

Sang đến thập niên 60 (thế kỷ trước) sức truyền lan của Tao Đàn có vẻ sút giảm đi. Thi ca miền Nam Tự Do với một thẩm mỹ mới, một thẩm mỹ chên vênh (esthétique de choc) đã ngự trị thi đàn. Thơ có vẻ đang chuyển sang không vần của thơ Tự Do. Người ta ưa đọc thơ hơn là ngâm thơ. Nhưng đó lại là một vấn đề khác. Mỗi thời điểm có vấn đề riêng của nó.

Ngày xưa đàn anh Đinh Hùng có nói : "Mỗi một người bạn là một phần đời sống của mình".

Thoạt đầu, tôi nghĩ là đàn anh "bốc" đàn anh phán vậy thôi. Nhưng càng già càng thấy đàn anh

nói đúng. Bây giờ nói về thời gian sống ở ngõ Nancy còn lại những ai?. Đinh Hùng, Thanh Nam, Thượng Sĩ, Hoàng Thư, Phạm đình Chương, Vũ khắc Khoan, Mai Thảo, Nhật Bằng, Tạ Ty, Phan Nghị... đều bỏ chúng ta mà đi rồi. Người gần nhất "lên đường" là Huy Quang Vũ đức Vinh. Khi nghe tin Vũ đức Vinh ngất ngoải hai ông còn lại ngày xưa nhà Thanh Nam là Vũ Quang Ninh và Thái Thủy vội bay sang Seattle thăm bạn, Tới nơi thấy bạn mình đã hôn mê nhưng khi nghe : "Vu Quang Ninh, Thái Thủy sang thăm ông đây" người hấp hối bỗng chày hai hàng nước mắt. Vu đức Vinh người bạn thường gọi tôi "bạn cũ trên 50 năm" đã từ biệt chúng ta như thế.

Bây giờ còn có người mà kể lại; mai đây không biết còn kể lại với ai?

## Chia tay “Tao Đàn”

Khi “tê” về thành đầu năm 1950, vì một sự tình cờ, tôi gặp Nguyễn Minh Lang, nhà văn mới nổi của Hà Nội. Anh thường đến thăm một hiệu sách đầu phố hàng Giầy để xem tác phẩm mới xuất bản của mình (cuốn *Cổ đại?*) được đón nhận ra sao? Nhà ông bác tôi ở gần đó; tôi mới hỏi cư hay đến hiệu sách xem “nhờ” sách báo, một đặc ân của H., cô chủ cửa hàng dành cho một tên “vừa đi kháng chiến về”.

Những tên này thường mang dấu hiệu của thất cơ lỡ vận, người gầy ốm (có khi còn sốt rét chưa khỏi) quần áo nhom nhoam, mặt mũi xác xơ, ngờ ngác. Cô chủ cửa hàng, không đi tản cư nên thêm nghe những chuyện “ngoài bưng”. Tôi được quen cô H. là vì thế. Một bữa, H giới thiệu tôi với Nguyễn Minh Lang (NML); thấy tôi thuộc nhiều thơ kháng chiến NML mời tôi tới dự một buổi họp mặt tại một căn gác phố hàng Bông.

Nơi đây là nhà của chị Căn, bà chị của Nguyễn thiệu Giang đã dành một căn gác cho cậu em tiếp đãi bạn bè. Ở đó ngoài NML còn có Thanh Nam, Vũ Đức Vinh, Phan Nghị và một khuôn mặt tôi kính trọng từ lâu: thi sĩ Đinh Hùng. Anh là chef de file của những nhà văn trẻ ở Hà Nội lúc đó. Thời tiền chiến (trước 1945) tôi đã từng say mê “Kỳ Nữ” của anh qua lời giới thiệu nhiệt tình và trang trọng của chủ soái thơ mới Thế Lữ “Một Rimbaud VN”. Theo tôi, anh là nhà thơ tượng trưng (Symbolique) đặc sắc của thi ca tiền chiến:

*... Ôi vô lương trong một phút không ngờ  
Ta đã muốn trở nên người vô đạo  
Tất cả em đều bắt ta khổ não  
Và oán hờn, căm giận đến đau thương  
Và yêu say mê một đến hưng cuồng  
Và khát vọng đến vô tình, vô giác... (Kỳ Nữ)*

Anh chỉ vẽ, thúc giục chúng tôi “làm văn nghệ”.

Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam, Vũ Đức Vinh đều có tác phẩm trình làng, Phan Nghị với những bài phóng sự nóng bỏng đang là nhà báo “ăn khách”. Đàn anh Đinh Hùng một bữa bảo tôi “Viết đi chứ”. Tôi chỉ cười trừ, lảng tránh. Tôi tự nghĩ việc trước thư, lập ngôn là trọng, mình tài sức được đến đâu? Tốt hơn hết là mình chỉ nên là bạn của văn nghệ mà không làm văn nghệ.

Nhưng “chinh chiến đã mang đi bạn bè”.

Năm 1951, Huy Quang Vũ Đức Vinh bị động viên đi khóa 1 Nam Định. Năm sau, 1952 tôi vào khóa 2 Thủ Đức. Dù muốn dù không, chúng tôi đâu còn chọn lựa nào khác. Đi kháng chiến không xong vì cuộc chiến này không phải của mình; người Mác Xít Lê Nin Nít chiến đấu cho

chủ nghĩa của họ trước khi cho dân tộc. Nhưng chúng tôi có bao giờ muốn “đi lính cho Tây”. Cái “trở đi mắc núi, trở lại mắc sông” của đám thanh niên mới lớn chúng tôi là vậy. Chỉ sau này, khi chúng tôi đã vào Nam theo hiệp định Genève 1954, nền Đệ Nhất Cộng Hòa mới mở ra cho miền Nam VN một tương lai mới, một chủ quyền mới. Thực dân Pháp đã rút hết về nước, người VN từ vĩ tuyến 17 trở vào đang có thời cơ thiết lập một nhà nước có Độc Lập, Tự Do thật sự. Mọi người nô nức trước sự khai sinh nền Đệ Nhất Cộng Hòa của chí sĩ Ngô Đình Diệm.

Đàn anh Đình Hùng và những người bạn tôi ở Sài Gòn đang đứng trong hàng ngũ những người góp tay xây dựng chính quyền mới. Theo lời nhà thơ Thái Thủy người duy nhất trong ban biên tập Tao Đàn còn sót lại ở Mỹ bây giờ, chưa bao giờ Đài phát thanh quốc gia đầu đường Phan Đình Phùng (ngày xưa là đường Richaud) quy tụ được đông đảo anh em văn nghệ sĩ đến như thế. Nghệ sĩ cải lương, tân, cổ nhạc, kịch nói, kịch thơ, hát bội; các nhà văn nhà thơ tới viết bài bình luận hay hội thảo bàn tròn. Các đài của Pháp cũ như Pháp Á, Con Nhạn đã đóng cửa nhưng có mật lệnh từ dinh Độc Lập tới bộ Thông Tin (ông Trần Chánh Thành) là không để một nghệ sĩ nào “mất việc”.

Giám đốc đài lúc đó ông Đoàn Văn Cầu, nguyên Văn Hóa vụ trưởng, cánh tay mặt của ông Trần Chánh Thành đã cố gắng biến đài phát thanh quốc gia thành một trung tâm “văn hóa”.

Ngoài việc sắp xếp công việc cho văn, nghệ sĩ ông còn tìm cách tăng thù lao cho anh em. Ban Tao Đàn ngày ấy mỗi tuần trình diễn sáu lần chỉ trừ Thứ Bảy (có tuồng cải lương), đồng bạc VN lại đang có giá nên lương tiền anh em rất khá. Ngày ấy, nhạc sĩ Ngọc Bích và nhà thơ Thanh Nam trong ban Tao Đàn là tác giả của bài “Suy tôn Ngô Tổng Thống” nên chắc thù lao hậu hĩ. Nhà thơ Đình Hùng mới đùa anh em làm một đôi câu đối như sau:

*Tậu xế Simca, Ngọc Bích suy tôn tổng thống*

*Mua nhà phố chệt, Thanh Nam truat phé bù nhìn.*

Từ đó về sau, đài phát thanh quốc gia (lúc ấy chưa có TV) không đơn thuần là một cơ quan thông tin mà còn được coi là “hàn thử biểu” của tình hình.

Chức vụ Giám Đốc đài phát thanh (sau này có lúc tự trị lên hàng Tổng giám đốc) là một chức vụ “nhạy cảm” có tính cách chính trị hơn là kỹ thuật. Anh em trong nghề “báo nói” có truyền tai với nhau rằng “trong số khá đông những nhà Giám Đốc phát thanh có ba người để lại dấu ấn khó quên. Đầu tiên là ông Đoàn Văn Cầu thời Đệ Nhất cộng Hòa vừa kể. Ông là người hết lòng lo cho anh em nghệ sĩ. Người thứ hai là GS Nguyễn Ngọc Linh. Ông là người có những cải tổ về nhân sự. Ông và bào đệ GS Nguyễn Ngọc Phách đã mở những lớp huấn luyện căn bản đào tạo phóng viên có tính cách chuyên môn cao. Có lẽ đây là tiền đề cho hai ông sau này mở phân khoa báo chí tại trường đại học làm nhẹ đi phần nào cái xức danh “làm báo nói láo ăn tiền”. Người thứ ba đưa phát thanh lên một tầm cao mới là Huy Quang Vũ Đức Vinh người anh em cũ tại căn gác phố hàng Bông Hà Nội, là thành viên biên tập ban Tao Đàn xưa, người đã đưa đài phát thanh quốc gia lên qui chế tự trị (tách ra khỏi bộ Thông Tin); nhưng cái đáng kể là thời kỳ Vũ Đức Vinh tin tức nhanh hơn, đáng tin hơn. Đây cũng là thời gian xuất hiện những nhà báo trẻ đầy tự tin vào chức nghiệp của mình như Vũ Ánh, Nguyễn Thiên Ân, Lê Phú Nhuận, Nguyễn Mạnh Tiến...

Trong những tháng ngày ở với Thanh Nam trong ngõ Nancy (Phan văn Trị) lúc rảnh rỗi, tôi thường theo anh em, bè bạn lên đài phát thanh xem ban Tao Đàn trình diễn.

Trước ngày thu khoảng một ngày, anh Đình Hùng trưởng nhóm mới ngộ ý với Thái Thủy thư ký của ban biên tập là trong chương trình sắp tới Đình Hùng, Thanh Nam, Huy Quang (đôi khi cả Tô Kiều Ngân nữa) mỗi người “nói” bao nhiêu phút, đề tài gì; thư ký Thái Thủy sau khi thiết lập bảng “phân công” có bản phạn sửa soạn sẵn một số bài vở dự trữ để nếu cần “lấp khoảng trống” (bouche trou) và tham khảo với anh Đình Hùng về việc đề nghị nghệ sĩ diễn ngâm cho từng bài.

Ngày ấy kỹ thuật thu thanh còn thô sơ nên trách nhiệm của nghệ sĩ khá nặng nề. Vào phòng thu âm, đèn đỏ bật lên (on air) là nghệ sĩ trình diễn thẳng (vivant) từ đài phát thanh tới thính giả. Một lời đã nói ra rồi là “Nhất ngôn ký xuất, Tứ mã nan truy”, hay dở, đúng sai gì cũng không thể nào sửa chữa được nữa; không như bây giờ, kỹ thuật tân tiến, nghệ sĩ, ca sĩ thu thanh trước vào băng, đĩa, chuẩn bị thật chu đáo, o ép từng câu, từng chữ cho thật vừa ý rồi đến giờ, bấm máy phát đi. Vì vậy nên ngày nay có hiện tượng ca sĩ “nhép” tức là trình diễn trước khán, thính giả hàng nghìn, hàng vạn người mà chỉ “nhép” môi, băng, đĩa đã hát thay cho ca sĩ.

Tiện lợi thì thật là tiện lợi nhưng nó mất đi một cái rất quý, cái thật. Đây là máy hát, không phải là người hát. Đứng về phương diện bản lĩnh, người nghệ sĩ một mình đứng trước cử tọa nó chứng tỏ sự tự tin, nếu không muốn nói là hào khí của người làm nghệ thuật trong khi người ca sĩ “nhép” đã tự rút lui, nhờ kỹ thuật hành nghề giúp.

Nhưng huy chương nào cũng có mặt trái của nó.

Ban Tao Đàn năm ấy (1956) đã lâm vào một tình trạng nguy cơ khi trình diễn “vivant” trên đài. Buổi trình diễn khá quan trọng vì là đêm Giao thừa, Ban Tao Đàn kiểm điểm lại qua thi văn những thành tựu của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, Hiến Pháp 26/10 vừa ban hành, một triệu người di cư đã bắt đầu an cư lạc nghiệp, tình trạng sử quân đã bị dẹp tan, chí sĩ Ngô Đình Diệm đang mở ra một thời cơ đầy hứa hẹn cho miền Nam vĩ tuyến 17. Bài suy tôn Ngô tổng thống muôn năm đang được hát khắp nơi.

Trong chương trình đêm ấy có bài thơ (của nhà thơ Dương Vy Long thì phải) nói lên sự nô nức của phong trào “Cộng đồng đồng tiến” do dinh Độc Lập khởi xướng. Bài thơ có câu “Chúng ta mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu”.

Một nhà ngâm thơ nữ (tôi không còn nhớ được tên) không biết vì hào hứng quá hay mãi lo ra vì Giao Thừa sắp đến nên bỏ quên cái dấu huyền trong chữ cuối của câu thơ. Câu thơ đang ở thể khẳng định một phong trào đang lớn mạnh bỗng rơi vào một tình thế tiêu cực vu vơ: “chúng ta mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu?”

Chỉ một cái dấu huyền thôi nó đảo ngược hết ý của bài thơ.

Trong cái thế nhà nước đang xây dựng một nền cai trị “độc tôn”, ban Tao Đàn trong một chương trình cả nước nghe lại hỏi rằng “Chúng ta mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu” thì nó vừa phạm thượng vừa vô chính phủ một cách cực kỳ. Câu thơ vừa ngâm xong trường ban Đình Hùng và ban biên tập “toát mồ hôi” (dù đang trong phòng lạnh). Đình Hùng ra dấu là anh em không nên nhắc đi nhắc lại chuyện này, hi vọng là thính giả không để ý, quên đi trong đêm Giao Thừa nhiều cuộc vui, nhiều tiếng động. Nhưng khi ban Tao Đàn vừa trong phòng thu âm bước ra, tình hình bên ngoài đã cho thấy là bất tường. Cảnh Sát sắc phục đã có mặt cùng với ông cò quận 1, ông cò Quyền và ông Giám Đốc phát thanh Đoàn Văn Cầu. Toàn ban Tao Đàn lên xe “bít bùng” về bót quận 1.

Ông Đoàn Văn Cầu nói anh em cứ yên trí, ông sẽ tới sau. Tới quận 1, ông cò Quyền nói rằng: chỗ anh em quen biết cả nhưng ông phải thừa hành lệnh của Dinh Độc Lập, từ ông Chánh văn phòng ông Cổ Ván (Ngô Đình Nhu) trung tá Phạm Thư Đường. Đàn anh Đình Hùng có quen biết ông Trung tá Đường nên mới bắt phone nói chuyện.

Ông Đoàn Văn Cầu sau khi tường trình với ông Tổng trưởng Trần Chánh Thành cũng tới xin ông trung tá Đường bỏ qua, nguyên do chỉ vì bất cẩn của một nghệ sĩ. Cũng may là chuyện này chưa tới tai “Ông cù” hay ông cò vắn nên mới dàn xếp được.

Anh em trong ban Tao Đàn nhớ mãi chuyện “mang hình Ngô lãnh tụ đi đâu” vì gần đến Giao Thừa anh em mới về được tới nhà. Hú vía.

báo Tự Do giữ mục “Đàn ngang cung” (sau này do nhà thơ Hà thượng Nhân phụ trách) đã ký tên Thần Đăng (cây đèn thần hay cây đèn dầu lạc).

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa phong trào bài trừ tứ đồ tường lên rất mạnh, các “tiên ông” bị bỏ thường xuyên.

Đình Hùng vì quảng giao, anh em, đệ tử nhiều, vắc “bazoka” đi bắn nhiều nơi, nhiều chỗ nên hay bị phú lít hỏi thăm sức khỏe. Vũ Đức Vinh, Thái Thủy và tôi đã hơn một lần tới các quận Cảnh Sát “lãnh” đàn anh ra. Sau này, có tuổi một chút, anh mới ít đi giang hồ vật, nằm hít ở nhà. Bàn tĩnh ở giữa, chung quanh là từng chồng sách, báo.

Nhà anh đường Trần Văn Thạch, cạnh chợ Tân Định, trèo một cái cầu thang bằng gạch mới lên tới nơi. Anh càng có tuổi, người càng nhỏ lại. Nhiều khi khó tìm thấy anh trong đồng sách, báo càng ngày càng rậm rạp. Vì phải viết nhiều, cho Tao Đàn, cho các báo nên anh phát triển mạnh mẽ khả năng vừa nằm vừa viết của anh.

“Bạn hít của anh là ai?” một bữa tôi mới hỏi Thái Thủy. Thư ký của ban Tao Đàn trả lời: “Tôi nói chuyện này, ông tin hay không tùy ông nhưng đó là chuyện thật. Khi anh Đình Hùng mất được vài tháng (1967) chị Đình Hùng mới bảo tôi tới dọn dẹp hộ đồng tài liệu, sách báo nơi anh Đình Hùng thường nằm viết ngày xưa; vất vả lắm mới xong. Khi dọn dẹp, rũ từng chồng sách vở, tôi thấy hàng mấy chục con thạch sùng chết khô từ đó rơi ra. Đó là những bạn hít không biết nói của đàn anh đấy”...

Cuối năm 1956 và đầu năm 1957 một số anh em ở nhà Thanh Nam trong ngõ Nancy (Phan Văn Trị) lấy vợ (Vũ Quang Ninh, Phan Lạc Phúc) dời bỏ nơi này. Buồn tình mấy nhà “độc thân dai dẳng” (célibataires endurcis) mới dọn nhà sang khu Nguyễn Thiện Thuật một thời gian rồi kéo nhau lên đóng trụ tại building Cửu Long đường Hai bà Trưng. Buồng trên building nó nhỏ như cái lỗ mũi mà lại ở những 3 người (Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư) nên không còn chỗ cho anh em hội họp; “vũ sư” Hoàng Thư không còn khả năng tập múa “Trần thủ lưu đồn”. Thời gian này (cuối thập niên 50 đầu 60) chúng tôi có một nơi tập họp không kém phần ấm cúng: nhà mới của Phạm Đình Chương, trong một con hẻm rộng đường Võ Tánh (Frères Louis cũ) đằng sau tòa đại sứ Phi Luật Tân gần chợ Thái Bình.

Sau vụ Khánh Ngọc, đại gia đình Hợp ca Thăng Long phân tán không còn ở trong căn biệt thự lớn đường Bà huyện Thanh Quan nữa. Phạm Duy, Thái Hằng đem gia đình đi ở nơi khác; Phạm Đình Chương đưa con nhỏ và thân mẫu về khu nhà mới cùng với đôi tài danh đang lừng lẫy, Thái Thanh, Lê Quỳnh (Ý Lan bấy giờ mới chập chững biết đi).

Chính tại ngôi nhà này chúng tôi Thanh Nam, Mai Thảo, Thái Thủy và tôi cuối tuần thường đến “hầu bài” bà thân của Chương để được ăn những bữa cơm nhớ mãi: canh cua rau đay, cà pháo, đậu rán (Chắc cũng ít người biết Thái Thanh, giọng hát vượt thời gian cũng là người nấu món ăn dân tộc rất cừ).

Những ngày lễ, Tết chúng tôi cũng thường đến nhà Chương ăn nhậu. Thời kỳ này, Ngọc Bích đã dời khỏi Tao Đàn, người thay thế anh chơi piano là họ Phạm.

Lúc này Chương rất gần gũi tác giả Mê Hồn ca. Đây là thời cơ xuất hiện bản tình ca trác tuyệt Mộng dưới hoa: “Chưa gặp em anh đã nghĩ rằng, Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng...” thơ Đình Hùng, nhạc Phạm Đình Chương.

Tết nào cứ vào mừng hai là chúng tôi tụ họp tại nhà Phạm Đình Chương vui Xuân, đón Tết. Bà thân Chương và Thái Thanh làm đủ mọi thức ăn dân tộc, cổ truyền: bánh chưng, bánh tro, thịt đông, dưa chua, giò mỡ, giò nạc, bún thang... cũng như tổ chức mọi thứ trò vui trong nhà rút bắt, đánh chắn, cá ngựa, bầu cua cá cọp, ai thích món nào, chơi món đó.

Quá nửa buổi rồi, Thái Thanh kêu gọi mọi người nghỉ tay ăn “thang” cho nóng.

Nhìn đi nhìn lại không thấy anh Đình Hùng đâu? Tôi mới đi ra sân trước nơi đậu xe xem có Đình Hùng ngoài đó không. Từ khi dọn về đây ẩn dật Chương chán đời, ăn mặc xuề xòa, đi dép không quai lệt xệt, để một hàm râu mép chàm rậm, rậm rịt ;tụi tôi mới có một tên mới để gọi

Chương “râu kẽm”. Râu kẽm đang phóng túng hình hài, ít ăn ít nói hẳn đi, mà có nói cũng thường “hừ” một tiếng giọng mũi. Một nhát chém hư vô đã làm thay đổi Phạm Đình Chương. Trước đây Chương có chiếc xe Studebaker dài thông, rất à la mode, bây giờ Chương đổi xe, đi một chiếc 203 xập xệ. Tôi nhìn vào chiếc 203 thấy Đình Hùng đang ngoẹo đầu nằm ngủ trên băng sau. Đàn anh chắc uống khá nhiều vừa rượu ta, vừa rượu tây nên thiếp đi chưa kịp dậy. Anh ngủ rất say, như chìm vào một cơn mộng nào sâu thẳm. Sợ ở ngoài này gió máy, tôi lựa thể ôm anh vào trong nhà. Đàn anh càng ngày càng nhỏ đi, anh nặng chắc không quá 40 kí. Vào tới nơi, đặt nằm xuống rồi anh vẫn còn chưa tỉnh. Một vài ngọn tóc xoa xuống mặt, tôi khẽ vén lên. Anh nằm ngủ bình yên miệng hơi hé ra. Tôi chợt nhớ hai câu thơ của anh tôi yêu thích từ hồi tiền chiến “Thèm ăn một chút hương man dại, Và ngủ như loài muông thú kia”. Ở gần anh bao nhiêu năm nhưng lúc ấy tôi nghĩ là tôi gần anh nhất. Anh thèm ăn mọi thứ “thực phẩm trần gian” (nourritures terrestres), bây giờ anh ngủ như một động vật đơn sơ, thẳm lặng.

Thời gian trôi đi 1960-1967. Đã bao nhiêu nước chảy dưới chân cầu, bao nhiêu sự kiện trọng đại đã xảy ra tại miền Nam vĩ tuyến 17. Anh em tổng thống Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu bị thảm sát, Đệ Nhất Cộng Hòa kết thúc tức tưởi, Việt Cộng nổi dậy khắp nơi, chế độ quân nhân tạm thời cầm quyền xây dựng nền Đệ nhị Cộng Hòa. Chủ soái ban Tao Đàn, thi sĩ Đình Hùng đang thoi thóp trong nhà thương Bình Dân với căn bệnh trầm kha ung thư bao tử, thời kỳ cuối. Anh được vô đây điều trị là nhờ sự đích thân can thiệp của Giáo sư bác sĩ Phạm Biểu Tâm. Nhưng ung thư là bệnh nan y, các y, bác sĩ dù tận tâm đến đâu cũng “chữa được bệnh, không thể chữa được mệnh”. Thân nhân, bạn bè đều rõ là những ngày cuối của anh sắp tới. Lúc đó Huy Quang Vũ Đức Vinh người bạn xưa “Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ”, thành viên cũ ban Tao Đàn đang là Tổng giám đốc hệ thống phát thanh quốc gia. Kẻ viết bài này đang phụ trách biên tập cho tờ Tiền Tuyến cơ quan ngôn luận của Quân Lực. Một buổi sáng đầu mùa thu năm 1967, Huy Quang hốt hoảng gọi cho tôi: “Anh Đình Hùng mất rồi, tôi cho xe sang đón; chúng ta phải tới nhà thương Bình dân ngay”.

Chúng tôi tới bệnh viện hồi 10 giờ sáng, cái nắng cuối mùa hè vẫn còn gay gắt. Anh đã được chuyển từ phòng bệnh xuống “nhà xác”. Chúng tôi đang đi bộ tìm đường bỗng nghe một tiếng khóc ré lên “Chú Vinh ơi, chú Phúc ơi, anh Hùng anh ấy chết rồi”. Từ một góc cây, chị Đình Hùng đầu tóc rối bù, áo quần sốc xé rách chạy ra, vừa khóc vừa chỉ tay: “Anh ấy nằm ở trong kia kia”. Lại phải đi tìm ông “gác gian” lấy chìa khóa nhà xác. Lúc ấy có một người anh em, cựu thành viên Tao Đàn tìm đến, bạn Thiếu Lang. Mở cửa bước vào thấy trên một cái bệ xi măng có một “brancard” sắt, trên brancard có thi thể anh Đình Hùng nằm đấy. Năm xưa ở nhà Phạm Đình Chương anh đã nhỏ bé rồi, bây giờ anh còn ngót lại nhiều hơn nữa, nằm không đầy nửa cái brancard. Thiếu Lang quay sang hỏi chị Đình Hùng và chúng tôi: “Đã có ai đem tiền đi đường cho anh ấy chưa?” Không ai hiểu câu hỏi của Thiếu Lang. Anh vội nhìn xuống, nhìn vào miệng Đình Hùng còn mở hé mà nói rằng “Giúp tôi một tay”. Bằng một chiếc đĩa Thiếu Lang cạy miệng người vừa mất để vào ít đồng tiền kẽm mà nói: “Để anh đi đường tới cõi siêu sinh tịnh độ”. Thiếu Lang có mang theo một bó nhang nhưng trên bệ xi măng không có chỗ nào thắp hương cả. Anh nhìn quanh quẩn thấy ở góc phòng có một vỏ chai xá xí; anh liền bật lửa thắp nhang cắm vô vỏ chai xá xí vừa khấn vừa vái: “Xin anh sống khôn chết thiêng phù hộ cho gia đình, cho anh em, bè bạn”. Tôi cúi xuống chiếc brancard, như năm trước gỡ một vài ngọn tóc vừa xoa xuống mặt anh vừa nói “Xưa anh ngủ một giấc trưa, bây giờ xin anh ngàn thu an giấc”.

Không biết giờ này có ai còn nhớ Thiếu Lang?

Anh chơi kịch từ hồi còn ở Hà Nội trong ban kịch Tiền Phong, trình diễn các vở Bông hồng dại, Lôi vũ, Nhật xuất (kịch Trung Hoa chuyển sang tiếng Việt). Anh người cao lớn, bặm trợn, nhân dáng như nhân vật Lỗ đại Hải trong Lôi vũ của Tào Ngưu. Vào Nam, khí hậu nóng quanh năm,



trường kịch không có đất dựng vở, Thiếu Lang quay sang chơi kịch ngắn cho phụ diễn tân nhạc và ngâm thơ cổ cho ban Tao Đàn. Anh là người ngâm Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác rất có hào khí. Nhưng cái đáng kể về Thiếu Lang ,theo tôi, lại ở chỗ khác.

Anh là người rất quý anh em. Bất cứ ai trong “làng” có việc, nhất là việc buồn là có Thiếu Lang ngay. Như trường hợp anh Đinh Hùng vừa mất, tại sao anh biết tin sớm vậy? Có mặt ngay tại nhà thương Bình Dân từ đầu với những đồng tiền kẽm để người vừa khuất “có tiền đi đường”. Anh cũng là người đầu tiên thấp nhang khấn vái Đinh Hùng.

Trước đây, trong đám táng anh Tchya (Đái Đức Tuấn), anh Từ Chung (Chính Luận) bị ám sát, con trai anh Chu Tử (Sống) lia đời sớm... đều thấy Thiếu Lang vất vả chạy đi, chạy lại. Anh là người tự nguyện cùng tang gia chia sẻ mọi điều bối rối. Anh cũng là người ưa tiếp đãi bạn bè. Nhà anh ở một con ngõ nhỏ gần đường Hiền Vương (chỗ phở gà); chúng tôi (Đinh Hùng, Mai Thảo, Thanh Nam, Vũ Khắc Khoan và tôi) thường đến đây uống rượu thuốc ăn “giả cầy” những khi Sài Gòn se se lạnh. Nhà anh nhà ống, khá chật nhưng Thiếu Lang rất hào hứng đón tiếp anh em.

Khi tôi đi tù cải tạo về Sài Gòn năm 1985, một bữa tôi có ghé khu Hiền Vương tìm nhà Thiếu Lang thì biết tin gia đình anh không còn ở đấy nữa, đi kinh tế mới không rõ ở đâu; ông chủ nhà Thiếu Lang mất đã mấy năm rồi. Tôi trở thành người xa lạ trong thành phố thân yêu của mình. Không biết khi Thiếu Lang mất có ai đưa anh mấy đồng tiền kẽm để anh đủ tiền đi tới cõi siêu sinh tịnh độ?

Trở lại với cái chết của đàn anh Đinh Hùng năm 1967.

Phút lâm chung của anh trong nhà thương Bình Dân thật là tẻ lạnh nhưng đám táng của anh sau đó lại rất là trọng thể. Nhà thơ tượng trưng đặc sắc của VN, chủ soái ban thi văn Tao Đàn, tác giả Đường Vào Tình Sử tác phẩm được phong tặng hạng nhất trong giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật năm 1961 vừa từ trần.

Đây không chỉ là một sự mất mát lớn cho văn học mà còn là một sự thiếu vắng đáng kể trong xã hội. Không còn nghe tiếng sang sảng của anh trên Tao Đàn, không còn giọng thơ trác tuyệt của anh trên báo chí. Anh cũng còn là một nghệ sĩ đầu đàn về trình diễn cũng như sáng tác có rất đông bạn hữu gần xa. Nhiều người yêu mến anh không chỉ về tài năng mà còn về tính nết. Anh là mẫu “công tử Hà Nội xưa” còn sót lại. Da trắng, tóc dài, môi đỏ như son, lúc nào cũng veston, cravate chỉnh tề. Phái nữ dính theo anh không phải là ít mà, theo chỗ tôi được biết, anh cũng hân hoan đáp ứng. Nhưng chưa bao giờ chúng tôi thấy chị Đinh Hùng tỏ ý phàn nàn về thái độ của anh. Anh là người “tề gia” giỏi hay chị sẵn sàng sống theo lẽ lối xưa ?

Như đã thưa trong phần trước, anh thuộc dòng “phi yến thu lâm ” (phiện thú lâm) nhưng anh khác người, rất hào sảng, không tính toán chi li. Anh ngồi Pagode hay Câu lạc bộ Văn Nghệ (đường Tự Do thời đàn anh Phạm Xuân Thái làm chủ quán) là xung quanh thường có khá đông thân hữu. Khi đứng dậy anh thường là người vui vẻ đóng vai “ông anh chi tiền”. Anh viết nhiều, làm nhiều nhưng không bao giờ giàu, cả đời đi ở nhà thuê.

Tin anh mất được đài phát thanh loan báo rộng rãi, các báo không phân biệt địa phương, đường lối đều đăng lời ai điếu trang trọng, chân thành. Riêng TIỀN TUYẾN (do kẻ viết bài này phụ trách biên tập) đi ảnh và tin anh mất trên trang nhất coi như một tin xã hội quan trọng. TIỀN TUYẾN còn đặc biệt ra một số báo “Tưởng niệm ĐINH HÙNG”.

Theo lời đề nghị của người bạn viết Hoàng Hải Thủy, thư ký tòa soạn, trong số báo đặc biệt ấy trang hai và ba, nơi thường lệ đăng các bài “nằm” (truyện dài, điều tra, nghiên cứu...) đều tạm ngưng để lấy chỗ cho các anh em văn nghệ trong và ngoài tòa soạn viết “lời tiễn biệt” nhà thơ lớn vừa nằm xuống.

Người lo lắng nhiều nhất cho đám táng anh Đinh Hùng bên ngoài là Vũ Đức Vinh , người bạn cũ “chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ”, cựu thành viên Tao Đàn, bây giờ đang là tổng giám đốc hệ thống phát thanh quốc gia; nhờ Vũ Đức Vinh, anh Đinh Hùng được an táng tại nghĩa trang “quí phái” Mạc Đĩnh Chi.

Bên trong, người sát cánh với chị Đinh Hùng lo liệu mọi chuyện là thư ký ban Tao đàn, nhà thơ Thái Thủy. Đám táng rất đông người đi đưa, các nhà văn, nhà báo, các nghệ sĩ trình diễn, các thân hào, nhân sĩ. Lễ di quan bắt đầu từ bệnh viện Bình Dân, đường Phan Thanh Giản. Đầu đám táng đã đi đến khu ngang chùa Xá Lợi, đuôi đám táng vẫn chưa rời khỏi nhà thương. Đến nghĩa trang đã vào khoảng gần trưa. Quan tài anh được đưa xuống, đặt trên đòn ngang trên miệng huyệt, chờ đợi những nghi lễ sau cùng. Một người áo dài thâm, tóc xõa xuống, mặt tái nhợt ra đứng trước quan tài, kêu lên một tiếng khản đặc: "Đinh Hùng, Đinh Hùng". Tiếng kêu vừa linh thiêng, vừa xúc động như từ một cõi âm nào vọng đến. Người ấy là nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Anh Chương vừa réo gọi một người bạn thơ vừa từ biệt cõi đời, vừa kêu tên một người em vừa tạ thế. Chị Oanh, bà Vũ Hoàng Chương là chị ruột anh Đinh Hùng. Tôi không còn nhớ được anh Chương, sau đó Huy Quang Vũ Đức Vinh, rồi nhà thơ Phổ Đức (người tiếp tục Tao Đàn) đã nói những gì. Thần trí tôi hoàn toàn bị ám ảnh bởi tiếng kêu vừa linh hiển, vừa bi thiết của nhà thơ lớn Vũ Hoàng Chương. Sau phần nghi lễ, bắt đầu hạ huyệt. Đòn ngang được kéo ra, quan tài theo thang giầy, từ từ hạ xuống. Giầy đã kéo lên. Chị Đinh Hùng, các cháu Đinh Hoài Ngọc, Đinh thị Hương, cháu nhỏ Đinh Hoàng Kim tiến lên, ném những hòn đất tiễn biệt. Bạn bè, thân hữu cũng làm theo. Tôi vội ném xuống tờ báo "Tuởng niệm Đinh Hùng". Tờ báo chẳng bao lâu, khuất lấp dưới những nắm đất mỗi lúc thêm dày đặc. "Thu ơi, đánh thức hồn ma dậy" bây giờ không ai đánh thức anh được nữa. Anh đã nằm yên dưới đáy mộ sâu.

## Nhớ Phạm Đình Chương

Nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương ra đời tại Hà Nội vào năm 1929, trong một gia đình nghệ sĩ, học Trường Bưởi, tản cư vào Thanh Hóa sau Toàn Quốc Kháng Chiến chống Pháp 1945. Sáng tác nhạc trước tuổi 20, ông là tác giả những ca khúc dân tộc như Tiếng Dân Chài, Ly Rượu Mừng, Hội Trưng Dương, hay những sầu khúc nhạc phổ thơ như Nửa Hồn Thương Đau, Mất Biếc, Mộng Dưới Hoa, Người Đi Qua Đời Tôi ...

Tới Hoa Kỳ được ít năm, Phạm Đình Chương từ trần tại Quận Cam, California vào ngày 13 tháng 7 năm Tân Mùi, nhằm ngày 22 tháng 8 năm 1991. Bài dưới đây của nhà bình bút Phan Lạc Phúc, hay Ký giả Lô Răng, một bạn học của nhạc sĩ từ Trường Bưởi, được viết ngay sau khi có tin buồn.

Chuông điện thoại réo lên trong đêm khuya. Một cú phone từ bên kia Thái Bình Dương, từ Mỹ báo tin: "Phạm Đình Chương đã mất rồi, Hoài Bắc không còn nữa". Tôi đặt phone xuống mà thấy đêm khuya thêm vắng lặng mênh mông. Ở cái tuổi mình, trên 60, cái ranh giới tử sinh thật là mờ ảo, ở đây rồi đi đấy, còn đấy mà mất đấy. Thành ra ít lâu nay, tôi cứ phải làm một con tính trừ thê thảm. Mấy năm trước mất Thanh Nam, rồi Vũ Khắc Khoan, bây giờ Phạm Đình Chương - Hoài Bắc. Già thì càng cần có bạn, mà bạn già thì càng ngày càng thưa thớt. Tôi đi cải tạo 10 năm, rồi sống nín thở trên 6 năm, vừa mới lặn ngoi ngoi nước sang được đến đây thì bạn đã đi vào tịch mịch. Bạn ta Phạm Đình Chương đã đi thật rồi, một người viết ca khúc tâm hồn của Việt Nam đã mất, ngôi sao bản mệnh của Ban Hợp Ca Thăng Long đã tắt.

Tôi chơi với Phạm Đình Chương đã lâu, vào khoảng năm 1942 - 1943, hồi tụi tôi vừa mới lớn lên. "*Khi mới lớn tuổi mười lăm, mười bảy. Làm học trò mắt sáng với môi tươi*"(1). Tôi biết Chương trong ngày hội học sinh Trường Bưởi, trong những buổi cắm trại ở chùa Trầm, chùa Thầy, Tây Phương Hoàng Xá (2).

Ngày ấy, chúng tôi say mê hát "*Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm*" (3), "*Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi*" (4) và Chương đã là một tay đàn giọng hát khá nổi của học sinh Hà Nội. Nhưng mà Chương có hai người anh nổi tiếng: anh Phạm Đình Sĩ, một cây "kịch" và anh Phạm Đình Viêm, một cây "tenor". Chương còn có một người chị trừu danh, chị Thái Hằng, hoa

hậu "bất thành văn" của suốt một miền Bạch Mai - Phố Huế. Còn người em út của Chương, Thái Thanh thì lúc ấy Thái Thanh còn nhỏ, đang còn học tiểu học, còn là một nụ hoa. Phải đợi đến thập niên '50, bông hoa Thái Thanh mới bắt đầu rực rỡ và tiếng hát Thái Thanh mới được lên ngôi. Hà Nội ngày ấy tuy được mệnh danh là Hà Thành hoa lệ hay là Hà Nội của ba mươi sáu phố phường nhưng thực chất nó là tỉnh nhỏ - người ta biết nhau cả, trực tiếp hay gián tiếp. Và tỉnh nhỏ nó còn có tục lệ riêng của nó. Thế hệ tiền bối ở Hà Nội có tiêu chuẩn "*phi cao đẳng bất thành phu phụ*". Thời tụi tôi thì cái standard về một đấng trượng phu nó nôm na và thực tiễn hơn: "*Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu*". Phạm Đình Chương xét ra hội đủ những điều kiện ấy: Học trò Trường Bưởi, người cao ráo sạch sẽ lại là cậu út trong một gia đình nổi tiếng. Lại còn đàn ngọt, hát hay, còn là ca trưởng của học sinh trong những dịp hội hè, cắm trại. Trong con mắt tôi, một anh học trò nhà quê ra tỉnh học, từ thời áo dài mũ trắng thì Phạm Đình Chương tư cách quá.

Thời ấy, Nhật đã vào Đông Dương. Thế Chiến thứ hai đang hồi quyết liệt, bom Mỹ dội xuống đùng đùng. Các thành phố phải "*phòng thủ thụ động*", các trường học phải đi xa hoặc dời về miền quê. Đang học mà có còi báo động là nghỉ; học trò kéo nhau ra các khu cây cối um tùm, hoặc bờ đầm, bờ sông tạm lánh. Đây là dịp tốt cho một số công tử Hà Nội, trong đó có Chương, về thăm quê cho biết sự tình. Về quê thì tiện cho tôi quá, tôi có nhiều trò: lội sông, câu cá, bắn chim. Hoặc là sẵn xe đạp, tụi tôi rủ nhau đi cắm trại ở những thắng cảnh gần Hà Nội như chùa Thầy, chùa Tây Phương, động Hoàng Xá. Những thắng cảnh này đều nằm trong vùng quê tôi (phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây) nên tôi thuộc nằm lòng. Đến chùa Tây Phương thăm ông Phật nhịn ăn mà mặc, ông nhịn mặc mà ăn, ông Phật tai dài đến gối. Đến động Hoàng Xá tôi biết nữ đá nào kêu thanh, nữ đá nào kêu đục, bắn một phát súng cao su lên vòm đá là dơi bay tán loạn một vùng. Đến chùa Thầy (Sài Sơn) thăm chùa Cả dưới chân, chợ Trờì trên đỉnh núi rồi thăm hang Cốc Cờ nơi có dấu chân ông Từ Đạo Hạnh còn in. "*Hội chùa Thầy vui thay Cốc Cờ, Trai không vợ nhớ hội chùa Thầy - Gái không chồng nhớ ngày mà đi*". Chương ơi, Chương còn nhớ ngày hội về quê mình không? Còn nhớ con đê Hạ Hiệp không? Mới đó mà đã 50 năm rồi, đã nửa thế kỷ qua rồi. Chương có nhớ cũng không thể nào về thăm được nữa. Bọn ta đã thành người thiên cổ mất rồi.

Phạm Đình Chương rất yêu miền Quốc Oai - Sơn Tây vì không những nó là một miền thắng tích mà nơi đó còn là quê ngoại của Chương. Bà thân của Chương ở Hạ Hiệp, cách làng tôi chừng hai vạt cánh đồng. Chương tự nhận mình là người Sơn Tây và trong những năm đó Chương về thăm quê ngoại rất thường. Anh công tử Hà Nội và anh học trò nhà quê càng có dịp gần gũi nhau hơn. Khi mùa Xuân đã cận ngày, hội hè đã vắng, những cây gạo miền Bương Cấn đã tung bùng nở đỏ thì cũng là lúc chim tu hú lãnh lót gọi hè về trong rặng vải bên sông. "*Sông Đáy chạm nguồn qua Phủ Quốc*" (5), con sông này ngoài mùa ngâu nước lũ, còn quanh năm nước chảy lặng lẽ. Học trò tụi tôi lại đạp xe qua sông về rặng vải, vừa tránh bom rơi đạn lạc ở thành phố, vừa cắm trại vừa ôn thi.

Nhưng đến năm 1945, thanh niên như Chương và tôi không còn đầu óc nào mà học hành thi cử nữa. Bao nhiêu vấn đề trọng đại vừa ập đến trong đời: hàng vạn, hàng triệu người chết đói. Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3. Chính phủ Việt Nam đầu tiên ra đời. Thế chiến II kết liễu Đức - Ý - Nhật đầu hàng. Quân Tàu Tưởng kéo sang Chiến Khu Việt Minh. Đổi đời. Cách Mạng Tháng 8 Quân đội Pháp trở về, thanh niên đua nhau đi dạy bình dân học vụ, đi khát thực, đi biểu tình. Chúng tôi say mê hát "*Lên Đường*", lao đầu vào một cuộc chơi mới không kém phần lãng mạn: đòi độc lập cho đất nước. Chúng tôi là Tự vệ Thành Hà Nội. Chúng tôi là Trung đoàn thủ đô. Như lớp lớp thanh niên cùng lứa, Phạm Đình Chương và tôi khoác ba lô lên đường kháng chiến.

*Tây tiến đoàn binh không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*  
(Quang Dũng)

Những năm đầu kháng chiến (1948, 1949, 1950) có những thị trấn mọc lên vội vã. Khu 10 Việt Bắc có thị trấn Cây Đa Nước Chảy; liên khu 3 có Đồng Quan, Cống Thần, Chợ Đại; vào khu 4 Thanh Hóa có chợ Rừng Thông. Đây là nơi dân tản cư tứ xứ kéo về sinh hoạt, đổi trao, mua bán tạo thành những Hà Nội nhỏ. Mấy anh lính cậu ngày nào bây giờ sốt rét, xanh rớt như tàu lá, mắt trợn trừng, tóc rụng nhưng đêm đêm vẫn cứ mơ về Hà Nội. Và được dịp là phải về thăm các thị trấn mới này cho đỡ nhớ ...

Đầu mùa đông năm 1948, tôi khoác ba lô, đồ bộ lên Chợ Đại tìm ít thuốc nivaquine chống sốt rét. Trời mưa nhớp nháp, những căn nhà tranh lụp sụp kéo dài. Chợ ở đầu đường, hiện ra một quán nước thanh bai, lịch sự mang một cái tên khá là kiêu cách "*Quán Thăng Long*". Ở trên vách quán, có treo song song mấy cây đàn nguyệt và một cây thập lục. Ở dưới, bên khay trà tỏa khói có hai vị trưởng thượng đang ngồi đối ẩm. Hai vị này tôi biết: ông thân của Phạm Đình Chương và cụ N. T. Đức, một danh cầm của toàn miền Bắc. Loạn ly, binh lửa mà hai vị tri âm, tri kỷ vẫn nhàn nhã phong lưu. Chiến tranh ở chỗ nào khác chứ ở đây Thăng Long Đông Đô, Hà Nội là vẫn cứ phải đường hoàng, cốt cách. Cốt cách như chị Thái Hằng đang ngồi trước quầy hàng, đi tản cư mà vẫn mang nguyên chiếc kiềng chạm bạc của một thời khuê các, như Thái Thanh cô em nhỏ mới bắt đầu thiếu nữ đang nghiêm chỉnh ngồi đàn.

Người vui nhất khi tôi được gặp là bà thân của Chương. Bà hỏi thăm "quê mình bây giờ Tây nó đánh đến đâu rồi". Bà cho biết anh Phạm Đình Sĩ có lẽ kẹt, chưa có tin tức gì. Anh Phạm Đình Viêm (Hoài Trung) còn đang đi ban kịch Giải Phóng, chuyên hát bài "*con vỏi con vỏi*" và "*con mèo treo cây cau*" nhạc hài hước của Nguyễn Xuân Khoát. Còn Phạm Đình Chương thì công tác ở liên khu 3, chuyên về sáng tác ca khúc. Bà khoe là Chương vừa mới được giải thưởng về bài hát "*gi mà có con cò bay lả bay la*".

À ra thế bạn ta anh công tử Hà Nội đang đưa ca dao vào nhạc mới. Chương, Chương, có phải cánh cò ấy là cánh cò bay qua rặng vải triền sông Đáy? Còn cánh đồng nào rào rạt lúa thơm mềm (6) có phải là cánh đồng Bương Cẩn khi chúng ta "*Lên núi Sài Sơn ngắm lúa vàng*" (7).



Tôi nhớ mãi lời bà thân của Chương khi đưa cho tôi gói thuốc đựng chừng 10 viên nivaquine: "*Giữ lấy mà dùng. Dạng các cậu không được phát thuốc này đâu*". Đúng như thế, dạng "tạch, tạch, sè" (tiểu tư sản) như Chương và tôi thì dù sốt rét vàng người, rụng tóc cũng chỉ được phát thuốc ký ninh pha loãng là cùng. Nivaquine thuốc mới, công hiệu, đắt tiền chỉ đủ dùng cho "tổ chức" mà thôi. Thực tế nó là như vậy nên ngoài một số anh em đã "*áo bào thay chiếu ...*" (8) còn đa số dân tạch tạch sè là kẻ trước người sau "dinh tề" về Hà Nội. Những va chạm với thực tế làm cho giấc mơ tuổi trẻ lụi tàn, cuộc chơi lãng mạn đầu đời đã trở thành một nỗi đam mê vô ích. Tôi về cuối năm 49 còn Chương và gia đình hồi cư năm 51.

Gia đình Chương kỳ này có thêm một nhân vật lừng danh: Phạm Duy. Năm 1949, chiến tranh lan đến vùng chợ Đại và quán Thăng Long phải dời vào khu 4, vùng trấn nhậm của viên tướng Mạnh Thường Quân Nguyễn Sơn. Ở đây Thái Hằng đã trở thành bà Phạm Duy, Thái Thanh vừa lớn để bước chân vào làng ca nhạc. Cả gia đình Chương phục vụ trong phòng văn nghệ của một đại đoàn. Quán Thăng Long không còn nữa nhưng tiền thân của ban Hợp Ca Thăng Long đã được định hình. Tôi cũng không còn nhớ rõ gia đình Phạm Đình Chương về trước hay sau cái chết của viên tướng đầy huyền thoại Nguyễn Sơn. Chỉ biết là ban Thăng Long vào thành nhưng không ở lại Hà Nội mà vô thẳng miền Nam lập nghiệp.

Năm 1952 tôi cũng vào Nam, học nghề lính tại trường Thủ Đức. Những ngày cuối tuần ra Sài Gòn chơi, thấy đầu đường góc phố chỗ nào cũng có biểu ngữ, bích chương, quảng cáo ban Hợp ca Thăng Long. Báo hàng tuần, hằng ngày đều đăng hình ảnh, lịch trình diễn của Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc, Phạm Duy. Ban Hợp Ca Thăng Long đang rực sáng, những thành viên của nó đang được mến yêu. Người Sài Gòn vốn bộc trực "*yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét*" mà đã yêu thì yêu hết mình; chương trình của Ban Thăng Long trên đài phát thanh rất được lắng nghe - trình diễn của Ban Thăng Long lại càng ăn khách. Người ta mua "giấy" báo xem thật đông, vỗ tay thật nhiều nhưng còn chưa "đã". Buổi trình diễn xong rồi, người ái mộ còn ở lại để tìm cách đến thật gần, nhìn thật kỹ hay nếu có thể bắt cái tay, đụng cái chân vào nghệ sĩ, tài tử thần tượng của mình. Người miền Nam ái mộ ồn ào như thế, dễ thương như thế.

Trước sự tán thưởng nồng nhiệt ấy tôi có lúc đã tự hỏi: "*Vi sao mà trong một thời gian chưa đầy hai năm, Ban Hợp Ca Thăng Long lại lấy lòng đến vậy?*" Tôi vốn dốt về nhạc lý, thẩm âm cũng tầm thường thôi nên không dám đưa ra ý kiến có tính cách kỹ thuật nào. Bằng vào cái cảm quan dân dã của mình tôi nhận thấy thực chất của Ban Hợp Ca Thăng Long nằm trong một chữ vui. Vui rộn ràng khi nghe tiếng hát chen tiếng ngựa hí (*Ngựa Phi Đường Xa*), vui lâng lâng khi nhìn cánh cò bay lả bay la trên đồng lúa chín vàng (*Được Mùa*), vui đầm ấm khi nghe tiếng hò dô vang trên sóng nước (*Tiếng Dân Chài*), vui thắm thía ghen ngào khi người mẹ già cầm ly rượu uống mừng người con cả vừa mới trở về (*Ly Rượu Mừng*). Cái vui của nhiều cung bậc, cái vui đã được cách điệu, nên nó dễ dàng thấm đượm lòng người.

Đồng bào miền Nam xưa nay thừa thãi điệu buồn nên trong cái vô thức tập thể nó thiếu một niềm vui khỏe mạnh. Ban Hợp Ca Thăng Long phần nào đã đáp ứng được niềm khao khát đó. Ấy là chưa kể đến một yếu tố đầy cảm tính rất phù hợp với miền Nam: tất cả thành viên ban hợp ca đều là anh em trong một nhà. Một gia đình tài hoa quá. Một sự kết hợp đẹp đẽ quá. Nhất là sau đó ít lâu, ban hợp ca Thăng Long lại có thêm một thành viên mới: Khánh Ngọc, một bông hoa hương sắc của miền Nam, Hoài Bắc - Khánh Ngọc một lứa đôi nghệ thuật. Ban Hợp Ca Thăng Long càng thêm sung sức.

Nhưng phải đợi đến đầu năm 1954, Ban Hợp Ca Thăng Long mới lên đỉnh cao thành tựu của mình. Năm ấy ban Hợp ca cùng với "quái kiệt" Trần Văn Trạch, thành lập ban Gió Nam ra công diễn ở Hà Nội. Lúc ấy tôi đang là thương binh nằm nhà thương Võ Tánh. Nghe báo chí Hà Nội tán thưởng Nam Phong chi huân hê - Ngọn gió Nam mát lành thay. Nghe dân chúng Hà Nội xôn xao hâm mộ quá, tôi sốt ruột phải trốn nhà thương một buổi ra xem Gió Nam trình diễn. Nhưng mà ra chậm hết vé mất rồi. Nhà Hát Lớn Hà Nội không còn chỗ. Tôi lững thững đứng ngoài nghe tiếng vỗ tay dồn dập từng hồi như sấm mà ruột nóng như lửa đốt. May quá gặp Ngọc Chả Cá một cây công tử Càn Long Hà Nội tôi mới được vào (*bây giờ bạn ở đâu hở Ngọc?*).

Người Hà Nội xưa nay khụng khiêng ít khi nào nồng nhiệt thế đâu. Nhưng mà lần này, người Hà Nội bị ban Hợp ca Thăng Long chinh phục hoàn toàn. Trước đó tân nhạc ở Hà Nội chỉ là một bà con nghèo trước cái lương, tuồng kịch ... chỉ đảm nhiệm được vai trò phụ diễn trước khi mở màn hoặc giữa hai lớp kịch mà thôi. Bây giờ Ban Hợp ca Thăng Long với một chuỗi ngôi sao nhạc mới đã chiếm lĩnh sân khấu suốt hai tiếng đồng hồ liên tục. Khán giả Hà Nội được thưởng thức một chương trình nhạc mới tân kỳ sinh động tràn đầy dân tộc tính. Đây là một bước trưởng thành của tân nhạc và trở nên khuôn mẫu cho những đại nhạc hội sau này. Buổi trình diễn vừa kết thúc, toàn ban Gió Nam ra chào khán giả. Đền rực sáng. Những bó hoa trao cho những nghệ sĩ tài năng. Hoài Bắc Phạm Đình Chương giờ cao bó hoa vẫy vẫy, nụ

cười rộng mở. Chương không thể nào biết rằng trong số khán giả vô danh ấy, có một người bạn cũ của Chương đang vỗ tay kịch liệt.

Thập niên 50 là thời kỳ rực rỡ nhất của ban Hợp ca Thăng Long. Thời gian này cũng là lúc Phạm Đình Chương sáng tác đều đặn nhất. Những bài ca chủ lực của ban Hợp ca Thăng Long như *Tiếng Dân Chài*, *Hội Trùng Dương*, *Ly Rượu Mừng* ... đều xuất hiện trong giai đoạn này. Không biết tôi có chủ quan không khi nghĩ rằng Phạm Đình Chương trong giai đoạn này vẫn mang dáng vẻ một anh học trò mới lớn, tâm hồn trong sáng như gương, con người, thiên nhiên đều là bè bạn. Ngựa phi đường xa thế nào cũng tới, leo núi mệt nhọc rồi cũng đến nơi, đồng ruộng thì đầy lúa thơm mềm, con sông thì đầy trắng và đầy cá. Thế vẫn còn chưa hết, Chương còn rót một ly rượu mừng, mừng khắp nhân gian. Hãy lắng nghe đi, có một nụ cười đầu đó, khi nhẹ nhàng phảng phất, khi trào lên như tiếng reo vui. Cũng có lúc Phạm Đình Chương nhắc đến điệu buồn; giọt lệ rưng rưng chờ mong bóng con của người mẹ già hay nỗi khổ của đồng bào miền đất cày lên sỏi đá:

*Quê hương tôi nghèo lắm ai ơi  
Mùa đông thiếu áo (9) ...*

Nhưng liều lượng của điệu buồn trong nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ này rất ít so với niềm vui ào ạt, chỉ như một đối điểm (contrepunt), chỉ như màu đen làm nổi lên sắc trắng mà thôi. Mà điệu buồn cũng được nhắc đến bằng tấm lòng nhân ái, tâm hồn Chương là vậy, mở ra, hướng ngoại, trong sáng vui tươi. Chương không phải là người hướng nội, đi tìm thú đau thương trong những kiểm tra, tự vấn nơi mình. Đó là thực chất nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ đầu cũng là đặc điểm của Ban Hợp ca Thăng Long ...

Giai đoạn sáng tác thứ hai của Phạm Đình Chương bắt đầu từ một kỷ niệm buồn: Ngày Khánh Ngọc rời xa vào khoảng cuối thập niên '50. Sau đó Phạm Duy, Thái Hằng cũng tìm về hướng khác. Ngôi biệt thự ấm cúng đường Bà Huyện Thanh Quan không người ở. Hoài Bắc, Thái Thanh và gia đình dọn về một căn nhà nhỏ đường Võ Tánh (Frères Louis cũ). Chính tại ngôi nhà này tôi thường đến bầu bạn với Phạm Đình Chương cùng với Thanh Nam, Mai Thảo. Tụi tôi đến "hầu bài" bà thân của Chương để được ăn những bữa cơm nhớ mãi: canh cua rau đay, cà pháo, đậu rán ...

Lúc này, hình như Chương muốn ra khỏi vùng hào quang chói của một ca sĩ thời danh để được sống bình thường nếu không muốn nói là ẩn dật. Đang ăn diện kiểu cách, Chương ăn vận xuề xòa, đi dép không quai lệt xệt, chiếc xe hơi dài thông Studebaker đã được bán đi. Nụ cười kiểu jeune premier đã tắt và đặc biệt Chương để một hàm râu mép chàm rậm, rậm rịt. Lúc này, tụi tôi có một tên mới để gọi Chương: Râu Kẽm. Râu Kẽm đang phóng túng hình hài, ít ăn ít nói hẳn đi, mà có nói cũng thường hừ một tiếng giọng mũi. Một nhát chém hư vô đã làm thay đổi Phạm Đình Chương.

Ban Hợp ca Thăng Long, với sự phân liệt như thế tưởng đã rã đám. Nhưng đầu những năm '60, ban Thăng Long gượng dậy với Hoài Trung - Hoài Bắc - Thái Thanh. Ban Thăng Long sống lại kỳ này, tuy vẫn được tán thưởng nhưng đó chỉ là cái bóng của chính mình. Phạm Duy đã mang nguồn âm sắc lung linh và trầm lắng của dân tộc đi xa, còn tiếng reo vui chan hòa và nhân ái của Phạm Đình Chương cũng không còn xuất hiện. Trong thời kỳ này ban Hợp ca Thăng Long có trình làng một tác phẩm rất được hoan nghênh: Bài *Ô Mê Ly*. Nhưng bài hát vui tươi này không phải của Chương mà của một tài danh khác: Văn Phụng.

Thời kỳ hướng ngoại, tâm hồn sáng tác rõ như gương, tha nhân và ngoại giới đều là bè bạn của Chương đã khép lại rồi. Tiếng cười đã tắt. Thời kỳ này là của đau thương và tiếng khóc. Nhưng khóc than rên rỉ không phải là nghề của chàng. Như đã nói, Chương không phải là người hướng nội, gặm nhấm đau thương làm thứ giải sầu. Nỗi đau thì có sẵn và Chương muốn

giữ một mình nhưng lời oán hận thì không. Cho nên những khúc bi ca sau này như *Nửa Hồn Thương Đau*, *Người Đi Qua Đời Tôi*, *Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội*, Chương đều mượn lời của Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Hoàng Anh Tuấn ... Chương làm công việc phổ thơ, qua lời của người để phần nào nói lên tâm sự của mình. Những ca khúc này có vị trí riêng của nó, rất được yêu thích qua giọng hát Thái Thanh, nhưng đối với Chương nó vẫn như một sự "chẳng đáng dừng". Về bề ngoài, hai giai đoạn sáng tác của Chương có vẻ đối nghịch nhau nhưng nhìn chung nó vẫn thống nhất trong tâm hồn nhân ái của tác giả.

Nói cho ngay từ thập niên '60 trở đi, việc ca hát đối với Chương cũng là một sự "chẳng đáng dừng". Thì cũng phải có công ăn việc làm như người ta, ngay cả việc trông coi phòng trà ca nhạc "*Đêm Màu Hồng*" Chương cũng làm chơi chơi, cho có. Nhưng chính cái vẻ chơi chơi, phóng khoáng ấy nó lại hợp với khung cảnh *Đêm Màu Hồng*. Đây là một phòng trà gọi nhớ. Nhớ về những bài hát xa xưa, về một thuở mộng mơ đã tắt, về một khung cảnh Việt Nam đã xa, về một ban Hợp ca Thăng Long đã tàn. Phạm Đình Chương đi từ bàn này sang bàn khác cụng ly cùng người mộ điệu hoặc lên sân khấu giới thiệu một bài hát vừa được yêu cầu. Cái giọng có mang hơi rượu cùng với nụ cười nhếch mép đã tạo nên không khí *Đêm Màu Hồng* vì phần lớn khách đến đây đều là thân hữu.

Chúng tôi, những buổi phùng trường tác hí là vào khoảng 9, 10 giờ đêm lại tà tà kéo đến *Đêm Màu Hồng*. Bạn bè có chỗ ngồi riêng, giá biểu riêng. Khẩu vị như thế nào thì chủ quán biết rồi. Vũ Khắc Khoan thì phải Con Thuyền Không Bến, lúc nào cao hứng lại còn phi lên sân khấu mà ngâm "*Hồ Trường, Hồ trường ta biết rót về đâu*". Thanh Tâm Tuyền thì phải *Mộng Dưới Hoa*. Thanh Nam thì *Cô Láng Giềng*. Hôm nào có mặt tôi, Thái Thanh lại hỏi: Biệt Ly hay Buồn Tàn Thu đây ông? Có bữa Râu Kẽm cảm khái quá liền ôm đàn guitare mà hát một mình (ít khi lắm). Hát tiếng Tây "*Un jour si tu m'abandonnes*" (Ngày nào, nếu em bỏ ta). Có khi vui anh vui em, Chương bỏ luôn phòng trà cùng Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo kéo lên "*Quang Minh Đĩnh*".

Trong những năm "*Đêm Màu Hồng*" tôi thường cố giữ một nền nếp. Cứ đêm 30 Tết gần Giao Thừa là tôi kiếm một bó hoa thường là hoa hồng đến *Đêm Màu Hồng* tặng Thái Thanh. Cô em nhỏ ngày nào đi kháng chiến bây giờ trở thành tiếng hát vượt thời gian. Có lần tôi nhận được cặp bánh chưng của bà thân Chương và Thái Thanh gửi cho. Tôi cầm cặp bánh mà tưởng như vừa nhận món quà Tết từ quê hương phủ Quốc gửi vào.

Những lúc ấy, năm mới sắp sang, năm cũ sắp hết mà tôi vẫn thấy Hoài Bắc, Mai Thảo ngồi từ từ uống rượu, uống cho say, uống cho quên uống không không mệt mỏi. Tôi chợt nhớ một câu của Mai Thảo "*Chúng tôi thân với nhau trong một tình thân thiết rất buồn rầu*".

Buổi cuối cùng tôi gặp Phạm Đình Chương đâu vào khoảng tháng 5 năm 1975 khi "đứt phim" được chừng hơn 1 tháng. Gặp nhau tại nhà Thanh Tâm Tuyền bên Gia Định có cả Mai Thảo nữa. Mai Thảo mang thêm một chai rượu vang còn sót lại. Các bạn có ý tiễn đưa tôi và Thanh Tâm Tuyền sắp sửa đi cải tạo. Bữa rượu im ắng thê lương.

Rồi Chương và tôi đạp xe ra về trước. Đạp toát mồ hôi đến quảng Trần Quốc Toản thì mỗi đứa mỗi đường. Chương ngừng lại và tôi cũng ngừng theo. Chương nắm lấy tay tôi về bụi ngủi mà nói: "đi nhé". Tụi tôi xưa nay ít có cái trò nắm tay, nắm chân như vậy, nhìn nhau một cái là đủ rồi. Chừng như Chương thương cảm cho số phận tôi trước việc đi cải tạo, một chuyến đi không biết bao giờ về. Nhưng bây giờ, 16 năm sau, tôi đã đi cải tạo về rồi, Chương lại làm một chuyến đi không bao giờ trở lại. Đi nhé! Ngàn năm vĩnh biệt Phạm Đình Chương.

(Khởi Hành số 23, tháng 9, 1998)

- 1) Thơ Đinh Hùng
- 2) Những thắng cảnh miền Quốc Oai, Sơn Tây
- 3) Nhạc Hoàng Quý

- 4) Nhạc Lưu Hữu Phước
- 5) Thơ Quang Dũng
- 6) Đuợc Mùa, nhạc Phạm Đình Chương
- 7) Thơ Quang Dũng
- 8) Áo bào thay chiếu anh về đất - Thơ Quang Dũng
- 9) Hội Trùng Dương, nhạc Phạm Đình Chương

\*\*\*

### Phụ đính II:



### Nhà văn Phan Lạc Phúc qua đời

SYDNEY, Úc (NV) - Nhà văn Phan Lạc Phúc, tức ký giả Lô Răng, phụ trách mục Tạp Ghi của nhật báo Tiền Tuyến vừa qua đời lúc 1 giờ 32 phút chiều thứ năm, 28-4-2016, tại Sydney, Úc, ông Phan Lạc Tiếp, em trai của người quá cố, xác nhận với nhật báo Người Việt.

\*\*\*

"Gia đình tôi có năm anh em, chỉ có anh Phúc và tôi vào Nam, dựa nhau mà sống", ông Tiếp, hiện sống ở San Diego, California, nói về người anh ruột: "Cho tới sau này, tôi có được học hành một chút tất cả là nhờ dựa vào anh, cả vật chất lẫn tinh thần."

Ông chia sẻ thêm: "Năm 1975, là một sĩ quan Hải Quân, tôi mang được cả gia đình thoát khỏi Việt Nam, trên dương vận hạn 502, chở được 5,000 người, nhưng trong đó không có ông anh tôi, thành ra, có một thời gian tôi khổ khổ vô cùng. Nhưng rồi sau này, khi hai anh em gặp lại, dù mọi chuyện xảy ra thế nào, anh vẫn là chỗ dựa của tôi."

Ông Phúc sinh năm 1928, tốt nghiệp Khóa 2 Thủ Đức. Ra trường, ông phục vụ tại Tiểu Đoàn 6 Việt Nam. Năm 1955, ông mang cấp bậc trung úy, giữ chức vụ tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 14 Việt Nam, tiếp thu Bình Định.

Năm 1957, ông được gửi đi học khóa Sĩ Quan Thông Tin Báo Chí (Press Information Officer) tại Ft. Slocum, New York, Mỹ. Về nước, ông được cử giữ chức vụ phụ tá trưởng phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu (trưởng phòng lúc bấy giờ là Thiếu Tá Nguyễn Văn Châu, về sau là giám đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý) và sau giữ các chức vụ khác như trưởng phòng Tâm Lý Chiến, Bộ Tư Lệnh Hải Quân; sĩ quan thuộc Bộ Tư Lệnh Hành Quân của Thiếu Tướng Dương Văn Minh. Sau biến cố 1 Tháng Mười Một, 1963, trường Chiến Tranh Chính Trị được thành lập với sự cố



vấn của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, ông Phan Lạc Phúc về làm trưởng khối huấn luyện của trường, và phục vụ văn phòng của Tướng Trung Hoa Dân Quốc Vương Thăng, cố vấn của Bộ Tổng Tham Mưu VNCH về “Lục Đại Chiến.”

Năm 1965, ông Phan Lạc Phúc trở thành ký giả Lô Răng khi về giữ chức vụ chủ bút của tờ nhật báo Tiền Tuyến.

Năm 1973, ông từ giã nghề ký giả đi học khóa Chỉ Huy Tham Mưu tại Long Bình rồi sau đó về giữ chức vụ tham mưu phó Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn III tại Biên Hòa, nhưng chỉ được một năm, đầu năm 1974, lại vương nghiệp báo, ông về trường Cao Đẳng Quốc Phòng để phụ trách tập san nghiên cứu của trường.

Sau biến cố 30 Tháng Tư, 1975, Trung Tá Phan Lạc Phúc bị tù cải tạo qua các trại tập trung Long Giao, Suối Máu ở miền Nam, rồi các trại ở Sơn La, Phù Yên, Thanh Phong, Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh), Hà Nam Ninh tại miền Bắc, và sau cùng là trại Z 30 D ở Xuân Lộc ở miền Nam.

Ra tù năm 1985, vợ chồng ông được con gái bảo lãnh theo diện đoàn tụ gia đình sang Sydney năm 1991.

Tại đây, nhà văn Phan Lạc Phúc có cái duyên gặp lại nhà văn Nhất Giang, một nhân viên tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến năm xưa, chủ trương hai tờ báo tiếng Việt lớn nhất nước Úc lúc bấy giờ là nhật báo Chiêu Dương và tuần báo Văn Nghệ.

Thế là ông Phúc có cơ hội cầm bút lại, và cũng với thể loại tạp ghi. Ngoài Chiêu Dương, tạp ghi của Phan Lạc Phúc còn xuất hiện trên hai tờ báo khác là Việt Luận, Dân Việt (đều ở Úc), Ngày Nay (Mỹ), Quê Mẹ (Pháp), và Thời Báo (Canada).

Những tác phẩm “tạp ghi” của ông đã được nhà xuất bản Văn Nghệ ở California xuất bản lần đầu tiên, sau đó được in lại tại Úc, trong mục đích gây quỹ giúp nạn lụt tại Việt Nam năm 2000 và giúp gây quỹ xây dựng nhà thờ quốc tổ cũng như trung tâm sinh hoạt cộng đồng của Người Việt Tự Do tại New South Wales, Úc.

Những tác phẩm của nhà văn Phan Lạc Phúc là Bạn Bè Gần Xa (2000,) Tuyển Tập Tạp Ghi (2002).

Ngoài tên thật Phan Lạc Phúc và bút hiệu ký giả Lô Răng, ông còn dùng một số bút hiệu khác như Thiên Khải, Tường Huân, Huy Quân, Thiên Chương.

## Tháng tư hoa tím Lưu Na & Nguyễn Đình Toàn

Tin buồn : Nhà văn Phan lạc Phúc, tức Ký Giả Lô Răng, vừa qua đời hôm Thứ Năm, 28 Tháng Tư, tại Sydney, Úc, hưởng thọ 88 tuổi. TV&BH xin chia buồn cùng nhà văn Phan Lạc Tiếp và tang quyến. Và cùng với Lưu Na trong bài viết ngắn dưới đây, chúng tôi xin “ xin mượn cánh hoa be bé tiễn đưa một khuôn mặt của quê hương về với đất trong những ngày cuối tháng Tư hoa tím.” ( T.Vấn & Bạn Hữu)

Cũng nhân cảm xúc từ bài viết ngắn của Lưu Na, nhà thơ Nguyễn Đình Toàn đã “trò” lên từ cuộc “nghỉ hưu” của mình, ngồi trước máy ghi âm, thu giọng đọc đã một thời chinh phục thính giả của đài phát thanh Sài Gòn qua chương trình Nhạc Chủ Đề mỗi tối thứ Năm hơn 40 năm trước. Nay, tuy giọng đã già theo tuổi, cảm xúc có thể đã mòn theo với những kinh qua sau một cuộc dâu bể , nhưng vẫn còn đó một Nguyễn Đình Toàn như chúng ta đã biết.

Chỉ vì, cái cảm hoài của một người đi sau mình cả một thế hệ rười, không dưng lách dao vào vết thương cũ đã 41 năm, vào cái lẽ hữu hạn của trời đất mà người già nào cũng đang nhìn

trừng trừng như thể muốn đọc cho rõ ngày tháng cái hữu hạn của đời mình. Tất cả vì sự ra đi không thể tránh khỏi của một Phan Lạc Phúc đã đến kỳ hay chỉ vì một cành hoa tím be bé nở “hấp” bởi cái nóng tháng Tư ác nghiệt ?

Dù vì bất cứ lý do gì, xin mời nghe người già và đọc người trẻ để suy ngẫm về một thế hệ Việt Nam đang từ từ biến mất khỏi mặt đất trần gian này. (T.Vấn).

\*\*\*

Nhà thơ Nguyễn Đình Toàn

Năm nay hoa tím nở sớm. Những cánh hoa be bé tím ngát cả bầu trời mang vào lòng nỗi buồn mênh mang. Trời cuối tháng Tư chợt trở gió, hoa bay bay như vụn giọt nước mắt tím của người mình khóc một ngày dẫu bề tuy đã xa mà vết thương lòng không bao giờ khép. Nghe những bài tháng Tư lòng nát bươm như muôn cánh hoa tím nhoe nhoẹt dưới bước chân người. Cuộc chiến đã tàn, lịch sử đã sang trang, lớp trẻ lớn lên lòng trong như nước ruột rỗng như những cọng rau muống xanh tươi. Họ nhớ làm gì chuyện Quốc Cộng, biết làm gì lý lẽ phân tranh, bởi có ai đi ngược được dòng đời và có ai trả được mạng của người chết, xóa được nỗi khổ đau của kẻ còn ... Để cho những người đã có mặt trong chặng đời bề dẫu ấy mỗi người phải mang lấy riêng mình một nỗi tang thương. Đời càng dài nỗi tang thương càng ngấu càng đậm sâu, càng buồn hơn khi những chứng nhân còn sót lại của lịch sử rồi cũng lần lượt như bụi lắng yên bên bờ sông lịch sử. Ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc rồi cũng đã đến bờ.

Nhìn lại, phải ngạc nhiên về cuộc đời rất dài của Phan Lạc Phúc. Dài không vì tuổi thọ mà vì những chặng đường ông đã đi qua. Mười tám tuổi đi kháng chiến, sau 4 năm ra bưng chống Pháp trong hàng ngũ Việt Minh thấy ra “*cuộc chiến này không phải của mình,*” về thành lại bị động viên vào Quân Đội Quốc Gia, mà thực chất là “*đi lính Tây.*” Lưu lạc vào Nam thành lính Cộng Hòa, từ “chiến binh lợi ruộng” về tham mưu báo chí thành ký giả Lô Răng, từ sĩ quan cao cấp qua một ngày thành tù cải tạo “*được thăng chức làm ‘phân cục trưởng’ chuyên môn đi gánh c...*” Mười năm cải tạo 6 năm nín thở qua sông khốn khó cùng đất nước để sau cùng làm lưu dân trên đất Úc. Cuộc đời đó nếu kéo thêm đôi chuyến vượt biên ở đảo thì kể như trọn một bộ trường thiên Cuốn Theo Chiều Gió, vụn nghiệp chứng nhân của trăm năm nước Việt.

Trăm năm nước Việt, Phan Lạc Phúc mang theo mình những gì, gửi lại cho chúng ta những gì?

Chỉ với Tuyển Tập Tạp Ghi là có thể thấy gần hết cuộc đời PLP, thấy những chấm phá sắc sảo của xã hội miền Bắc những năm tháng thanh bình với bờ ruộng lũy tre chợ búa thôn làng và những lễ tục in đậm vào lòng trẻ thơ, của những nẻo đường kháng chiến với tuổi đôi mươi mộng mơ đầy lý tưởng, của hai mươi năm Việt Nam Cộng Hòa văn nghệ thể thao văn hóa chính trị, của thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa trí thức không bằng cục phân..., của đời lưu vong cả ngày chỉ biết chỉ nghĩ về một quê hương đã mất.

Những cảm xúc, tâm tình, của PLP qua mỗi chặng đời mỗi kỷ niệm dường khơi mở trong lòng mình bao nỗi buồn vui, giải cho mình những thắc mắc nghi ngại, vẽ cho mình những khung cảnh xã hội chưa biết đến bao giờ. Qua Tạp Ghi của Phan Lạc Phúc tôi tìm được những câu trả lời hết sức đơn giản về những chuyện phải đọc thiên kinh vạn quyển: lễ khai tâm thì có làm cho mình sáng dạ đâu?, chiến tranh Việt Nam sao bị gọi là chiến tranh ủy nhiệm? Có lẽ điều quý nhất chính ở chỗ Phan Lạc Phúc là Ký giả Lô Răng, không phải nhà văn Phan Lạc Phúc, để tôi có thể tin mà không cần phải đắn đo về cái kiến thức mà Nguyễn Xuân Nghĩa gọi là *uẩn súc*. Bên cạnh những nhận định đơn giản mạch lạc và chắc chắn về thế cuộc, PLP còn có những thâm nhận tinh tế về văn hóa, con người. Qua PLP, những bóng người đã một lần có mặt trong cuộc bề dẫu hiện ra như phố đêm Sài Gòn quanh co khuất nẻo, những uẩn khúc không ai biết đến nói lên can qua không chỉ trên đất nước mà còn trong nội tâm của tác giả, nơi hoàn cảnh mỗi gia đình, trong suy tư của người dân một đất nước.

Đọc Phan Lạc Phúc cứ thấy hình ảnh một con người văn hóa, không phải một quân nhân, một chính trị gia, một nhà giáo, hay một nghệ sĩ. Văn hóa nào làm nên con người ấy? Văn hóa Việt hay văn hóa loài người, văn hóa xã hội hay văn hóa trường lớp, văn hóa chuyên môn hay văn hóa tổng quát? Có lẽ là tất cả, nhào trộn thành một thứ mật tuôn chảy trong con người của ông, để đọc Tạp Ghi tôi thấy ra mình rỗng như cọng rau muống mà Phan Lạc Phúc là bể đời mệnh mông, là nước Việt mệnh mông. Định cư nơi đất Úc, Phan Lạc Phúc có lần nhìn hoa tím jacaranda mà nhớ cây xoan già nơi chốn cội nguồn. Giờ đây về với nguồn cội, biết trời Úc hoa có vì ai nở ngát phút này. Nơi đây xin mượn cánh hoa be bé tiễn đưa một khuôn mặt của quê hương về với đất trong những ngày cuối tháng Tư hoa tím.

Vĩnh biệt, Phan Lạc Phúc.

Lưu Na

## Chia tay Phan Lạc Phúc Nguyễn Xuân Thiệp

Ở thế kỷ này, chia tay nhau đâu còn có trường đình, đoản đình hay ải tây nơi quan ngoại, hoặc giả một “phù dung lâu”. Và cũng không cần một bến sông, sân ga, cầu tàu, phi trường, trạm xe Greyhound... hay một nơi nào đó gọi là funeral home. Chia tay nhau ngày hôm nay chỉ cần trên một trang web ảo, hay một trang báo giấy khiêm nhường. Và theo cách thức như thế, chúng ta đã chia tay Phùng Nguyễn, Đinh Cường, Nguyễn Ngọc Bích, Hoài Khanh, Tạ Chí Đại Trường, và mới đây Phan Lạc Phúc. Theo các bạn văn cho biết Phan Lạc Phúc ra đi ngày 28 tháng 4. 2016 tại Úc sau một cơn đột quy. Ôi, chỉ trong vòng nửa năm thôi mà có quá nhiều anh em ra đi, lại toàn là người có tài, tử tế, có tấm lòng với đất nước. Một câu hỏi lớn vờn trong tâm trí những bạn bè còn ở lại: Sau Phan Lạc Phúc rồi sẽ là ai nữa đây.

Người viết những dòng này với Phan Lạc Phúc có mối liên hệ hơi đặc biệt. Ông và Hà Thượng Nhân thuộc lớp người đi trước. Khi bọn này (NXT, Huy Phương, Mai Trung Tĩnh...) ra trường với lon chuẩn úy thì các ông đã ở cấp bậc cao và nổi tiếng. Hà Thượng Nhân với những bài thơ Đàn Ngang Cung trên báo Tự Do, rồi làm giám đốc Đài Phát Thanh Sài Gòn và chủ nhiệm nhật báo Tiền Tuyến của Quân Đội. Phan Lạc Phúc cũng từ báo Tiền Tuyến và lừng lẫy với mục Tạp Ghi dưới bút hiệu Ký Giả Lô Răng. Có thể nói Phan Lạc Phúc là người đầu tiên đưa Tạp Ghi lên thành một thể loại văn chương (như Tùy Bút vậy – Vũ Trung Tùy Bút). Sau này một số nhà văn dùng theo và nó trở thành phổ biến.

Sau ngày ở quân trường ra, Nguyễn là người mê đọc Tạp Ghi của ký giả Lô Răng. Với kiến thức quảng bác, tấm lòng nhân hậu, chữ nghĩa giàu có và giọng văn dí dỏm, Phan Lạc Phúc đã quyến rũ người đọc. Mê văn nhưng chưa bao giờ được làm quen với người. Nhiều lần ghé thăm bạn bè ở Đài Phát Thanh Quân Đội và Phòng Báo Chí, vậy mà Nguyễn chưa hề gặp mặt bắt tay Phan Lạc Phúc. Chỉ thấy ông loáng thoáng đâu đó, đang cười nói với Hà Thượng Nhân và Nguyễn Đạt Thịnh. Sau này đi tù trên đất Bắc, Nguyễn cũng chỉ gặp và kết thân với Hà Thượng Nhân. Mãi tới mấy năm sau khi đi tù về, tới ăn ở tiệm phở Nguyễn Minh Diễm trong Chợ Lớn, Nguyễn mới được gặp và chuyện trò với Phan Lạc Phúc. Ông vẫn giữ được vóc dáng và phong cách của một quân nhân.

Ra hải ngoại, Nguyễn vẫn được đọc những bài tạp ghi của Phan Lạc Phúc. Ông định cư ở Úc và thỉnh thoảng viết cho các báo ở Mỹ này. Vẫn những bài tạp ghi đầy chất humour và trí tuệ. Văn phong của Phan Lạc Phúc luôn giữ được vẻ đẹp và sự hấp dẫn khiến Nguyễn đọc ông với sự thích thú và lòng ngưỡng mộ. Không riêng Nguyễn mà nhiều người nữa cũng rất quý Phan

Lạc Phúc. Nhà báo Giao Chỉ Vũ Văn Lộc đã viết: “Tìm trên Internet với tên Phan Lạc Phúc các bạn sẽ thấy toàn là những bài bác viết đầy chuyện tử tế, nhân hậu để lại cho chúng ta. Tôi là độc giả của bác từ Việt Nam. Rồi khi ra tù qua Úc, bác Phúc tiếp tục viết Tạp Ghi chuyện xa gần quanh ta cho bạn bè. Sự nhân hậu tử tế thể hiện trong văn phong cả chuyện trong tù. Đối với bác Phúc có cả những tay cai tù, ngay cả trưởng trại tù cũng có người tử tế. Bác viết về người coi trại tù khi nói chuyện với những tù cải tạo gọi là các ông. Chuyện chưa từng có.”

Lưu Na, một cây bút trẻ, trong một bài viết tựa đề Tháng Tư Hoa Tím đã bày tỏ lòng tưởng nhớ Phan Lạc Phúc. Cô viết khi đọc Tuyển Tập Tạp Ghi của tác giả: “Bên cạnh những nhận định đơn giản mạch lạc và chắc chắn về thể cuộc, PLP còn có những thâm nhận tinh tế về văn hóa, con người. Qua PLP, những bóng người đã một lần có mặt trong cuộc bể dâu hiện ra như phố đêm Sài Gòn quanh co khuất nẻo, những uẩn khúc không ai biết đến nói lên can qua không chỉ trên đất nước mà còn trong nội tâm của tác giả, nơi hoàn cảnh mỗi gia đình, trong suy tư của người dân một đất nước.”

Bây giờ xin nói đến chút tình và kỷ niệm của Phan Lạc Phúc với Nguyễn và tạp chí Phổ Văn. Hồi đó, năm 2000, khi chuẩn bị ra tờ Phổ Văn, Nguyễn viết thư nhờ Phan Lạc Phúc viết cho vài lời giới thiệu. Phan Lạc Phúc bèn viết ngay một bài rất đặc sắc. Sau đây là trích đoạn:

“Hôm nay mới gặp Tần Thủy Hoàng  
Bạo chúa như ông sừng hay khổ  
Trời đã sang thu lá đã vàng  
Ông khóc hay cười trong nắm mộ...  
Chị buông ra em còn về viễn phố ”

Hôm nay mấy câu thơ đầu tiên trong vở kịch Người Diên của Hoàng Cầm lại trở về trong ký ức tôi. Vở kịch này được công diễn lần đầu trước ít ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp bùng nổ (19 tháng 12-1946). Ngày thường thì tôi quên... nhưng vài bữa nay tôi nhớ sau 54 năm xa cách. Tôi vừa nhận được thư của bạn cũ, nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp từ Texas (Hoa Kỳ) gửi sang. Ông bạn tôi đang có ý định “ra” một tờ báo thuần văn nghệ lấy tên là PHỔ VĂN. Từ chữ PHỔ lạ lẫm, bỗng nhiên tâm viên ý mã tôi nhớ lại “Chị buông ra em còn về viễn phố”. Chị ở đây là một người đàn bà diên đang đi tìm chồng và cũng muốn nhân đó xóa đi một chế độ độc tài hà khắc. Người mà người đàn bà diên (Kiều Loan) nắm lấy tay không phải là Tần Thủy Hoàng mà chỉ là một cô gái nhỏ. “Chị buông tay em ra (em đâu phải là Tần Thủy Hoàng) cho em đi về nhà -nhà em xa lắm ở một bến sông xa”. Viễn phố tức là bến sông xa -đầu mối của mọi sự liên tưởng và khơi gợi.

“Trong tình yêu cũng như trong chữ nghĩa, có nhiều điều khó giải thích. “Trái tim có lý lẽ riêng của nó mà lý trí không hiểu được.” Có những chữ đối với tôi nó hoang đường huyền thoại, tôi vừa yêu vừa sợ nó -ví dụ như viễn-phố-bến-sông-xa. Sự yêu mến làm bật dậy một số câu thơ đã “yên nghỉ” trên nửa thế kỷ nay trong tiềm thức. Bến-sông-xa là một cuộc hành hương trở về kỷ niệm. Bến Trung Hà trên Quảng Oai nước sông Cái (Hồng Hà) đổ lừ -ngày xưa gọi là ngã ba Hạc... đi sang bên kia là Việt Trì địa đầu trấn Sơn Hưng Tuyên (Sơn Tây-Hưng Hóa-Tuyên Quang) lịch sử. Hay là bến Ngọc Bài của nhánh sông Tích Giang nước chảy lạng lờ -lên Thạch Bích rồi ra sông Đáy qua Đồng Quan-Chợ Đại-Cống Thần đi vào Phát Diệm (Ninh Bình) rồi thẳng vô chợ Rừng Thông (Thanh Hóa) của một thời kháng chiến...

“Chữ bến sông, bến đò bao giờ cũng gợi ra trong tôi một sự chia ly nào đó. Mình sợ cũng không làm sao tránh được. Ôi! ‘cảnh biệt ly sao mà buồn vậy’ cũng bắt đầu từ đây. “Cơm nước xong, thầy mẹ tôi, anh chị em tôi, cả những kẻ ăn người ở trong nhà đều đưa tôi ra bến đò, chõ thuyền đậu”. Bến đò là chỗ chia tay. Nó bắt đầu từ chữ PHỔ của ông đấy – thừa ông Nguyễn Xuân Thiệp.”

Và rồi Phan Lạc Phúc đi tìm từ nguyên của chữ Phổ bằng cách hỏi một anh bạn trẻ tốt nghiệp Đại Học Văn Khoa Sài Gòn ban Việt Hán. Chữ Phổ viết với bộ thủy là bến sông còn viết với bộ

kim có nghĩa nơi đổi trao mua bán như phố phường, phố thị. Rồi ông bạn của Nguyễn làm một cuộc hành hương ra Bắc vô Nam tìm xem con phố nào có thể gọi là Phố Văn. Trương Thi, Khâm Thiên đều không hợp. Tự Do, Phạm Ngũ Lão ở Sài Gòn ngày xưa cũng chưa trọn nghĩa. Cuối cùng Phan Lạc Phúc đi tới kết luận: “Đi tìm một sự đồng thuận về Phố Văn thật khó. Chúng ta có lẽ phải bắt chước một nhà nghệ sĩ Âu Châu lưu vong khi ông nói đại ý rằng: “Nơi nào có Tự Do, nơi ấy là quê hương”. Chúng ta không đi tìm được một địa chỉ phố văn cụ thể; vậy tờ báo nào, tạp chí nào, cuốn sách nào có “văn” thì nơi ấy là Phố Văn. Không chừng ông bạn làm thơ của tôi ở Texas đang chủ trương như vậy. Nhưng ý hướng là một chuyện - có thực hiện được không là chuyện khác. Cho nên thưa ông Nguyễn Xuân Thiệp... tôi vừa mừng cho ông, vừa lo cho ông?”

Phải nói là một bài văn xuất sắc. Các bạn của Nguyễn có thể vào mục Giới thiệu phovanblog trên Blog Phố Văn để đọc toàn bài và thưởng thức văn phong vừa trí tuệ uyên bác vừa nhân hậu lại đượm chút u mặc. Quả thật ít người viết được như thế. Phan Lạc Phúc vừa là người của văn chương vừa là người của những giao tình ấm áp. Mới năm ngoái đây khi Nguyễn chuẩn bị in Sài Gòn Nơi Tôi Đã Vui Chơi Và Nhỏ Lẻ cho Nguyễn Quang Hiện, Phan Lạc Phúc từ bên Úc gọi điện hỏi thăm và chúc sức khỏe. Thời gian qua cũng nhiều khi Nguyễn được đọc những bài Tạp Ghi của Phan Lạc Phúc như khi ông viết về Phượng Tím (Jacaranda) ở Úc, viết về những kỷ niệm với Phạm Đình Chương hay tảo mộ những bạn tù xấu số. Và trong bài viết mới đây về Thanh Minh, Nguyễn cũng đã tìm đọc lại ông. Bây giờ thì ông đã về nơi viễn phố, nơi ước mong sẽ không có chiến tranh, trại tù và những nắng quái mưa hoang. Ông Phan Lạc Phúc ơi, văn chương và Tạp Ghi của ông sẽ còn mãi cũng như cái tình của người đối với nhau.

\*\*\*

**Phụ đính II:**  
**(thêm với...thừa hơn thiếu)**

### Hồi ký văn nghệ Tạ Tỵ

Khi Thanh Nam còn ở cùng ngõ với tôi, có 1 người thường đến chơi với Thanh Nam là đại úy Phan Lạc Phúc. Tôi và Phúc gặp nhau tại đây lâu dần thành thân. Lúc ấy, cái bút hiệu Lô Răng chưa ra đời, vì Phúc chưa làm báo, cũng chưa viết văn. Riêng tôi, chỉ biết, anh rất yêu văn thơ và đọc nhiều sách. Phúc, người khá ca ráo, cũng đeo kính trắng, vàng trán cao; đặc biệt, ăn nói rất bật thiệp, biết nhiều, hiểu rộng mọi vấn đề, chẳng những văn học, cả chính trị. Nhưng không phải vì vậy, mà anh có thái độ tự kiêu, tự đại. Anh luôn tỏ ra nhã nhặn, lịch thiệp. Học khóa 2 Thủ Đức, ra trường đi chiến đấu ngay, bị thương ở mắt cá chân, đi hơi cà nhắc, nhưng phải tinh ý mới thấy.

Về phương diện gia tộc, anh phải gọi Phan Lạc Tuyên, **cũng như nhà thơ** Phan Lạc Giang Đông bằng chú, tuy tuổi tác không kém nhau bao nhiêu. Tôi e nhà thơ Phan Lạc Giang Đông còn ít hơn Phan Lạc Phúc, có lẽ chỉ bằng tuổi nhà thơ Phan Lạc Tiếp, là em Phan Lạc Phúc. Theo tôi (**tác giả Thế Phong**) biết, Phan Lạc Phúc, Phan Lạc Tiếp là **vai chú** trong gia tộc họ Phan – Phan Lạc Tuyên, Phan Lạc Giang Đông.

Phan Lạc Phúc trước ở binh chủng Thủy quân lục chiến, sau khi bị thương trở về hậu cứ Thủy quân lục chiến ở Lê thánh Tôn (Saigon 1). Sau 1964, nhờ bộ óc sâu đậm snob, thêm có võ, dáng dấp dấp báo chí, văn chương, thuộc thơ Quang Dũng, tự rao ‘mình là em rể huyệt Quang Dũng’, lại có khả năng viết lách nho nhỏ, cộng sự quen biết rộng rãi, xin được chuyển về Cục Tâm lý chiến, bắt đầu phụ trách mục *Tạp ghi* nhật báo *Tiền Tuyến*, dần dà được đề bạt lên chức chủ bút – trung tá Phạm Xuân Ninh chủ nhiệm. Sau khi học tập cải tạo,

được định cư tại Úc, có 1 cuốn sách in ở Huế Kỳ, chính trị gia Bùi Diễm đề tựa . Còn Phan Lạc Tiếp , ban đầu là hạ sĩ quan hải quân, phụ trách báo hải quân 'Lướt sóng' cùng hạ sĩ quan . thi sĩ Phan Minh Hồng, sau xin đi học sĩ quan tại trường Bộ Binh Thủ Đức, và được trở về quân chủng Hải quân., cấp bậc sau cùng 1975, thiếu tá, tác giả 'Bờ sông lá mục' ...

Phan Lạc Giang Đông sinh 1940 , ít hơn Phan Lạc Tiếp ba, bốn tuổi, còn trung tá Phan Lạc Phúc sinh đầu, vào khoảng 1929. Phan Lạc Phúc viết báo ở Huế Kỳ, nhưng hiện ở Úc, còn Phan Lạc Tiếp hiện ở San Diego , và Phan Lạc Giang Đông qua đời ở Mỹ, tiến sĩ Phan Lạc Tuyên qua đời cô độc trong một ngôi chùa ở phường 13 quận Bình Thạnh mới đây.

(Thế Phong)

Xem "Tất cả dòng sông đều chảy" và Phan Lạc Giang Đông của Thế Phong - trang 45

\*\*\*

Trong cùng dòng họ, có tới 4 người cùng hoạt động văn học, kể như hiếm thấy. Quê của Phan Lạc Phúc ở Sơn Tây, gần quê thi sĩ Quang Dũng. Tôi nghe Phúc nói lại, hình như Quang Dũng thuở thiếu thời cũng hoạt động trớ trêu đảng phái nào đó; nhưng sau khi VM cướp chính quyền, Quang Dũng đi theo luôn, gia nhập Trung đoàn Thủ đô-một trung đoàn gồm đủ mọi thành phần, từ chàng *công tử bột*, tới anh thợ nề, thợ điện, từ ả vũ nữ tới cô bán hàng rong; nhưng chính cái trung đoàn này đã cầm chân được quân Pháp trong bước đầu xâm lăng miền Bắc Việt Nam.

Một buổi, tại nhà Thanh Nam, trong lúc mạn đàm về thơ, Phan Lạc Phúc nói, chỉ mê thơ Quang Dũng và vài thi nhân khác, như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng chẳng hạn ! Anh có giọng ngâm thơ rất ám , rất truyền cảm; nhưng không bao giờ anh ngâm thơ cho *Ban Tao đàn* của Đinh Hùng cả . ...

Thời gian cứ trôi đi lạnh lùng, như bất kể tới những sự việc , mà con người toán tính trên mặt đất. Mùa nắng qua, mùa mưa lại. (Tạ Ty)

## "Tất cả dòng sông đều chảy" và Phan Lạc Giang Đông Thế Phong

Tôi nhớ rất rõ lần gặp lại Phan Lạc Giang Đông sau 75 - đó là năm 1989 - lúc này Đông đã dọn nhà về phường 16 quận Tân Bình . Tôi đèo *nhà-báo-lão* Giang Kim ngồi sau xe Mô-by-lét xám đến thăm Đông, vào một chiều chủ nhật hơi mưa. Gặp khá nhiều vấn hữu trước 75 - rất quen tên lại lạ mặt - như thi sĩ Phổ Đức chẳng hạn . Bỗng nhiên, Đông đề nghị : "*.. hay là em đưa anh và bác Kim tới thăm anh Tuyên, liệu có tiện không ?*" .

Nguyên đại úy VNCH Phan Lạc Tuyên tham gia đảo chính Ngô Đình Diệm thất bại, dùng xe díp chạy qua Campuchia, theo Giải phóng miền Nam, Sau chế độ VNCH biến dạng , rồi 30 /4/ 75, Tuyên về "*giải phóng Saigon*" - tôi biết chứ - nhưng không tự ý đến gặp - chỉ là bữa nay Đông rủ đến thăm anh ruột, thì "*đi*". Nhà của Tuyên ở đâu gần Trung tâm Công nhân 3 thì phải - nhà tôn rộng rãi có vườn cây - từ lối đi vào bắt gặp một tượng Phật lớn. Vào nhà, gặp ngay hai ba kệ sách , báo bày ngổn ngang .

Tiến sĩ Phan Lạc Tuyên tốt nghiệp ở Ba Lan - "*tiến sĩ giấy*" như nhiều tiến sĩ bây giờ , mua luận đề, sao chép - riêng Tuyên thì *cóp-pi* tư liệu "*Mẫu hệ Chàm*" đã xuất bản ở Saigon của Nguyễn Khắc Ngữ. Tiến sĩ "*trẻ*" khai rút tuổi, sinh năm 1930 - thay vì 1928 tại Hữu Bằng ( tỉnh Sơn Tây) - tiểu sử trích ngang in trong tập thơ đã xuất bản ở Saigon trước đây.

Cái xiết chặt tay sau 29 năm không gặp nhau - Tuyên giới thiệu tử sách xong - lấy tay chỉ lên tấm ảnh lớn bốn người chụp chung , kích thước cỡ 30 x 40, ảnh đen trắng .

Phan Lạc Tuyên mặc com-lê, thắt cà -vat, đứng cạnh lãnh tụ áo bốn túi, cạnh là một " nữ" chiến sĩ gái Nam Bộ mặc bà ba đen, cổ quấn khăn rằn".

Phan Lạc Giang Đông đi bên cạnh, nghe tôi nói với Tuyên rất rõ :

-Này Tuyên, đã được nghe mày đọc 2 bài thơ rồi - một bài từ 1962 làm ở Hà Nội, bài kia ở Nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế Saigon sau 75 - và lại được nhìn " *tám ảnh lịch sử, có 1 không 2* !". Mày hỏi tao thích chân dung nào nhất trong 4 vị ư? Rất chân thực đáp : " *đó là Nàng chiến sĩ gái Nam Bộ, cổ quấn khăn rằn*". Mày muốn biết tại sao ư? bẩm sinh viết văn, làm thơ, hỏi tao thích con số nào nhất, xin thưa chỉ thích " số 35", và ở tấm ảnh này, đó là " *Nàng thơ chiến sĩ gái Nam Bộ*!"

Đông cười , tiếng cười vỡ toang vang động tỏ vẻ thích thú, sảng khoái - như lần nào tập thơ " *Thông điệp*" của Đông in rõ nề ô, trong *Tử sách Đại Nam văn hiến*, không giấy phép- có một bài ca tụng " *Đông phương hồng*" - tôi viết giới thiệu , biên tập , chẳng hiểu sao lại " *tặc lưỡi như con Thạch Sùng* " rồi cho qua luôn. Lúc này tôi và Đông đang là lính của quân chủng :

" *hào hoa là lính Không quân / Anh có cái quần đem bán in thơ* "!

Sau 30 / 4/ 1975, trung úy Phan Lạc Giang Đông phải đi , trình diện học tập cải tạo dài hạn - đã có dư luận xầm xì, có kẻ không ưa cho Đông có " *đài ăng ten bắt được sóng từ xa* ", nên được ra trại sớm .

Một lần , Đông tới tìm gặp ở sạp bán nón ( mũ) vợ tôi, trên lề đường Hai bà Trưng ( *trước cửa Trường Bà Sơ Thiên Phước Tân Định cũ*). Nơi này nhiều văn hữu lui tới tìm gặp tôi : họa sĩ Động Đình Hồ, văn sĩ Thanh Hữu, thi nhân Bùi Giáng, Lam Giang ( Nguyễn Quang Trứ) vv... Vợ tôi bảo:

- Chú " *Giang Cuội*" mời đi uống cà phê, cứ đi đi, đã có con bán phụ rồi !

Giang Đông dẫn tôi tới quán ăn Phương Đông ( *góc Hai bà Trưng + Hồng thập Tự ( cũ)*)- tôi nhớ rõ số nhà 104 - trước 75 là trụ sở " *Hội đồng Tôn Giáo* "( Cao Đài, Phật giáo, Hòa Hảo, Tin lành, Công giáo.. ) thường họp hành .

Thời bao cấp, được mời tới quán ăn, thật tình rất " *phấn khởi*!"!. Đông bảo :

...- bữa nay em " *đông bạc, mới đi buôn đường dài Hà Nội về* : " anh tự do chọn món khoái khẩu, uống " *la de*" tùy thích, hút " *3 số 5*" cho đã !"

Sau bữa ăn đó, không còn gặp Giang Đông - qua " tin *Bê-ba-xu*", *nghe lóm được chuyện Giang Đông tố cáo anh ruột" loạn luân" với vợ em ruột* - Đông gửi thư ra Hà Nội, ghi đích danh người nhận: Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm văn Đồng .

Và sau, lại nghe tin vui, Giang Đông đã định cư Hoa Kỳ, diện H.O ở Seattle , viết báo " *Tây bắc*", làm thơ rất ồn ào - Lưu Bá Bắc chuyển sang anh ngữ " *Tất cả dòng sông đều chảy*" , tầm tiếng Phan Lạc Giang Đông nổi tựa sóng cồn , dư luận văn chương hải ngoại tán thưởng.

Riêng tôi ,ngĩ vẫn vợ - thi sĩ Giang Đông sẽ không đề cập dòng sông không chảy đâu , hoặc có chảy lại lừ đừ, đập thủy điện be bờ, ngăn luồng, hoặc dòng sông bị lấp chỉ còn dòng chảy con lạch, hoặc có dòng sông bị tắc nghẽn không chảy được nữa!

Tên dòng sông thường được văn sĩ đưa vào tác phẩm , chẳng hạn " *Dòng sông định mệnh*" / *Doãn Quốc Sỹ* - ông này tầm tiếng đấy - từ đạo dòng sông định mệnh từ sách tuôn chảy - mà trước đó bản thảo là một " *cuộn giấy nối dài vô tận, dán vào nhau, có thể quấn tròn đưng trong ống quyển*"! Còn thiếu gì văn sĩ khác bắt nguồn tác phẩm lấy tựa sách là dòng sông -

Herman Hesse cũng đặt tựa dòng sông cho một cuốn tiểu thuyết đầy thôi !Cuốn truyện này được dịch sang việt ngữ ở thời Việt Nam Cộng Hòa -sau 1975 nhà thơ Ý Nhi, trường Chi

nhánh Hội Nhà văn tại tp .HCM tái bản.

Phan Lạc Giang Đông được giải thưởng thơ ở Huế Kỳ - dùng hiện kim mua xe hơi Mỹ chạy bạt mạng trên *highway* - chủ nhân tự lái gây tai nạn giao thông . Cũng chẳng khác gì chuyện xưa, tích cũ " *tái ông thất mã*" - song với Giang Đông lại " *ép-phê*" ngược, tiêu tán sức khỏe, tim gan, phèo, phở, bị " *xâm thực*" - cuối cùng ra đi : " .. *không mang va li, quần áo bỏ lại, chân không ba ta, giã từ cuộc đời, bè bạn..* (không nhắc tới vợ cái, con cật, đành chịu không biết lý do tại sao ?)- còn người tình thì không thể không rồi ! - trước 75 đã khắc họa nàng thơ trong thi tập " *Đắc Khanh & Màu sắc quê hương* " ( Nxb Bùi Hoàng Khải , Saigon 1965) .

(...)

Tôi ặng lẽ ngồi sau xe gắn máy hạ sĩ I Giang Đông hướng thẳng về Tân Sơn Nhất . Sau đợt V.C tấn công vào Saigon dịp tân xuân Mậu Thân, Giang Đông được *đặc cách* cử đi học sĩ quan tại Trường Võ khoa i Thủ Đức, ra trường lại được *đặc cách trở về KQ* . ( thường ra, hạ sĩ quan, binh sĩ được gửi đi học Thủ đức, mãn khóa sẽ không được trở lại quân chủng KQ )- nhưng nhờ trung tá tổng giám đốc Nha Võ tuyến truyền thanh Vũ đức Vinh- Huy Quang can thiệp , nên Giang Đông lại trở về Không quân / Khối CTCT B ộ Tư lệnh .

Một buổi, Hoàng Vũ Đông Sơn ới tôi tới quán Cô Răng Khềnh ( *chung cư Rạch Miễu 18 tầng* )\_ uống cà phê- Đông Sơn cho biết có thư Giang Đông từ Huế Kỳ nhờ chuyển. Ngồi xuống ghế, chờ từng giọt chảy từ phin cà phê, thì Đông Sơn thông thả, từ từ rút bóp ra, lấy tờ giấy bạc dài thông , khác cỡ tiền Ngân hàng Việt Nam phát hành - đó là tờ *ngân ảnh 20 Mỹ kim* kèm phụ chú:

....- "*tiền đô*" này Phan Lạc Giang Đông tặng anh T.P. đi uống cà phê chơi ở quê nhà ! Một ly cà phê phin 2000 đồng, vậy biết bao nhiêu lần uống phin đen là nhớ tới tác giả " *Đắc Khanh và màu sắc quê hương*" !

Thời gian này, chỉ ít khi thôi, lọt vài tai, câu được câu chăng - vì đau ốm triền miên - Đông không viết thư từ thăm hỏi anh em ở bên nhà được !

Nhưng có một lần, Hoàng Vũ Đông Sơn hốt hải tìm gặp tôi loan tin:

..Phan Lạc Giang Đông qua đời ở Hoa Kỳ rồi, sẽ có một buổi tưởng niệm được tổ chức tại chùa Giác Minh - nơi tạm cư của thượng tọa Thích Đức Nhuận - . có chị Thư Linh, chị Phương Nga ( *đương kim phu nhân PLGĐông* ) , Phở Đức, Khải Triều , Phạm Trần Anh ... và nhiều văn hữu khác nữa. Kể anh nghe một chuyện tức cười, có một vị sư trẻ khá điển trai, khi xướng danh tưởng niệm Phan Lạc Giang Đông thì phát âm thành Phan Lạc Văn Đông, hay Võ Đông gì đó..!

Thôi chả có gì phải làm âm ỉ- vì Phan Lạc VĂN ĐÔNG hay VÕ ĐÔNG - thì lúc sống đã là tác giả ( có VĂN chương rồi) - sĩ quan Không lực VNCH ( cũng VÕ quan đầy thôi ) - nói chung VĂN, VÕ xum xuê hoa lá , đủ cả , có phải vậy không chư vị ?

Bây giờ: - hãy thấp một nén nhang, hoặc một lời cầu nguyện cho một kẻ qua đời, mang tên PHAN LẠC GIANG ĐÔNG sinh năm 1940 ở Hải Dương ( *Bắc Bộ* ) , qua đời 2011 ở Seattle ( *Hoa Kỳ* ) , cựu sĩ quan Không Lực VNCH, tác giả *Đắc Khanh & Màu sắc quê hương* ( thơ, Saigon 1965), *Thông Điệp* ( thơ, Saigon 19 72) , được giải thưởng thơ cùng Bằng khen của Tổng thống Hoa Kỳ, còn được cựu lãnh tụ Gorbachop mời sang thăm Mạc Tụ Khoa - vì một bài thơ nào đó Phan Lạc Giang Đông sáng tác có hơi hướm *Glanost* chi chi đó!...

Hãy yên nghĩ, và *thôi thế cũng xong một đời* !

Saigon, tháng 12, năm 2001



## Về Phan Lạc Tuyên Thư Khanh

(Bà Thư Khanh, cô giáo, vợ của Phan Lạc Giang Đông em ruột Phan Lạc Tuyên, đi cải tạo 13 năm rưỡi, sang Mỹ năm 1994, mất năm 2001 tại Mỹ. Chúng ta hãy nghe bà Thư Khanh, tức em dâu Phan Lạc Tuyên, nhà ở khu Ông Tạ, thuật lại trên Internet những ngày đầu trở về của anh ruột chồng).

\*\*\*

“Vào tháng 8 năm 1975 – nghĩa là sau 30/4/75 ít tháng thì người anh chồng tôi là Phan Lạc Tuyên trở về Sài Gòn. Tuyên mặc quần áo bộ đội, đi dép râu, đội nón cối, vai đeo ba lô, tay dắt đứa con trai nhỏ 6 tuổi tên là Phan Đỗ Trí (con của vợ lấy ở ngoài Bắc).

Hôm đó bố chồng tôi đã được báo trước nên cụ ngồi ở nhà cả ngày để chờ. Quả thật làm cha mẹ ai mà không mừng rỡ khi con cái xa cách bao nhiêu năm nay trở về, nên tâm sự cha chồng tôi cũng thế. Cụ rưng rưng lệ, ôm lấy PL Tuyên và ôm đứa cháu nội nay mới 6 tuổi. Kế đó là chú Tùng, người chủ rể, nhà ở đối diện với cổng nhà tôi ở khu Ông Tạ. Chú nghe thấy tiếng reo mừng nên chạy qua, ôm lấy PL Tuyên mà hôn thắm thiết vào hai bên má. Tôi rất ngạc nhiên vì chú hôn đúng một xã hội chủ nghĩa chiếu trên ti vi gần đây. Hiện chú đang được làm tổ trưởng dân phố.

Sau khi hàn huyên và dẫn Tuyên đi thăm Bà trẻ (vợ kế của bố chồng tôi) ở Vườn Soài, có cửa tiệm buôn bán vàng bạc, và thăm một ông chú cũng ở Ông Tạ, nhà cao cửa rộng, cũng có cửa tiệm buôn bán vàng bạc. Ăn cơm xong, bố chồng tôi bảo Phan Lạc Tuyên: “Đây là khu Công giáo, anh ở không được đâu, người ta ghét anh lắm. Anh đi với bố sang nhà chú Tư, bên ấy rộng rãi, sang trọng, có tiền có bạc, có người hầu hạ, bố con anh ăn uống đầy đủ và an ninh hơn”.

Phan Lạc Tuyên suy nghĩ một lát rồi đứng lên đeo ba lô và dẫn con đi theo ông cụ.

Tới khoảng 10 giờ đêm bố chồng tôi mới trở về nhà, nét mặt cụ rất tươi vui....

Hơn một tháng tôi không gặp Phan Lạc Tuyên trở lại. Bỗng một hôm, sáng sớm Chủ nhật, tôi được con gái của Phan Lạc Tuyên đưa mẫu giấy, trong đó Phan Lạc Tuyên ghi: “Thím Giang, tôi mời thím đúng 9 giờ sáng nay phải đến nhà ông Tú Tài để có cuộc họp quan trọng. Thím phải đúng giờ và không được vắng mặt”.

Tôi rất ngạc nhiên nhưng cũng đến đúng giờ. Khi bước vào cửa, tôi được chỉ lên trên lầu. Cái lầu 3 của nhà ông Tú Tài (em ruột cụ Phan Vọng Húc, bố chồng tôi), có một chiếc bàn dài, kê ghế hai bên. Mọi người đã đông đủ, một bên là cụ Phan Vọng Húc, Bà trẻ, đến hai cô con gái Bà trẻ. Một bên là các con Phan Lạc Tuyên, gồm: Phan Thị Phương Lan, Phan Thị Bạch Tuyết, Phan Thị Hoài Hà, Phan Quốc Hưng. Có một chỗ trống ở đầu ghế dài này là chỗ giành cho tôi ngồi.

Hai đầu bàn thì chỉ có một cái ghế dựa trống. Còn Phan Lạc Tuyên đứng. Tôi bước vào chỗ xong, quả thật tôi nín thở – Không hiểu điều gì sẽ xảy ra! Chắc chắn không phải là một cuộc họp mặt vui vẻ!

Dăm bảy phút trôi qua mà sao nghe lâu và nặng nề quá! Phút chờ đợi đã tới.

Ông Tú Tài đã từ lầu dưới đi lên, bước vào! Ông là chú của chồng tôi nên tôi chào: “Thưa chú!”, còn thì không ai chào cả!

Phan Lạc Tuyên tay kéo ghế dựa, chỉ ông Tú Tài: “Mời ông ngồi đây!” rồi lên tiếng ngay và nói liền tu:

“Thưa ông Tu Tài! Tôi xin lỗi, ông và tôi trong xã hội mới không ngồi chung một chiếu. Ông chiếu khác, tôi chiếu khác. Do đó hôm nay, sau một tháng mười ngày tôi và hai con tôi ăn ở tại nhà ông là để xác định rõ ràng chúng ta không thể ngồi cùng một chiếu! Vở kịch của chúng ta đến đây đã chấm dứt. Nay, trước sự hiện diện của bố tôi: cụ Phan Vọng Húc, mẹ kế tôi và thím Giang Đông, tôi tuyên bố trả lại tiền ăn một tháng mười ngày – đúng theo tiêu chuẩn xã hội chủ nghĩa – là 15 kí gạo. Và tôi dọn ra khỏi nhà ông.

Bạch Tuyết! Dem gạo ra đây trả cho ông Tu Tài! .

Ông Tu nhìn túi gạo để ngay trước mặt rồi nói:

“Thưa bác Sếp (bố chồng tôi trước 1954 làm trưởng phòng Địa Chánh nên mọi người gọi là cụ Sếp) và thưa anh Tuyên, chú nghĩ anh về là chú mừng và nhất là anh lại đậu tiến sĩ về khoa khảo cổ, nên khi chú nghe tin bác Sếp và anh nói muốn tạm thời ở nhà chú thì chú mừng rỡ nhận lời ngay. Chú cũng có ý muốn gần anh để lúc rảnh sẽ trao đổi với anh đôi điều về sách vở, thơ phú. Nào ngờ vì lý do gì, anh giận chú mà bỏ đi đột ngột và trả chú 15 kí gạo thế này. Quả thật chú cũng chỉ thuê riêng một người để hầu hạ anh và hai cháu thôi chứ chú cũng biết trong xã hội mới đâu có quyền thuê người ở để hầu hạ mình như trước.

Cách mạng về thì chú cũng chấp hành ngay mọi việc mà! Nay giá anh cho chú một cục đá khảo cổ để chú làm kỷ niệm chứ gạo thì tuy nhà ai cũng khó khăn nhưng chú còn lo được, còn cái tình chú cháu khó kiếm lại được! Chú hiểu thân phận chú không cùng một chiếu với anh thì dù nhà nước muốn xử thế nào chú cũng chấp nhận chứ không dám nhờ anh che chở. Kể cả các em đi cải tạo cũng phó mặc cho số trời! Chưa bao giờ chú nói nhờ vả hoặc xin xỏ anh một điều gì cả”.

Ông Tu Tài nói xong, Phan Lạc Tuyên tuyên bố: “Giải tán!”. – Tất cả mọi người ra về.

\*\*\*

“Sau ngày đánh tư sản thì tới ngày cho kê khai nhà cửa, ai diện nào bị đi kinh tế mới, ai được hợp thức hoá nhà và cho chuyển hộ khẩu...vv. Tôi ở chung hộ khẩu với gia đình nhà chồng từ khi lấy Giang Đông. Nay Tuyên muốn tôi phải tách hộ khẩu vì không muốn có trong hộ khẩu vợ con của một thằng em là sĩ quan ngụy đang đi cải tạo.

Tuyên mời bố chồng tôi ra làm việc. Đầu tiên, cụ được lệnh mở cái rương kê dưới gầm bàn thờ. Tuyên lục lợi trong đó, bắt được lá đơn cụ viết gửi cho cảnh sát quận Tân Bình với nội dung nhờ cảnh sát đưa chị Bùi Thị Nga vào Dưỡng trí viện Biên Hoà vì chị bị tâm thần, cứ gọi tên các vị lãnh đạo quốc gia ra mà chửi.

Đọc đơn đó Tuyên đã nổi sùng nhưng vẫn lục tiếp và lôi ra tám hình cụ Húc chụp chung với hai người Mỹ. Hai người này vốn là cố vấn Văn hóa, xin chụp chung vì cụ là nhà nghiên cứu, có tên trong ban Tu Thu và Dịch thuật, đã được Giải thưởng Văn học – Dịch thuật với cuốn sách cụ dịch có tên “Phan Trần trá hôn”. Và Tuyên tiếp tục lôi ra một cái hộp đựng huy chương với lá cờ Vàng của VNCH, hình của Phó tổng thống Trần Văn Hương đang bắt tay và trao giải thưởng. Rồi hết, không còn gì khác.

Tuyên mặt đỏ phừng phừng, chỉ vào mặt bố chồng tôi, la:

“Ông là thằng phản động! Ông không xứng đáng với tôi một tí nào cả! Trong khi tôi đi kháng chiến thì ông ở nhà làm đơn cho cảnh sát bỏ tù vợ tôi – bỏ tù vợ một thằng Cộng sản! Đây là lá đơn chính chữ ông viết!”.

Cụ Húc phân bua :

“Vợ anh điên thật nhưng bắt vào trại tâm thần ở nhà không ai đưa đi được. Vì người điên khoẻ lắm, thầy phải làm đơn để họ đưa đi. Đi chữa bệnh chứ có đi tù đâu!”.

Tuyên giơ tám hình:

“Cái này ông còn chối cãi được không? Ông liên lạc với CIA, chụp chung hình với CIA!”.

Cụ Húc giải thích:

“Thầy đâu có làm gì với CIA! Họ là cơ quan Văn hoá”.

“Hừ! Văn Hoá ! Ngành nào cũng là CIA hết! Đây thì giải thưởng Văn Chương! Đây thì huy chương! Đây cờ quạt...”.

Tuyên ném các thứ xuống đất, lấy chân đi lên. Ông cụ lại nói gần như khóc:

“Thôi anh à, dù sao thì thầy cũng chịu ơn của chính phủ miền Nam. Anh cho phép thầy nhặt lá cờ lên, thấp một nén nhang rồi thầy giao nhà cửa cho anh. Anh là con cả, trưởng tộc, thờ cúng tổ tiên kể thầy!”.

Cụ Húc lom khom nhặt lá cờ. Tuyên giật ngược lại đi xuống đất:

“Để cho ông thấp nhang thôi!”.

Thấp nhang và vái mấy vái xong, cụ hốt hoảng ra về Cổng Bà Xếp, ở với người vợ sau cùng là Bà Tu Cao với đứa con gái nhỏ tên là Hải, cưới sau ngày bà mẹ ruột chồng tôi mất để hầu hạ cụ.

Hai gian nhà cụ Húc được khoá trái lại, giao chìa khoá cho Tuyên. Tuyên đề trước cửa: “Cấm mở! Cấm bọn phản động tụ họp cúng giỗ, ăn nhậu!”.

Một tuần sau ông cụ đau. Tôi lên Cổng Bà Xếp thăm. Cụ không dậy được. Tôi hỏi cụ: “Thầy có làm sổ gia đình không? Con sẽ hợp thức nhà và xin tách hộ khẩu”.

Cụ nói:

“Thằng Tuyên nó không còn tính người. Hôm qua nó mời cậu lên và nó sai cô Tổng (em ruột cụ, cô của Giang Đông) nhỏ nước miếng và chỉ vào mặt thầy, chửi: “Anh là đồ chó!”. Tại nó muốn thầy phải xác nhận phần nhà thầy cho con là của thầy rồi làm giấy tờ cho nó luôn, thầy trả lời thầy không thể làm như thế vì không có nhà con sẽ phải đi kinh tế mới. Lúc Giang Đông về cũng phải đi kinh tế mới theo con. Bởi vậy nên thằng Tuyên tức, bắt cô Tổng nhỏ vào mặt và chửi thầy!”.

Tôi nói:

“Cách đây ba bữa anh Tuyên cũng bảo con phải chửi thầy nhưng con không chửi. Con nói con là con nhà có giáo dục, hễ con mà chửi là bố mẹ con sẽ từ con ngay. Hơn nữa con là cô giáo, học trò ở khắp quanh đây, nếu con mất dạy như thế thì phụ huynh sẽ làm đơn đề nghị cho con nghỉ việc lập tức. Anh Tuyên bảo nếu vậy thì thằng Giang Đông cứ tiếp tục ở trong trại cải tạo. Ý anh ấy muốn thầy ghét con, không ký tên cho con nhà rồi anh ấy chiếm luôn”.

Ông cụ nói: “Thôi con cứ về lo sang tên và làm hộ khẩu mới đi. Thầy không cho nó chiếm căn nhà thầy cho con đâu”.

\*\*\*

Tôi ghi lại đám tang cụ Phan Vọng Húc, bố chồng tôi. Cụ Húc tắt thở ở nhà bà vợ sau cùng là bà Tư Cao ở khu Cổng Bà Xếp !

Trong tay không có tiền ! Cửa căn nhà thờ Tuyên khoá trái từ lâu!

Giang Đông chạy lên ông chú thứ nhất là ông Tham Liên - Ông là Kỹ Sư Kiểm Lâm Thời Pháp để cầu cứu và bàn bạc .Ông Tham nói : Để cho mời chú Tư Tài và bà Trê ( Bà Vợ mà cụ Húc lấy từ khi còn trẻ ở Hải Dương - có 4 cô con gái đang ở Mỹ và 1 cô ở VN ! bà không có con trai- ông Tham , ông Tư đều có con ở Mỹ ) .

Ông Tham chủ tọa nói :

- Tôi hay chú Tư Tài chỉ là anh em còn Anh Tuyên + Anh Giang Đông và bà Trê mới là chủ yếu . Mọi phí tổn chúng tôi có thể cho mượn từ A đến Z - Xong trả lại sau .Anh Giang Đông là con thứ vậy tôi đề nghị cho người xuống nhà anh Tuyên ở Phường 17 mời anh ấy về . Còn Bà Trê tuy không có con trai nhưng bà có 5 mặt con với ông Xếp Húc cũng là tình nghĩa lắm rồi thì bà là kế mẫu ghé vai với anh Tuyên và anh Giang Đông để lo cho ông cụ .

(Tuyên tránh mặt không về - người đưa tin về là Tuyên đi công tác)

Bà trẻ dấy nẩy không nhận trách nhiệm nói :

Anh Giang Đông là con bà cả, còn tôi : Vợ bé con thêm nhất là ông cụ lại lấy thêm vợ nữa và có con rồi ! Tôi chỉ đi dự đám tang khi đưa ra chùa làm lễ hoặc về căn nhà chỗ thờ cúng tổ tiên còn nếu để trong nhà bà Tư Cao thì tôi không đến .

Từ 6 giờ tối ông cụ tắt thở đến 9 giờ tối chưa xong bàn bạc !

Giang Đông năn nỉ bà Trẻ Ký Nợ Phụ còn mọi chuyện tang ma thì Giang Đông lo .

Bà trẻ có uy tín về tiền bạc vì con bà bốn cô con gái đang ở Mỹ thì ông Tham ông Tư Tài mới cho vay. Bà trẻ nghe ông Tham nói là : Chúng tôi chỉ biết bà là thay cho bà Cả đã mất . Và từ nay anh Giang Đông phải gọi bằng vợ chứ không được gọi bằng dì Hai !

Giang Đông vâng lời như tép và biên giấy nợ gấp để lấy tiền đi đặt nhà đôn! Giang Đông quay cùng tôi và hai con tôi lên lo lau thi hài ông cụ và thay áo quần! Con trai tôi, thằng thứ hai nó cũng bạo gan nó lau rửa cho ông . May mà áo rộng chứ không thì hơi cứng xỏ tay không nổi . Sau đó thức suốt đêm tại đây và mai đưa lên Chùa Vĩnh Nghiêm .

\*\*\*

Phan Lạc Tuyên không ló mặt và ngồi nhà họp với các con để "Coi thằng Giang Đông buôn bác xác ông Cụ - tin này do anh Quang làm giáo viên bạn của Giang Đông và đệ tử của Tuyên - nhà Quang ở gần nhà Tuyên báo cho Giang Đông hay là Tuyên không ra mặt chứ không phải đi công tác !)

Bà vợ trẻ lo thu và chi và Kết toán còn Giang Đông lo khách khứa nhà đôn , nghĩa địa và liên hệ chùa Vĩnh Nghiêm để làm lễ tang ma cho - khách tới viếng !

Cũng ngày này lúc 10 giờ sáng có ông Mặc Đường Viện Trưởng Viện Khoa Học Xã Hội và Công Đoàn của Viện tới phúng một vòng hoa. Ông Mặc Đường hỏi tôi :

- Ai là chủ tang xin cho chúng tôi thấp nhang .

Tôi thưa : " Dạ thưa ông : anh Phan Lạc Giang Đông và bà mẹ ! "

Ông hỏi : " Tôi nghe bà cụ mẹ Tuyên mất từ lâu cơ mà ? "

Tôi thật thà : " Thưa bà mẹ kể ạ ! " .

Ông lại hỏi : " Vậy Tuyên đâu ? ! "

Tôi thưa : " Anh Tuyên đi công tác ! Chúng tôi cho người tìm tận nhà nhưng nhà đóng cửa . Gõ cửa mãi thì con anh ấy trả lời như vậy ! " .

Ông Mặc Đường :

" Hừ ! hần đi công tác thì tôi là thủ trưởng phải biết chứ - Chị Công Đoàn cho gọi hần lên đây ngay cho tôi - không thể như vậy được ! " .

Tôi thưa :

" Thưa ông ! Việc nước trước việc nhà thưa ông - Nếu vì công tác thì vong hồn cụ Húc cũng vui vẻ thôi và chúng tôi lo tang ma được ạ ! " .

Ông ta quay ra thấp nhang và đặt vòng hoa rồi ra về ngay .

Đến gần trưa , tức là hai giờ sau khi ông Mặc Đường về thì Tuyên lên - Mặc bộ đồ Treizy hay mặc để đi điền dã (Đi khảo cổ thì mặc) bắt tay Giang Đông - bước vào đi thẳng vào quan tài ông cụ . Hai tay chấp lên trán gục đầu ngang trên phía đầu quan tài . Rồi Tuyên ra thấp nhang và khăn to :

- Lay bố, con bạn đi công tác còn đang vận đồ điền dã, nghe tin bố mất con về thấp nhang.

Người ta sống thọ được như bố ít lắm - biết bao chiến sĩ Cách Mạng phải chết trẻ để đánh Mỹ cứu nước bố ạ !

Tuyên không nhận tang . Bà trẻ thì sùng vì : Tuyên đã từng một điều : " Mẹ ! - hai điều Mẹ ! " - hồi mới về để moi cửa cửa bà . Nay coi như chả cần biết bà là ai !!!

Bà bảo Giang Đông : Đây tôi trả lại anh cái thủ quỹ !

Lại một phen Giang Đông năn nỉ muốn chết !

- Ngày hôm sau động quan đưa ra nghĩa trang Bình Hưng Hoà - bà Queo Tân Bình ! Vì bạn hầu hết là thân quen nhưng số Va9n Nghệ sĩ muốn tiễn đưa ông Cự là nhà văn nhà viết sử mà còn muốn chứng kiến Phan Lạc Tuyên có mặt và thái độ thế nào - coi nó Cộng Sản đến mức độ nào ? !

- Tuyên không có trong chùa trong buổi này . Nhưng khi tang chủ sắp ngỏ lời ở trước mộ thì Tuyên xuất hiện - gạt Giang ông và bà trẻ ra !

Tuyên vẫn mặc bộ quần áo điền dã và đồng dạc:

Kính thưa quý vị :

Tôi là Phan Lạc Tuyên . Tôi là con trưởng của cụ Phan Vọng Húc . Nay bố tôi qua đời ! Tôi vì bận công tác tôi không về kịp nên nhờ em trai tôi là Phan Lạc giang Đông lo mọi thứ . Đến đây thì em tôi đã xong nhiệm vụ và tôi xin có đôi điều thưa với vong hồn bố : " Thưa bố ! Con đi Kháng Chiến ăn bom ăn đạn ! Bố được sống an bình tới tuổi này là quý lắm rồi - Biết bao chiến sĩ cách Mạng phải hy sinh ở tuổi non trẻ ! Vậy mong bố đi an bình ! - tôi xin hết và tuyên bố lấp đất ! " .

Không một lời cảm ơn ai cả ! Xong hấn ra xe con rề hấn chở đi.

Bài vị ông Cự được đưa về chỗ nhà thờ cũ. Tôi đã phải nậy cửa từ hôm ông cụ tắt thở để lau chùi bàn thờ ! Tuyên đã gài 1 cây sắt dài 2 gang tay của cây sắt b40 của nhà binh - ở phía trong trên cao của hai cánh cửa - khi cánh cửa vừa bật ra, cây sắt rớt trúng bàn chân tôi nhưng nhờ tôi đi giày nên xoa bóp hoài mới tan máu đỡ đau.

*Seattle .ngày 7- 7- 2010*